

LỜI CẢM ƠN

Khóa luận tốt nghiệp là một công trình khoa học của sinh viên khi tốt nghiệp Đại học. Cũng như các sinh viên khác, để hoàn thành tốt bài khóa luận của mình, ngoài sự nỗ lực của bản thân, em còn nhận được sự giúp đỡ của thầy cô hướng dẫn, và động viên giúp đỡ của gia đình, bạn bè.

Em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc của mình tới cô giáo hướng dẫn TS. Đào Thị Thanh Mai, cô đã định hướng đề tài, hướng dẫn và giúp em trong suốt quá trình làm khóa luận tốt nghiệp.

Em cũng xin tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới các cán bộ Phòng Văn hóa huyện Đông Triều, các thầy cô giáo trong và ngoài khoa Văn hóa Du lịch trường Đại học Dân Lập Hải Phòng đã cung cấp cho em những tài liệu cần thiết liên quan đến bài khóa luận của mình.

Cảm ơn gia đình đình và bạn bè đã nhiệt tình giúp đỡ, động viên em để hoàn thành khóa luận này.

Sinh viên

Nguyễn Thị Phương Thảo

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

1. UBND : Ủy ban nhân dân
2. VH TT- DL : Văn hoá Thể thao - Du lịch
3. NXB : Nhà xuất bản
4. QĐ : Quyết định
5. TNHH : Trách nhiệm hữu hạn
6. CP : Cổ phần
7. TCN : Trước công nguyên
8. SCN : Sau công nguyên

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong xã hội hiện đại, du lịch là một ngành có vai trò quan trọng trong việc cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống con người. Du lịch là một ngành kinh tế tổng hợp, được mệnh danh là ngành công nghiệp không khói, được xác định là mũi nhọn trong nền kinh tế quốc dân.

Việt Nam là một quốc gia có tiềm năng phát triển du lịch rất lớn. Sức hút của Việt Nam không chỉ là vẻ đẹp hùng vĩ của thiên nhiên mà còn do nguồn tài nguyên nhân văn vô cùng phong phú, đa dạng. Đó chính là các lễ hội truyền thống, phong tục tập quán, các di tích lịch sử văn hoá... Do vậy việc phát triển loại hình du lịch văn hoá đang được Đảng, Nhà nước đặc biệt chú ý quan tâm.

Ngày nay, khi cuộc sống của con người ngày càng được cải thiện, hiện đại hóa hơn, thì nhu cầu trở về với cội nguồn, tìm hiểu những nét đẹp văn hóa truyền thống đã trở thành một nhu cầu tất yếu. Chính vì thế, lượng khách du lịch đến với các di tích lịch sử văn hóa, lễ hội, làng nghề truyền thống của mỗi quốc gia dân tộc khác nhau trên thế giới ngày càng tăng. Đến với các điểm du lịch có các di tích lịch sử văn hóa, du khách sẽ được thỏa mãn nhu cầu hiểu biết về những nét đẹp văn hóa, những giá trị lịch sử lâu đời, những danh nhân văn hóa của mọi thời đại mỗi quốc gia, dân tộc nơi du khách đặt chân đến.

Dân tộc Việt Nam có lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước, có tới hàng trăm di tích lịch sử, văn hóa đánh dấu những chặng đường phát triển của lịch sử văn hóa dân tộc. Nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc chính là sự kết tinh và tỏa sáng từ các di tích lịch sử, văn hóa này.

Nằm ở phía Đông Bắc, Quảng Ninh là một đầu mối hành lang kinh tế liên vùng, quốc tế quan trọng của Việt Nam. Quảng Ninh hiện đang là tỉnh có tốc độ tăng trưởng cao của cả nước. Sự tập trung với mật độ dày đặc các thắng cảnh và các di tích lịch sử, nơi đây được đánh giá là một trong mười trung tâm du lịch lớn của đất nước. Tuy nhiên bên cạnh việc tập trung đầu tư phát triển du lịch biển, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch thể thao,... thì việc đầu tư phát triển du lịch văn hoá vẫn chưa được đặc biệt chú ý quan tâm. Cho nên nhắc đến Quảng Ninh mọi người thường nghĩ ngay đến di sản thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long, đến những bãi biển đẹp như Trà Cổ, Bãi Dài...Mà ít ai biết đến nét đẹp văn hoá, các di tích lịch sử văn hoá của tỉnh.

Đông Triều là huyện có số lượng các di tích lịch sử văn hoá xếp hạng cấp quốc gia, cấp tỉnh lớn nhất của Quảng Ninh. Tiềm năng rất lớn trong phát triển du lịch văn hóa. Mỗi di tích ở nơi đây chứa đựng những giá trị tâm linh, giá trị nhân văn cao cả và mang ý nghĩa giáo dục sâu sắc. Tuy nhiên, hoạt động du lịch tới các di tích lịch sử, văn hóa của Đông Triều chưa thực sự phát triển tương xứng với tiềm năng vốn có của nó, chưa khai thác được hết các giá trị trong lòng các di tích.

Với mục đích giới thiệu các di tích lịch sử, văn hoá của huyện Đông Triều, góp phần vào việc bảo tồn các giá trị văn hoá, sự phát triển của du lịch quê hương em quyết định chọn đề tài “Tìm hiểu các di tích lịch sử văn hoá ở huyện Đông Triều – Quảng Ninh phục vụ cho phát triển du lịch” làm khoá luận tốt nghiệp khoá luận của mình.

2. Mục đích nghiên cứu

- Tìm hiểu về tài nguyên du lịch nhân văn

- Tìm hiểu và giới thiệu giá trị văn hoá, lịch sử của các di tích tiêu biểu của huyện Đông Triều.
- Đề xuất một số giải pháp với ngành du lịch, các ban ngành có liên quan của tỉnh Quảng Ninh, huyện Đông Triều nhằm bảo tồn, khai thác hiệu quả các di tích lịch sử văn hoá của huyện Đông Triều phục vụ cho phát triển du lịch.

3. Đối tượng nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu của khoá luận là hệ thống các di tích lịch sử, văn hoá trong huyện Đông Triều. Thực trạng bảo tồn, khai thác các di tích phục vụ cho phát triển du lịch.

4. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi nghiên cứu của khoá luận là tập trung nghiên cứu, tìm hiểu các di tích lịch sử văn hoá được xếp hạng cấp quốc gia, cấp tỉnh của huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

5. Phương pháp nghiên cứu

Để hoàn thành bài khoá luận này em đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

- Phương pháp nghiên cứu thực địa
- Phương pháp phỏng vấn
- Phương pháp tổng hợp và phân tích
- Phương pháp thu thập và xử lý số liệu

6. Bố cục khoá luận

Ngoài phần mở đầu, kết luận, mục lục, tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung khoá luận được chia làm 3 chương:

Chương I: Khái quát chung về du lịch và văn hoá

Chương II: Hiện trạng các di tích lịch sử văn hoá ở Đông Triều -

Quảng Ninh

Chương III: Một số giải pháp và kiến nghị

Chương I: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ VĂN HOÁ VÀ DU LỊCH

1.1. Du lịch

1.1.1. Khái niệm

Thuật ngữ du lịch trong ngôn ngữ nhiều nước bắt nguồn tiếng Hy Lạp với ý nghĩa là đi một vòng. Thuật ngữ này được La tinh hoá thành “tornus” và sau đó thành “tourisme” (tiếng Pháp), “tourism” (tiếng anh)... Trong tiếng Việt, thuật ngữ “tourism” được dịch thông qua tiếng Hán “du” có nghĩa là đi chơi, “lịch” có nghĩa là từng trải.

Do hoàn cảnh (thời gian, khu vực) khác nhau, dưới góc độ nghiên cứu khác nhau, mỗi người có một cách hiểu về du lịch khác nhau.

Năm 1963, với mục đích quốc tế hoá, tại Hội nghị Liên hợp quốc về du lịch họp tại Roma, các chuyên gia đã đưa ra khái niệm về du lịch như sau: “Du lịch là tổng hợp các mối quan hệ, hiện tượng và các hoạt động kinh tế bắt nguồn từ các cuộc hành trình và lưu trú của cá nhân hay tập thể ở bên ngoài nơi ở thường xuyên của họ hay ngoài nước họ với mục đích hoà bình. Nơi họ đến lưu trú không phải là nơi làm việc của họ”.

Khác với quan điểm trên, các học giả biên soạn từ điển bách khoa toàn thư Việt Nam (1966) đã tách nội dung cơ bản của du lịch thành 2 phần riêng biệt:

Nghĩa thứ nhất (đứng trên góc độ mục đích chuyến đi): Du lịch là một dạng nghỉ dưỡng sức tham quan tích cực của con người ngoài nơi cư trú với mục đích: nghỉ ngơi, giải trí, xem danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hoá, nghệ thuật,...

Nghĩa thứ hai (đứng trên góc độ kinh tế): Du lịch là một ngành kinh doanh tổng hợp có hiệu quả cao về nhiều mặt, nâng cao hiểu biết về thiên nhiên, truyền thống lịch sử và văn hoá dân tộc, từ đó góp phần tăng thêm tình yêu đất nước; đối với người nước ngoài là tình hữu nghị với dân tộc mình; về mặt kinh tế, du lịch là lĩnh vực kinh doanh mang lại hiệu quả rất lớn: có thể coi là hình thức xuất khẩu hàng hoá và dịch vụ tại chỗ”.

Khái niệm du lịch của tổ chức du lịch thế giới (WTO-1990): “ Du lịch là một tập hợp các hoạt động và các dịch vụ đa dạng liên quan đến việc di chuyển tạm thời của con người ra khỏi nơi cư trú thường xuyên của họ nhằm mục đích tiêu khiển, nghỉ ngơi, văn hoá, dưỡng sức...và nhìn chung những lý do đó không phải đi kiếm sống”.

Theo Luật Du lịch Việt Nam (2005): “ Du lịch là các hoạt động có liên quan đến chuyến đi của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên của mình nhằm đáp ứng nhu cầu tìm hiểu, giải trí, nghỉ dưỡng trong một khoảng thời gian nhất định”.

Như vậy, có khá nhiều khái niệm nhưng tổng hợp lại ta thấy du lịch hàm chứa những nội dung tiêu biểu sau:

- Du lịch là một hiện tượng kinh tế xã hội;
- Du lịch là sự di chuyển và tạm thời lưu trú ngoài nơi ở thường xuyên của các cá nhân hoặc tập thể nhằm thoả mãn các nhu cầu đa dạng của họ;
- Du lịch là tập hợp các hoạt động kinh doanh phong phú đa dạng nhằm phục vụ cho các cuộc hành trình, lưu trú tạm thời và các nhu cầu khác của cá nhân hoặc tập thể khi họ ở ngoài cư trú thường xuyên của họ;

- Các cuộc hành trình, lưu trú tạm thời của cá nhân hoặc tập thể đó đều đồng thời có một số mục đích nhất định, trong đó có mục đích hoà bình.

1.1.3. Chức năng

- Chức năng xã hội:

Chức năng xã hội thể hiện ở vai trò của nó trong việc giữ gìn, hồi phục sức khoẻ và tăng cường sức sống cho nhân dân. Trong chừng mực nào đó, du lịch có tác dụng hạn chế các bệnh tật, kéo dài tuổi thọ và khả năng lao động của con người.

Thông qua du lịch, đông đảo quần chúng có điều kiện tiếp xúc với những thành tựu văn hoá phong phú lâu đời của các dân tộc, từ đó tăng thêm lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết, hình thành những phẩm chất đạo đức tốt đẹp. Điều đó quyết định sự phát triển cân đối về nhân cách của mỗi cá nhân trong xã hội.

- Chức năng kinh tế:

Chức năng kinh tế của du lịch liên quan mật thiết với vai trò của con người như là một lực lượng sản xuất chủ yếu của xã hội. Hoạt động sản xuất là cơ sở tồn tại của mọi xã hội. Việc nghỉ ngơi, du lịch một cách tích cực và được tổ chức hợp lý sẽ đem lại kết quả tốt đẹp. Một mặt, nó góp phần vào việc hồi phục sức khoẻ cũng như khả năng lao động và mặt khác đảm bảo tái sản xuất mở rộng lực lượng lao động với hiệu quả kinh tế rõ rệt.

Chức năng kinh tế của du lịch còn thể hiện ở một khía cạnh khác. Đó là dịch vụ du lịch, một ngành kinh tế độc đáo, ảnh hưởng đến cả cơ cấu ngành và cơ cấu lao động của nhiều ngành kinh tế. Hơn nữa, nhu cầu nghỉ ngơi, giải trí của con người được thoả mãn thông qua thị trường hàng hoá và dịch vụ du lịch, trong đó nổi lên ưu thế của dịch vụ giao thông, ăn ở. Do vậy, dịch vụ du lịch là cơ sở quan trọng kích thích sự phát triển kinh tế, là nguồn thu ngoại tệ lớn của nhiều nước.

- Chức năng sinh thái:

Chức năng sinh thái của du lịch được thể hiện trong việc tạo nên môi trường sống ổn định về mặt sinh thái. Nghỉ ngơi du lịch là nhân tố có tác dụng kích thích việc bảo vệ, khôi phục và tối ưu hoá môi trường tự nhiên xung quanh, bởi vì chính môi trường này ảnh hưởng trực tiếp đến sức khoẻ và các hoạt động của con người. Để đáp ứng nhu cầu du lịch, trong cơ cấu sử dụng đất đai nói chung phải dành riêng những lãnh thổ nhất định có môi trường tự nhiên ít thay đổi, xây dựng các công viên rừng quanh thành phố, thi hành các biện pháp bảo vệ nguồn nước và bầu khí quyển nhằm tạo lên môi trường sống thích hợp. Việc làm quen với các thắng cảnh và môi trường tự nhiên bao quanh có ý nghĩa không nhỏ đối với khách du lịch. Nó tạo điều kiện cho họ hiểu biết sâu sắc các tri thức về tự nhiên, hình thành quan niệm và thói quen bảo vệ tự nhiên góp phần giáo dục cho khách du lịch về mặt sinh thái học.

Giữa xã hội và môi trường trong lĩnh vực du lịch có mối quan hệ chặt chẽ. Một mặt xã hội cần đảm bảo sự phát triển tối ưu của du lịch, nhưng mặt khác lại bảo vệ môi trường tự nhiên khỏi tác động phá hoại của dòng khách du lịch và của việc xây dựng cơ sở vật chất phục vụ du lịch. Du lịch - bảo vệ môi trường là những hoạt động gắn gũi và liên quan với nhau.

- Chức năng chính trị:

Chức năng chính trị của du lịch được thể hiện ở vai trò to lớn của nó như một nhân tố củng cố hoà bình, đẩy mạnh các mối giao lưu quốc tế, mở rộng sự hiểu biết giữa các dân tộc. Du lịch quốc tế làm cho cuộc sống ở các khu vực khác nhau hiểu biết và xích lại gần nhau hơn.

1.1.4. Ý nghĩa kinh tế - xã hội của du lịch

- Du lịch góp phần phát triển kinh tế đất nước, sử dụng ngoại tệ thu được từ lĩnh vực du lịch để góp phần đầu tư vào các lĩnh vực khác như y tế, giáo dục, phúc lợi xã hội...

- Phát triển du lịch sẽ tạo ra công ăn, việc làm và tạo điều kiện tăng thu nhập cho nhân dân địa phương.
- Việc khai thác đưa các tài nguyên phục vụ phát triển du lịch, đòi hỏi phải có đầu tư về mọi mặt: giao thông, bưu điện, kinh tế, văn hoá, xã hội ... Do vậy mà việc phát triển du lịch làm thay đổi bộ mặt kinh tế xã hội.
- Thông qua du lịch, con người được thay đổi môi trường, có ấn tượng và cảm xúc mới, thoải mái được trí tò mò, đồng thời mở mang kiến thức, đáp ứng lòng ham hiểu biết, do đó góp phần hình thành phương hướng đúng đắn trong mơ ước sáng tạo, trong kế hoạch tương lai của mình.
- Du lịch còn là phương tiện giáo dục lòng yêu đất nước, giữ gìn và nâng cao giá trị truyền thống dân tộc. Thông qua các chuyến đi tham quan, nghỉ mát, văn cảnh ... người dân có điều kiện làm quen với cảnh đẹp, với lịch sử và văn hoá dân tộc, qua đó thêm yêu đất nước mình.
- Phát triển du lịch có ý nghĩa to lớn đối với việc góp phần khai thác, bảo tồn các di sản văn hoá và dân tộc, góp phần khai thác, bảo tồn các giá trị văn hoá dân tộc, góp phần bảo vệ và phát triển môi trường tự nhiên, xã hội.
- Du lịch làm tăng thêm tình hữu nghị giữa các quốc gia, củng cố nền hoà bình của các dân tộc trên thế giới.

1.2. Văn hoá

1.2.1. Khái niệm

Văn hoá là khái niệm mang nội hàm rộng lớn với rất nhiều cách hiểu khác nhau, liên quan đến mọi đời sống vật chất và tinh thần của con người.

Ở Trung Quốc, từ “văn hoá” đã xuất hiện trong đời sống ngôn ngữ ở thời Tây Hán (206 TCN - 25 SCN). Lưu Hưong viết trong sách Thuyết uyển bài Chi vũ: “Thánh nhân cai trị thiên hạ, trước dùng văn đức rồi sau mới dùng vũ lực. Phàm

dùng vũ lực đều để đối phó kẻ bất phụng tùng, dùng văn hoá không thay đổi được thì sau đó sẽ chinh phạt”. Như vậy, trong cách nghĩ của Lưu Hưông, từ văn hoá được hiểu như một cách giáo hoá đối lập với vũ lực, văn hoá gắn với nghĩa giáo hoá.

Ở phương tây, từ văn hoá xuất hiện sớm trong đời sống ngôn ngữ. Nhà ngôn ngữ học người Đức W.Wundt cho rằng: “Văn hoá là một từ có căn gốc La tinh: colere, sau trở thành cultura nghĩa là cày cấy, gieo trồng”. Từ nét nghĩa này về sau dẫn đến nghĩa rộng hơn là sự hoàn thiện, vun trồng tinh thần, trí tuệ. Thế kỷ thứ nhất TCN, Ciceron (nhà hùng biện thời La Mã) có câu nói nổi tiếng: Triết học là văn hoá (sự vun trồng) tinh thần (Filosofia cultura animi est).

Mặc dù ra đời sớm trong đời sống ngôn ngữ phương Tây cũng như phương Đông nhưng phải đến thế kỷ thứ XVIII, từ “Văn hoá” mới được đưa vào khoa học, sử dụng như một thuật ngữ khoa học. Từ đó cho đến nay, khái niệm văn hoá được nhiều người đề cập. Năm 1952, trong công trình văn hoá : “Tổng luận phê phán các quan niệm và định nghĩa” hai nhà khoa học Mỹ A.L.Kroebr và A.C.Kluekhohn đã thống kê và phân tích tới 164 định nghĩa về văn hoá và đến năm 1994, trong công trình “văn hoá Việt Nam và cách tiếp cận mới, PGS.Phan Ngọc cho biết “một nhà dân tộc học Mỹ đã dẫn ngót 4 trăm định nghĩa về văn hoá khác nhau”.

Ta có thể kể đến các khái niệm văn hoá tiêu biểu sau:

Khái niệm văn hoá của Trần Ngọc Thêm: “Văn hoá là hệ thống hữu cơ các giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo và tích lũy trong quá trình hoạt động thực tiễn và trong sự tương tác giữa con người với tự nhiên và môi trường xã hội”.

Năm 2002, UNESCO đã đưa khái niệm về văn hoá: “Văn hoá nên được đề cập đến như là một tập hợp những đặc trưng về tâm hồn, vật chất, tri thức và xúc cảm của một xã hội hay một nhóm người trong xã hội và nó chứa đựng ngoài văn học và nghệ thuật cả cách sống, phương thức chung sống, hệ thống giá trị, truyền thống và đức tin”.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng rất quan tâm đến văn hoá, Người đưa ra khái niệm: “Vi lễ sinh tồn cũng như mục đích cuộc sống loài người mới sáng tạo và phát sinh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hoá”.

1.2.2. Đặc trưng và chức năng

Tính hệ thống là đặc trưng đầu tiên của văn hoá. Đặc trưng này cần để phân biệt hệ thống với tập hợp. Nó giúp phát hiện những mối liên hệ mật thiết giữa các hiện tượng, sự kiện thuộc một nền văn hoá, phát hiện các đặc trưng, những quy luật hình thành và phát triển của nó.

Nhờ có tính hệ thống mà văn hoá, với tư cách là một thực thể bao trùm mọi hoạt động của xã hội, thực hiện được chức năng tổ chức xã hội. Chính văn hoá thường xuyên làm tăng độ ổn định của xã hội, cung cấp cho xã hội mọi phương tiện cần thiết để ứng phó với môi trường tự nhiên và xã hội của mình. Nó là nền tảng của xã hội.

Đặc trưng thứ hai của văn hoá là tính giá trị. Văn hoá theo nghĩa đen nghĩa là “trở thành đẹp, thành có giá trị”. Tính giá trị cần để phân biệt giá trị với phi giá trị. Nó là thước đo mức độ nhân bản của con người.

Các giá trị văn hoá, theo mục đích có thể chia thành giá trị vật chất và giá trị tinh thần; theo ý nghĩa có thể chia thành giá trị sử dụng, giá trị đạo đức và giá trị thẩm mỹ; theo thời gian có thể phân biệt các giá trị vĩnh cửu và giá trị nhất thời. Sự phân biệt các giá trị theo thời gian cho phép ta có được cái nhìn biện chứng và khách quan trong việc đánh giá tính giá trị của sự vật, hiện tượng; tránh được những xu hướng cực đoan-phủ nhận sạch trơn hoặc tán dương hết lời.

Nhờ thường xuyên xem xét các giá trị mà văn hoá thực hiện được chức năng quan trọng thứ hai là chức năng điều chỉnh xã hội, giúp cho xã hội duy trì được trạng thái cân bằng động, không ngừng tự hoàn thiện và thích ứng với những biến đổi của môi trường, giúp định hướng các chuẩn mực, làm động lực cho sự phát triển của xã hội.

Đặc trưng thứ ba của văn hoá là tính nhân sinh. Tính nhân sinh cho phép phân biệt văn hoá như một hiện tượng xã hội với các giá trị tự nhiên. Văn hoá là cái tự nhiên được biến đổi bởi con người. Sự tác động của con người vào tự nhiên có thể mang vật chất hoặc tinh thần.

Do mang tính nhân sinh, văn hoá trở thành sợi dây nối liền con người với con người, nó thực hiện chức năng giao tiếp và có tác dụng liên kết họ lại với nhau. Nếu ngôn ngữ là hình thức của giao tiếp thì văn hoá là nội dung của nó.

Văn hoá còn có tính lịch sử. Nó cho phép phân biệt văn hoá như sản phẩm của một quá trình và được tích lũy qua nhiều thế hệ với văn minh như sản phẩm cuối cùng, chỉ ra trình độ phát triển của từng giai đoạn. Tính lịch sử tạo cho văn hoá một bề dày, một chiều sâu; nó buộc văn hoá thường xuyên tự điều chỉnh, tiến hành phân loại và phân bố lại các giá trị. Tính lịch sử được duy trì bằng truyền thống văn hoá. Truyền thống văn hoá là những giá trị tương đối ổn định được tích lũy và tái tạo trong cộng đồng người qua không gian và thời gian, được đúc kết thành khuôn mẫu xã hội và cố định hoá dưới dạng ngôn ngữ, phong tục, tập quán, nghi lễ, luật pháp...

Truyền thống văn hoá tồn tại nhờ giáo dục. Chức năng giáo dục là chức năng thứ tư của văn hoá. Văn hoá thực hiện chức năng giáo dục không chỉ bằng những giá trị đã ổn định, mà còn bằng những giá trị đang hình thành. Hai loại giá trị này tạo thành một hệ thống chuẩn mực mà con người hướng tới. Nhờ đó mà văn hoá đóng quyết định trong việc hình thành nhân cách. Từ chức năng giáo dục, văn hoá có chức năng phát sinh là đảo bảo tính kế tục của lịch sử.

1.2.3. Phân loại

1.2.3.1. Văn hoá vật thể

Văn hoá vật thể là cụm từ chỉ khía cạnh vật chất mang dấu ấn của một cộng đồng thể hiện tâm hồn, bản sắc, trình độ thẩm mỹ của một cộng đồng dân tộc, là những vật thể tồn tại mà con người có thể nhận biết qua các giác quan, bao gồm các di tích lịch sử, các động sản, các bất động sản.

Văn hoá vật thể là các sản phẩm phục vụ cho đời sống của con người, là các sản phẩm được người dân làm ra để phục vụ cho đời sống của mình và gửi gắm vào đó những giá trị nghệ thuật, những tinh hoa của đời sống và được lưu truyền qua các thế hệ.

Các di tích lịch sử văn hoá là một trong số những dạng thức chính của văn hoá vật thể. Di tích lịch sử văn hoá là những không gian vật chất cụ thể, khách quan, trong đó chứa đựng các giá trị điển hình lịch sử, do tập thể hoặc cá nhân con người sáng tạo ra trong lịch sử để lại.

Mỗi di tích lịch sử-văn hoá chứa đựng nhiều nội dung lịch sử khác nhau. Có thể chia thành các loại di tích như sau:

* Loại di tích văn hoá khảo cổ (di chỉ khảo cổ): Là những địa điểm ẩn giấu một bộ phận giá trị văn hoá, thuộc về thời kì lịch sử xã hội loài người chưa có văn tự và thời gian nào đó trong lịch sử cổ đại.

Đa số các di tích văn hoá khảo cổ nằm trong lòng đất, cũng có trường hợp tồn tại trên mặt đất: các bức chạm trên vách đá. Những di tích văn hoá khảo cổ này được phân thành hai loại di chỉ cư trú và di chỉ mộ táng.

* Loại hình di tích lịch sử văn hoá: Thường gắn liền với các kiến trúc có giá trị ghi dấu về dân tộc học (sự ăn ở, sinh hoạt của các tộc người); ghi dấu chiến công xâm lược áp bức; những nơi ghi dấu giá trị lưu niệm về nhân vật lịch sử, anh hùng dân tộc, danh nhân văn hoá khoa học; ghi dấu sự vinh quang trong lao động; ghi dấu tội ác của đế quốc và phong kiến.

* Loại hình di tích văn hoá nghệ thuật: Là những di tích gắn với các công trình kiến trúc có giá trị nghệ thuật tiêu biểu, đặc sắc. Những di tích này không chỉ chứa đựng những giá trị kiến trúc mà còn chứa đựng cả những giá trị văn hoá xã hội, văn hoá tinh thần.

* Di tích lịch sử cách mạng: Là những di tích ghi lại một sự kiện quan trọng của lịch sử cách mạng địa phương, có ảnh hưởng tới sự phát triển của phong trào địa phương, khu vực hay cả quốc gia.

* Các loại danh lam thắng cảnh: Do thiên nhiên bài trí và có bàn tay con người tạo dựng thêm và được xếp là một trong các loại hình di tích lịch sử văn hoá (chùa Hương, Yên Tử, Động Tam Thanh...). Các danh lam thắng cảnh thường chứa đựng trong đó giá trị của nhiều loại di tích lịch sử - văn hoá. Vì vậy nó có giá trị quan trọng đối với phát triển du lịch.

1.2.3.2. Văn hoá phi vật thể

Là những nét văn hoá có sự độc lập tương đối với văn hoá vật thể, văn hoá phi vật thể không tồn tại một cách cụ thể dưới dạng hiện vật mà nó bao gồm các giá trị nghệ thuật, giá trị thẩm mỹ ẩn chứa trong các ngôn từ hay trong các nghi thức. Đó là các phong tục tập quán gồm các lễ hội, các nghi lễ, nghi thức, các nghệ thuật ngôn từ như thơ ca, tục ngữ, ca dao; các kỹ thuật vẽ tạo hình như điêu khắc, kiến trúc hội hoạ; các nghệ thuật trình diễn như kịch múa nhạc; các tri thức dân gian như y học cổ truyền, nghệ thuật ẩm thực, những hiểu biết về mặt thiên nhiên...

Các dạng thức chính của văn hoá phi vật thể:

*Các lễ hội:

Lễ hội là hình thức sinh hoạt văn hoá vật thể của nhân dân sau thời gian lao động vất vả. Lễ hội là dịp để mọi người thể hiện lòng nhớ ơn tổ tiên, những người có công với địa phương và với đất nước, có liên quan đến những nghi lễ tôn giáo, tín ngưỡng, ôn lại những giá trị văn hoá nghệ thuật truyền thống hoặc hướng về một sự kiện lịch sử-văn hoá, kinh tế trọng

đại của địa phương, của đất nước hoặc là những hoạt động vui chơi giải trí, là dịp để tăng thêm tinh thần đoàn kết cộng đồng.

Các lễ hội thường bao gồm 2 phần: phần lễ và phần hội.

Phần lễ: tùy vào tính chất của lễ hội mà phần lễ có ý nghĩa riêng, có những lễ hội phần lễ được tổ chức để tưởng niệm về một sự kiện lịch sử trọng đại, tưởng niệm, tôn vinh những danh nhân, các vị anh hùng dân tộc. Cũng có những lễ hội phần lễ thực hiện những nghi lễ tôn kinh, dâng hiến lễ vật cho các vị thiên thần, thánh nhân, cầu mong những điều tốt đẹp trong cuộc sống.

Phần hội: thường tổ chức vui chơi giải trí, biểu diễn văn hoá nghệ thuật, yếu tố nuôi dưỡng lễ hội là kinh tế - xã hội và tự nhiên nên nội dung của phần hội không chỉ giữ nguyên những giá trị văn hoá truyền thống mà luôn có xu hướng bổ sung thêm nhưng thành tố văn hoá mới.

Thời gian tổ chức lễ hội: Các lễ hội thường được tổ chức nhiều vào sau mùa vụ sản xuất, mùa mà thời tiết, phong cảnh đẹp là mùa xuân và mùa thu.

Các giá trị văn hoá lịch sử của lễ hội là nguồn tài nguyên du lịch quý giá để tổ chức triển khai các loại hình du lịch tham quan, nghiên cứu chuyên đề lễ hội hoặc kết hợp các loại hình du lịch tham quan nghiên cứu...

*Văn hoá nghệ thuật:

Những giá trị văn hoá nghệ thuật là những món ăn tinh thần của nhân dân, thể hiện giá trị thẩm mỹ, truyền thống và bản sắc văn hoá, tâm tư, tình cảm, ước vọng của con người.

Trong quá trình lịch sử phát triển ở mỗi quốc gia, các nghệ nhân dân gian cùng với nhân dân đã sáng tạo, nuôi dưỡng, bảo tồn được nhiều làn điệu dân ca, điệu múa, bản nhạc, các loại nhạc cụ, các loại hình biểu diễn nghệ thuật nói chung...

*Thơ ca và văn học:

Thơ ca và văn học là nghệ thuật sử dụng ngôn từ để phản ánh cái đẹp, tình yêu của con người, với thiên nhiên; của con người với nhau, với quê hương đất nước và đời sống xã hội - sản xuất của con người.

Lịch sử phát triển văn học của một quốc gia gắn liền với lịch sử hình thành dựng nước và giữ nước và xây dựng đất nước. Những quốc gia có điều kiện tự nhiên phong phú đa dạng, có lịch sử phát triển lâu đời và từng có những nền văn minh, văn hoá lớn cũng là những quốc gia có nhiều tác phẩm thơ ca, văn học nổi tiếng.

*Văn hoá ẩm thực:

Mỗi một vùng đất, một quốc gia có điều kiện tự nhiên, đặc điểm lịch sử phát triển kinh tế - xã hội, văn hoá riêng nên cũng có nhiều món ăn, đồ uống đặc sản riêng. Nghệ thuật ẩm thực là giá trị văn hoá của mỗi quốc gia được sáng tạo, bảo tồn, bồi đắp qua nhiều thời đại, là dấu ấn của mỗi vùng đất với du khách.

*Văn hoá ứng xử và những phong tục tập quán tốt đẹp:

Văn hoá ứng xử: Đó chính là lối ứng xử thân thiện, văn minh lịch sự của con người với nhau, của con người với thiên nhiên tạo lên môi trường xã hội, môi trường tự nhiên tốt đẹp.

Phong tục tập quán : Đó là những thói quen ăn sâu vào đời sống xã hội từ lâu đời, được đa số mọi người thừa nhận. (phong tục ăn ở, mặc, cưới hỏi, ma chay...)

1.3. Vai trò của văn hoá với du lịch

Văn hoá có vai trò to lớn trong việc phát triển du lịch. Thông qua các giá trị vật thể như: di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, các công trình kiến trúc...và các giá trị phi vật thể như: nghệ thuật truyền thống, phong tục tập quán, lễ hội...văn hoá rất có sức hút đối với du khách.

Các đối tượng văn hoá (tài nguyên du lịch nhân văn) chính là tiền đề để tạo nên các loại hình du lịch văn hoá đặc sắc, các sản phẩm du lịch độc đáo đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách du lịch.

Bên cạnh những loại hình du lịch như du lịch sinh thái, du lịch khám chữa bệnh, du lịch mạo hiểm, du lịch giáo dục... gần đây du lịch văn hoá được xem là sản phẩm đặc thù của các nước đang phát triển, thu hút nhiều khách quốc tế

Ngoài lợi ích về kinh tế, du lịch văn hoá cho quốc gia, cho vùng, cho nhà kinh doanh du lịch rất nhiều lợi ích khác mà không phải bất kỳ loại hình du lịch nào cũng có thể mang lại, đó là việc nâng cao hiệu quả về mặt xã hội. Chỉ có du lịch văn hoá mới có thể nâng cao “chất” trong du lịch, nâng cao nét đẹp, giữ gìn văn hoá đối với cả khách du lịch, với nhân dân địa phương và với các nhà kinh doanh du lịch. Chính vì thế, qua du lịch văn hoá, nhà nước có thể điều chỉnh, giữ gìn và phát huy một cách tốt nhất nền văn hoá của quốc gia mình.

Tiểu Kết

Du lịch hiện nay đã trở thành một hiện tượng kinh tế xã hội phổ biến của hầu hết tất cả các nước, trong đó có Việt Nam. Cùng với sự phát triển của kinh tế xã hội, đời sống con người ngày càng nâng cao. Du lịch đã trở thành một nhu cầu trong đời sống văn hóa của con người.

Hoạt động du lịch đã khai thác rất nhiều các yếu tố văn hóa có liên quan đến các di tích lịch sử, các lễ hội truyền thống, những môn nghệ thuật dân gian và những giá trị văn hóa phi vật thể khác luôn là những chủ đề nghiên cứu, xây dựng sao cho những tài nguyên du lịch văn hóa đó trở thành những sản phẩm du lịch văn hóa đặc sắc. Mục đích của việc khai thác các yếu tố cấu thành nên sản phẩm du lịch văn hóa nhằm giúp cho du khách có thể hiểu được lịch sử của mỗi vùng miền, mỗi địa danh và cảm nhận được những nét văn hóa đặc trưng của mỗi vùng miền. Bên cạnh đó, hoạt động du lịch văn hóa còn mang ý nghĩa giáo dục sâu sắc, nó giúp cho thế hệ trẻ hình thành nhân cách và thế giới quan trên nền tảng truyền thống đồng thời có ý thức bảo tồn và phát huy các giá trị truyền thống.

Hiện nay sự phát triển của ngành du lịch văn hóa đang là điểm đi đúng đắn mang lại hiệu quả kinh tế cao cho ngành du lịch Việt Nam: “ du lịch Việt Nam muốn phát triển, tất yếu phải khai thác và sử dụng các giá trị truyền thống, cách tân và hiện đại hóa sao cho phù hợp, hiệu quả”.

Trên cơ sở tổng hợp, vận dụng và phân tích các khái niệm có liên quan, khóa luận đã làm rõ khái niệm, đặc điểm của du lịch, văn hóa cũng như vai trò của văn hóa đối với du lịch. Toàn bộ những nội dung trên đã đáp ứng mục tiêu của chương một là xây dựng cơ sở lý luận và định hướng cho việc tiếp cận phân tích các tiềm năng và đề xuất giải pháp phát triển du lịch văn hóa trên địa bàn huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

Chương II: HIỆN TRẠNG CÁC DI TÍCH LỊCH SỬ VĂN HOÁ Ở ĐÔNG TRIỀU - QUẢNG NINH

2.1. Khái quát chung về huyện Đông Triều

2.1.1. Lịch sử hình thành

Đông Triều là một vùng đất cổ, thời Bắc thuộc thuộc Châu Giao, thời Ngô, Đinh-Tiền Lê thuộc lộ Nam Sách Giang, thời Trần thuộc phủ Tân Hưng, thời Hậu Lê thuộc phủ Kinh Môn, trấn Hải Dương. Do ở cửa ngõ Đông Bắc nên thời Trần, huyện Đông Triều là trung tâm của châu Đông Triều. Thời pháp thuộc thống trị, Toàn quyền Pháp đã cho lập Đạo Đông Triều (10-11-1890) sau đó lại đưa Đông Triều vào khu quân sự Phả Lại (24-8-1891) rồi lại đưa về tỉnh Hải Dương (10-10-1895).

Tên cổ của vùng đất này là An Sinh, đời vua Trần Dụ Tông mới đổi thành Đông Triều. Xưa huyện Đông Triều rất rộng, bao gồm cả một phần huyện Kinh Môn và tổng Bí Giàng; năm 1896 tổng Bí Giàng cắt về huyện Yên Hưng. Do vậy, trong lịch sử sách vùng danh sơn Yên Tử thuộc Đông Triều. Sau cách mạng Tháng Tám, đến ngày 9-7-1947, Đông Triều mới về tỉnh Quảng Hồng; ngày 28-1-1959, Đông Triều trở về Hải Dương. Từ ngày 27-10-1961, Đông Triều nhập lại vào khu Hồng Quảng (từ 30-10-1963, Hồng Quảng hợp nhất với Hải Ninh thành Quảng Ninh).

Sự kiện lịch sử sớm nhất trên đất này sử sách còn ghi được là cuộc khởi nghĩa của Lê Chân. Lê Chân quê ở An Biên nay thuộc xã Thủy An. Năm 39, do căm ghét bọn quan quân đô hộ nhà Hán, được tin Hai Bà Trưng dấy binh khởi nghĩa, Lê Chân đã triệu tập nam nữ thanh niên Đông Triều và cả vùng Kinh Môn, Thủy Nguyên ngày nay đứng lên đánh đuổi quân

giặc, lập căn cứ bên sông Cửa Cấm. Lê Chân đã lập nhiều chiến công và trở thành nữ tướng tâm phúc của Hai Bà Trưng. Cùng hưởng ứng cuộc khởi nghĩa chống giặc Đông Hán, Đông Triều còn ghi dấu những tấm gương phụ nữ lẫm liệt khác như Thánh Thiên, Vĩnh Huy, chị em Nguyệt Thai - Nguyệt Độ. Đông Triều cũng góp nhiều chiến công ở thời Trần. Trong trận Bạch Đằng năm 1288, hai vua Trần đã phục binh ở vùng Yên Đức rồi khoá đuôi đánh dồn đoàn thuyền binh Nguyên Mông xuống trận địa cọc, dân Đông Triều đã phá các cầu chặn đứng đường hộ tống của giặc. Nhờ địa thế hiểm yếu, Đông Triều căn cứ của nhiều cuộc khởi nghĩa nông dân: Ngô Bệ (1344-1345), Trần Cao (1516-1527), Nguyễn Tuyên-Nguyễn Cừ (1743). Đầu thế kỷ XIX, Đông Triều là nơi nóng bỏng phong trào Cần Vương chống Pháp. Các cuộc khởi nghĩa nối tiếp của Đốc Tít (1884-1892), Lãnh Pha (1892), Đốc Thu (1893-1895)...Tiếp đến là phong trào đấu tranh của công nhân mỏ Mạo Khê. Năm 1926, đồng chí Hoàng Quốc Việt đã gây dựng trong công nhân một tổ chức đoàn kết, tương trợ lẫn nhau đặt tên là Long Sơn Đoàn. Tháng 3-1929, chi bộ hội Việt Nam cách mạng thanh niên được thành lập. Ngày 23-2-1930, chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam ở Mạo Khê ra đời trước sự chứng kiến của đồng chí Nguyễn Văn Cừ và đồng chí Nguyễn Đức Cảnh thay mặt xứ uỷ và thành uỷ Hải Phòng công nhận. Đây là chi bộ đảng cộng sản Việt Nam đầu tiên ở Quảng Ninh.

Đông Triều là quê hương của một chiến khu oanh liệt trong cách mạng tháng tám năm 1945 (sau được gọi là chiến khu thứ tư hoặc chiến khu Trần Hưng Đạo). Trong cao trào cách mạng tiền khởi nghĩa, sau ba tháng xây dựng lực lượng, ngày 8-6-1945, du kích quân Đông Triều từ căn cứ Hồ Lao, Bác Mã đã tiến quân hạ đồn binh Nhật ở Mạo Khê đầu hàng và chính thức thành lập uỷ ban quân sự cách mạng của chiến khu. Chiến khu Đông Triều đã nhanh chóng phát triển lực lượng, đầu tháng 7 giải phóng Uông Bí, cuối tháng 7 giải phóng tỉnh lỵ Quảng Yên rồi thừa thắng tiến quân giải phóng Hải Phòng, Hải Dương, Kiến An, Hòn Gai, Cẩm Phả. Riêng ở Đông Triều, ngay cuối tháng 6, uỷ ban nhân dân cách mạng Lâm Thời đã được thành lập ở huyện và tất cả các xã.

Trong kháng chiến chống Pháp, Đông Triều là vùng chiến tranh du kích nổi tiếng, điển hình là chiến công và gương hy sinh của du kích xã Yên Đức. Sau trận chiến đấu quyết liệt 5 ngày 5 đêm làm địch thiệt hại nặng, du kích cố thủ ở hang núi Canh đã bị chúng hun khói vào hang, 73 du kích đã hi sinh (3-12-1950). Đông Triều nằm trong khu tập kết 100 ngày, ngày 31-10-1954, những tên lính Pháp cùng rút khỏi thị trấn Đông Triều, Mạo Khê. Riêng 4 xã phía đông nằm trong khu tập kết 300 ngày nên đến 14-4-1955 mới được giải phóng.

Trong kháng chiến chống Mỹ, Đông Triều có hơn 19.000 thanh niên nhập ngũ, dân quân Đông Triều đã chiến đấu anh dũng, góp phần vào sự nghiệp thống nhất nước nhà.

2.1.2. Điều kiện tự nhiên

2.1.2.1. Vị trí địa lý

Đông Triều là một trong số 10 huyện của tỉnh Quảng Ninh, nằm ở cửa ngõ phía tây của tỉnh (toạ độ: từ 21°01' đến 21°13' vĩ độ bắc, 106°26' đến 106°43' kinh độ đông) trấn huyện lỵ cách thành phố Hạ Long 78 km, cách Hà Nội 90km.

Phía Bắc được bao bọc bởi vòng cung dãy núi Yên Tử cao 1.068m ngăn cách với huyện Lục Nam tỉnh Bắc Giang.

Phía Tây giáp huyện Chí Linh tỉnh Hải Dương, ranh giới là sông Vàng Chua.

Phía Nam giáp với huyện Kinh Môn cũng thuộc Hải Dương bằng sông Kinh Thầy và sông Đá Bạc.

Phía Đông Nam giáp huyện Thủy Nguyên thuộc thành phố Hải Phòng, ranh giới cũng là sông Đá Bạc.

Phía Đông giáp thị xã Uông Bí, ranh giới là sông Tiên Yên.

2.1.2.2. Khí hậu

Khí hậu Đông Triều mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa. Nhiệt độ trung bình năm 23°4, độ ẩm 81%, lượng mưa trong năm là 1.809mm, thấp hơn nhiều huyện trong tỉnh.

Do chịu ảnh hưởng bởi hoàn lưu gió mùa Đông Nam Á nên khí hậu bị phân hoá thành hai mùa rõ rệt:

Mùa hạ nóng ẩm mưa nhiều, bắt đầu từ tháng 5 và kết thúc vào giữa tháng 10. Nhiệt độ cao nhất về mùa hạ thường vào tháng 6-7. Đây cũng là mùa có nhiều dông bão nhất trong năm.

Mùa đông lạnh, khô và ít mưa bắt đầu từ tháng 11 và kéo dài cho đến tháng 4 năm sau. Các khối khí cực đới ở phương bắc tràn xuống, gió mùa đông bắc lạnh và khô xuất hiện với tần suất tương đối lớn. Nhiệt độ thấp nhất về mùa đông ở Đông Triều có khi xuống đến 4°C, thường rơi vào giữa tháng 2.

Nhìn chung khí hậu Đông Triều tương đối ôn hoà, thuận lợi cho đời sống và hoạt động sản xuất của nhân dân.

2.1.2.3. Địa hình

Đông Triều là một vùng trung du có diện tích đất tự nhiên 402km², địa hình dốc dần từ bắc xuống nam. Phía bắc là vòng cung núi Đông Triều trùng điệp có ngọn Bảy Đèo cao trên 1.000m, phía cực Nam là những cánh đồng trũng dễ ngập úng. Vùng phía đông có các núi Cao Bằng, Đông Sơn, Bảo Quan cao trên dưới 500m. Từ vùng núi phía bắc có nhiều công suối và sông chảy cắt ngang huyện, cực tây là sông Vàng Chua rồi đến sông Đạm thủy, sông Kỳ Cầm, sông Tràng Bảng, cực đông là sông Tiên Yên. các sông nhỏ và thượng nguồn có độ dốc lớn, đoạn hạ lưu lòng sông khá rộng.

2.1.2.4. Thủy văn

Đông Triều là một huyện có nhiều sông suối, bao gồm các con sông như: sông Tràng Bảng, sông Vàng Chua, sông Đạm Thủy, sông Kỳ Cầm, sông Tiên Yên. Ngoài ra huyện còn 14 hồ đập trong đó có một số hồ được xây dựng tương đối lớn như: Hồ Bến Châu (7,9 triệu m³), hồ Khe Chè (11,35 triệu m³), hồ Trại Lốc (4,7 triệu m³)... Bên cạnh đó nguồn nước ngầm Đông Triều cũng được đánh giá là có trữ lượng lớn, trữ lượng khai thác ước tính đạt trên 1500m³/1ngày đêm.

Với nguồn tài nguyên thủy văn dồi dào đã đáp ứng được tối ưu nhu cầu về sử dụng nguồn nước cho sinh hoạt cũng như cho sản xuất nông nghiệp của huyện.

2.1.3. Đặc điểm về dân cư, kinh tế, văn hoá xã hội

2.1.3.1. Dân cư

Về dân cư, Đông Triều có số dân là 156.959 người (tổng điều tra 2008), thứ 3 trong tỉnh sau thành phố Hạ Long và thị xã Cẩm Phả.

Trong đó: Nam là: 77.066 người chiếm tỉ lệ 49,1 % ; nữ là : 79,893 người chiếm 50,9%. Số người trong độ tuổi lao động 81.350 người chiếm 51,8%. Số lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật là 6540 người.

Thành phần dân tộc: Đông Triều có 9 dân tộc sinh sống chủ yếu là người Kinh chiếm 97,5%, người Tày 1,4%, người Hoa 0,5%, người Sán Dìu 0,5% và hơn 100 người thuộc các dân tộc: Sán Chay, Nùng, Dao, Mường, Thái.

Dân cư phân bố trên 21 đơn vị hành chính gồm 2 thị trấn và 19 xã, mật độ trung bình 395 người/km².

2.1.3.2. Kinh tế

Đông Triều có nhiều tài nguyên. Tài nguyên lớn nhất là đất đai. Đất nông nghiệp rộng tới 9.701 ha, trong đó đất ruộng cấy và trồng màu 6.590 ha- đứng hàng đầu trong tỉnh. Đất lâm nghiệp cũng rộng tới 20.409 ha, vùng núi có rừng tự nhiên nhưng đã bị suy giảm, vùng đồi rộng thích hợp trồng cây lâu năm. Đông Triều có khá nhiều tài nguyên trong lòng đất. Các núi phía đông chứa 1,6 tỷ tấn than đá, trữ lượng có thể khai thác là 877 triệu tấn. Đây là vùng mỏ than Mạo Khê- Tràng Bạch. Sau than đá Đông triều còn có mỏ đất sét làm vật liệu xây dựng, làng gốm sứ ở các xã Việt Dân, Bình Dương, Kim Sen, Hoàng Quế, Yên Thọ, Tràng An và Bình Khê, đá vôi ở Hồng Thái Tây, cát Ở sông Kỳ Cầm.

Với những đặc điểm tự nhiên phong phú Đông Triều có cơ cấu kinh tế đa dạng. Trước hết, Đông Triều luôn chú trọng nông nghiệp. Cùng với hệ thống đê ngăn lũ, ngăn nước mặn, Đông Triều đã xây dựng được 14 hồ đập và nhiều trạm bơm. Các hồ lớn là hồ Khe Chè (11,35 triệu m³), hồ Bến Châu (7,9 triệu m³), hồ Trại Lốc (4,7 triệu m³). Nhờ thủy lợi hoá và thâm canh, thay đổi giống và mùa vụ, Đông Triều luôn dẫn đầu toàn tỉnh về năng suất và tổng sản lượng lương thực. Sau cây lương thực, Đông Triều chú ý trồng và bảo vệ rừng, gần đây đẩy mạnh trồng cây ăn quả và đang hình thành vùng vải thiều rộng 3.000 ha. Bên cạnh lâm trường và nông trường quốc doanh Đông Triều, nhiều hộ đã nhận rừng, đất rừng và hình thành những trang trại trồng trọt, chăn nuôi giàu có, Đông Triều có nhiều ngành công nghiệp, thủ công nghiệp. Than đá Đông Triều được phát hiện sớm nhất và mở mỏ từ năm 1820 dưới thời Minh Mệnh. Năm 1888, Pháp đã “mua” vùng than Đông Triều, sau đó lập công ty than Đông Triều, nay là vùng mỏ Mạo Khê - Tràng Bạch, mỗi năm sản xuất gần 70 vạn tấn than. Trên đất Đông Triều còn có nhà máy cơ khí của ngành than, xí nghiệp đóng tàu của bộ giao thông và xí nghiệp sản xuất vật liệu của Bộ xây dựng. Trong huyện có nhiều cơ sở sản xuất gốm sứ ở hai thị trấn Đông Triều và Mạo Khê, nhiều cơ sở sửa chữa cơ khí, nung đối vôi, gạch, khai thác cát, đá, đất sét... Đông Triều cũng đang phát triển thương mại và dịch vụ. Thị trấn Mạo Khê từ năm 1982, do có nhà máy xi măng Hoàng Thạch (nhà máy đặt trên đất Kinh Môn nhưng có cầu qua sông và thành phẩm lại theo đường ống dẫn sang xuất trên đất Đông Triều), đã sầm uất nhanh hơn cả huyện lỵ Đông Triều. Trong huyện có nhiều chợ và dãy phố buôn bán hình thành dọc quốc lộ 18A. Đông Triều đang có dự án phát triển du lịch từ sự hấp dẫn của các sản phẩm sành sứ, các hoa quả, nông sản và đặc biệt là từ các di tích lịch sử văn hoá, bên các vùng cảnh quan sinh thái trong huyện.

2.1.3.3. Văn hoá xã hội

Về văn hoá xã hội, Đông Triều có nhiều nét đặc sắc. Ngoài đền thờ Lê Chân ở thôn An Biên, xã Thuỷ An, Đông Triều còn dày đặc các di tích lịch sử văn hoá thời Lý Trần, đặc biệt là thời Trần. Đông Triều là quê gốc của nhà Trần. Tổ tiên nhà Trần làm nghề đánh cá trên sông, sau lên đênh về sông Hồng rồi định cư và phát tích từ phủ Thiên Trường, Nam Định song vẫn gắn bó với quê gốc, An Sinh Vương Trần Liễu đã lập ấp An Sinh. Tám mộ vua Trần đã di dời về đây và ngay từ thời Trần đã xây đền An Sinh ở khu trung tâm các lăng mộ. Ngoài tám ngôi mộ và đền An Sinh, đỉnh núi Thiên Kỳ ở phía bắc xã An Sinh còn có Am Ngoạ Vân, nơi vua Trần Nhân Tông qua đời, nay còn lăng Trần Nhân Tông, trong đó có Phật Hoàng Tháp (tháp Vua Phật). Theo sử sách, ở chùa Ngọc Thanh (thôn Đạm Thuỷ, xã Thuỷ An) còn có lăng vua Trần Thuật Tông. Ở xã Yên Đức có dấu vết vườn thượng uyển ở chân núi Phụng Hoàng và bài thơ đề của Trần Nhân Tông khắc trong hang núi Mèo.

Đông Triều có hơn một trăm đình, chùa, nghề, miếu cổ. Thời Lý, trên đất Đông Triều đã có nhiều ngôi chùa lớn, nay ở chùa Quỳnh Lâm còn một tấm bia lớn thời Lý. Trong toàn huyện, di vật còn lại rất nhiều nhất là từ thời Trần về sau. Các chùa Quỳnh Lâm, Hồ Thiên, Bác Mã xưa rất nổi tiếng, đặc biệt là chùa Quỳnh Lâm, nơi Trần Nhân Tông, sư Pháp Loa, sư Huyền Quang – các vị tổ của thiền phái Trúc Lâm đều đã có công xây dựng. Xưa có tượng Di Lặc bằng đồng là một trong “tứ đại khí” của nước ta. Chùa rộng hàng trăm gian, có gác cao treo khánh đá, chuông đồng, là nơi hàng trăm nhà sư dịch kinh Đại Tạng, hàng vạn tín đồ trong đó cả vua quan trong triều đình dự hội Thiên Phật. Ở đây có Quỳnh Lâm viện và thị xã Bích Động, nơi gặp gỡ của các nhà thơ lớn cuối thời Trần.

Ngoài chùa Quỳnh Lâm (liệt hạng 15-11-1991), cụm di tích lịch sử văn hoá xã Yên Đức (liệt hạng 16-12-1993), chùa Bác Mã - di tích Đệ tứ chiến khu (liệt hạng 5-9-1994), Đông Triều đã tôn tạo đền Lê Chân, chùa Cảnh Hương và vừa xây dựng lại đền An Sinh (liệt hạng 28-4-1962). Ở Mạo Khê có di tích chùa Non Đông (Tương Quan Tự) còn bia từ thời

Trần. Ở xã Đức Chính có bia và đền Trạo Hà Thờ một vị tướng triều Tây Sơn đang dần được bảo vệ và tôn tạo. Rất tiếc là đình Bình Lục, một trong những công tình kiến trúc đã thành phế tích. Khu mộ cổ ở Mạo Khê cho thấy Đông Triều xưa là một điểm dừng trên hành lang xâm lược thời Đông Hán.

Đông Triều từng có những tài năng kiệt xuất, nhất là thời Trần. Đó là danh nhân Trần Thị Kiến, thám hoa Trần Đình Thân, bảng nhãn Lê Hiến Phủ.

Đông Triều còn có bề dày về truyền thống văn hoá, giáo dục. Là huyện đầu tiên trong tỉnh xoá mù chữ và phổ cập tiểu học, nay Đông Triều có bốn trường phổ thông trung học.

Đông Triều là huyện có nhiều liệt sĩ, nhiều Bà mẹ Việt Nam Anh hùng nhất trong tỉnh. Tổng kết trong kháng chiến huyện Đông Triều vinh dự được nhà nước phong tặng danh hiệu Đơn vị Anh hùng Lực lượng Vũ trang.

2.2. Các di tích lịch sử văn hoá tiêu biểu ở Đông Triều

2.2.1. Chùa

2.2.1.1. Chùa Quỳnh Lâm

Chùa Quỳnh Lâm tên tự là Quỳnh Lâm Tự, thuộc xã Tràng An, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, cách thị trấn Đông Triều khoảng 3,5 km, cách thành phố Hạ Long 83 km. Chùa Quỳnh Lâm được Bộ Văn hóa Thông tin, Thể thao và Du lịch ra quyết định xếp hạng di tích lịch sử - nghệ thuật cấp Quốc gia theo Quyết định số 2009/QĐ, ngày 15/11/1991.

Chùa được xây dựng trên đỉnh một ngọn đồi cao thoai thoải, trong tài liệu thư tịch cổ gọi là núi Tiên Du. Núi Tiên Du nằm trong hệ thống triền đồi chạy dài từ núi Yên Tử, Ngọa Vân xuống đồng bằng. Bởi vậy chùa được xây dựng ở thế đất “đầu gối sơn, chân đạp thủy”, dân gian vẫn gọi là thế đất “rồng châu, hổ phục”. Bốn góc chùa có bốn gò đất cao được gọi là

“bốn mắt rồng” tứ trấn xuyên thấu tâm sinh. Nhờ thế đất hiển linh đó, nên từ khi được xây dựng cho tới ngày nay trải qua bao thăng trầm biến cố nhưng chùa Quỳnh Lâm vẫn là ngôi chùa có tiếng được nhiều người ngưỡng mộ.

Theo nghiên cứu văn bia trong chùa cho thấy chùa được hình thành từ thời tiền Lý, trải qua nhiều lần trùng tu, tu sửa ở các triều đại Đinh, Lý, Trần, Lê. Đặc biệt chùa được tôn tạo hoàn chỉnh vào cuối triều đại Lý - Trần (thế kỷ XIII đến giữa thế kỷ XIV) và người có công lớn trong việc tu tạo, mở mang để chùa Quỳnh Lâm trở thành một trung tâm Phật giáo lớn của cả nước và thành một giảng đường quy mô phục vụ cho việc giảng tập kinh sách Thiên Tông chính là thiền sư Pháp Loa.

Năm 1299 Trần Nhân Tông chính thức xuất gia và tu ở núi Yên Tử, ông thành lập phái Trúc Lâm và lấy Pháp hiệu là Trúc lâm đại sỹ. Ông đã đi khắp nơi và trong cuộc vân du năm 1304 vua Trần Nhân Tông đã gặp Pháp Loa, dưới sự dìu dắt của Trần Nhân Tông Pháp Loa đã trở thành ông tổ thứ 2 của thiền phái Trúc Lâm. Từ đó ông nhận được sự ủng hộ rất lớn của nhà vua và các giới quý tộc, ông đã cho xây dựng và mở mang nhiều chùa tháp. Riêng năm 1314 ông cho xây dựng 33 cơ sở điện thờ Phật, gác chứa kinh... Chính trong thời kỳ này trên cơ sở chùa Quỳnh Lâm cũ, năm 1316 Pháp Loa cho thành lập “viện Quỳnh Lâm” - trường đại học Phật giáo đầu tiên ở nước ta được ra đời từ đây. Quỳnh Lâm trở thành trung tâm Phật giáo lớn với 2000 mẫu ruộng, gia nô hơn 1000 người. Năm 1329 chùa Quỳnh Lâm được xây dựng lại với một kiến trúc đồ sộ, hoàn chỉnh và trở thành một đệ nhất danh lam cổ tích của nước An Nam (Văn bia). Nhiều hội lớn được tổ chức tại đây như hội “Thiên Phật” tổ chức vào năm 1325, hội kéo dài bảy ngày bảy đêm. Chùa Quỳnh Lâm đã trải qua nhiều lần trùng tu, tôn tạo, đúc chuông, tạc tượng... Đặc biệt vào thế kỷ XVIII chúa Trịnh cho tu sửa với quy mô lớn. Tạc các lan can bậc, hai con sấu đá và một số công trình khác nhưng vì tốn kém quá mức nhân dân phục vụ vất vả, lòng người bất bình nên công trình bị bỏ dở. Mới đưa được một con sấu đá bên trái vào đúng vị trí còn con sấu đá bên phải và lan can cừ cấp hai

bên mới tạc xong chưa đưa vào vị trí. Đến thời Nguyễn chùa được xây dựng thêm 5 ngọn tháp để kỷ niệm các nhà sư đã trụ trì ở đây và có công lớn trong việc tu bổ, tôn tạo chùa.

Không chỉ là trung tâm Phật giáo lớn của cả nước trong thời kỳ chiến tranh chùa Quỳnh Lâm còn là căn cứ kháng chiến, nằm trong đệ tứ chiến khu Đông Triều. Dưới sự tàn phá của chiến tranh năm 1947 chùa Quỳnh Lâm đã bị hủy hoại hoàn toàn chỉ còn là phế tích. Năm Đinh Dậu (1957) hoàng thượng Thích Thanh Trí quê ở Hà Bắc đã về tu tại đây và cùng nhân dân xây dựng phần kiến trúc hiện nay, lần thứ 2 xây khu nhà tổ năm Đinh Mùi (1967). Năm 1990 chủ trì Thích Đạo Quang cho xây dựng thêm 4 gian nhà khách và sửa một số ngọn tháp. Trải qua hỏa hoạn và chiến tranh chùa Quỳnh Lâm không giữ được vẻ nguy nga, cổ kính như trước nữa nhưng các di vật cổ còn lại quanh chùa đã giúp chúng ta hình dung dáng vóc ngôi chùa và quy mô to lớn của nó qua các thời kỳ. Di vật cổ nhất ở đây là tấm bia đá cao 2,5m dựng trước chùa vẫn giữ được những hình rồng trang trí uốn lượn mềm mại, đặc trưng cho rồng thời Lý. Sau nữa là các thành bậc rồng bằng đá xanh, gần một trăm tảng đá kê chân cột, chạm cánh sen, đầu rồng bằng đất nung, khánh đá. Đặc biệt là một góc bệ đá có hình chim thần Garuda được tạo như một hình người ngồi xổm, hai tay vươn lên hai giá bệ để đỡ tòa sen. Tất cả đều thể hiện rõ nét điêu khắc đá thời Trần. Sang thời Lê, hiện vật còn lại ở đây nhiều nhất là các bia đá và các ngôi bảo tháp đặc biệt là hai bức chạm đá ở bài vị và tượng của bà Hậu Phật Bùi Thị Thao. Bia đá chạm bài vị có dáng đẹp, càng lên cao càng thu lại. Trán bia uốn cong có chạm nổi hình lưỡng long châu nhật, hai bên diềm chạm rồng uốn khúc, mặt quay chính diện kiểu hổ phù. Dưới đế chạm hình thú thân uốn cong rất đẹp, thân thú đang chồm về phía trước, chân sau rướn cao, chân trước quỳ xuống, đầu ngẩng lên trong tư thế rất động. Bia đá chạm chân dung bà Hậu Phật cũng rất sắc nét, bà ngồi trong tư thế đang tụng kinh, đầu bịt khăn, áo dài gọn có thắt lưng, nét đẹp trầm tư đôn hậu. Ngoài ra chùa còn có bia đá ghi rõ ngày tháng năm trùng tu chùa, tên các thiện nam tín nữ đã có hảo tâm công đức tiền của tu bổ chùa và những công trình đã làm trong các đợt

trùng tu. Các bia đá này giúp ta hiểu thêm về tiến trình lịch sử và qui mô của ngôi chùa trong các thời kỳ. Trong vườn chùa còn hệ thống tháp cổ được ghép bằng đá xanh thớ mịn với kỹ thuật ghép mộng chắc chắn đã để lại cho hậu thế một kho tàng nghệ thuật vô giá. Với những di vật còn lại của chùa Quỳnh Lâm đã cho chúng ta thấy được những giá trị lịch sử, văn hóa, nghệ thuật qua các thời đại.

Lễ hội chùa Quỳnh Lâm hàng năm được tổ chức từ ngày mùng 1 đến ngày mùng 4 tháng 2 âm lịch. Ngoài các nghi thức dâng hương tưởng liệm, tế lễ truyền thống, lễ hội còn có nhiều hoạt động văn hoá, thể dục thể thao, vui chơi, giao lưu giữa các thôn làng...

2.2.1.2. Chùa Ngoạ Vân

Chùa Ngoạ vân tên chữ là “ Ngoạ Vân Tự” thuộc xã Bình Khê, huyện Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh. Chùa là nơi Trần Nhân Tông đã từng tu hành và viên tịch ở đó.

Vua Trần Nhân Tông có tên húy là Trần Khâm, con trưởng của Trần Thánh Tông, mẹ là Nguyên Thánh Thiên Cảm Hoàng Thái hậu. Ông sinh năm Mậu Ngọ (Nguyên Phong năm thứ 8), ngày 11/11/1258, có thể chất hoàn hảo, tinh anh thánh nhân. Ở ngôi 14 năm, nhường ngôi 5 năm, xuất gia 8 năm, thọ 51 tuổi, băng ở am Ngoạ Vân núi Yên Tử, đưa về táng ở Đức Lăng.

Trần Nhân Tông lên ngôi hoàng đế ngày 22/10/1278. Năm 1287 giặc Nguyên xuất quân xâm lược nước ta lần thứ hai. Nhà vua đã cùng thượng hoàng Trần Thánh Tông lãnh đạo nhân dân Đại Việt đánh tan quân xâm lược Nguyên Mông. Song không chịu chấp nhận thất bại, cuối năm 1287 chúng lại huy động toàn bộ lực lượng, xuất quân xâm lược nước ta lần thứ ba. Nhà vua lại cùng Thượng hoàng Trần Thánh Tông lãnh đạo quân dân Đại Việt tiến hành cuộc kháng chiến vĩ đại lập nên chiến thắng Bạch Đằng lịch sử mùa xuân năm 1288, xóa bỏ vĩnh viễn ý đồ xâm lược nước ta của giặc Nguyên Mông.

Mùa xuân ngày 9 tháng 3 năm 1293 vua nhường ngôi cho hoàng thái tử Thuyên, tháng 8 xuất gia vào núi Yên Tử Và Yên Tử cũng chính là nơi vua Trần Nhân Tông sáng lập nên thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, một giáo phái mang đậm phong cách người Việt.

Ngoạ Vân nằm trên đỉnh núi thuộc dãy núi chạy từ Yên Tử sang, cách Trại Lốc 10km và xa khu dân cư. Kiến trúc dựa vào vách núi, bố trí thành 3 lớp. Trên cùng là Am ngoạ Vân. Am Ngoạ vân là một ngôi nhà nhỏ đề “Ngoạ Vân Am”, kiến trúc kiểu chữ nhất và có một đôi câu đối viết trên tường cột cửa. Trên bệ thờ đặt một tượng đồng Trúc Lâm đại sĩ Trần Nhân Tông trong tư thế nằm đọc sách, một chân co một chân duỗi, một tay chống vào đầu, một tay cầm quyển sách đưa ra trước mắt. Nhưng đến nay pho tượng đã bị mất.

Bên trái am có một ngôi chùa nhỏ đề “Thiên Sơn Tự” (chùa Thiên sơn) và có một câu đối ở cửa:

“ Tứ thời cảnh sắc tân

Vạn cổ anh linh tự”.

Tạm dịch: *Muôn thừa chùa linh ứng*

Bốn mùa cảnh sắc tân.

Chùa quay hướng tây nam, diện tích 27,2m² với kết cấu kiến trúc kiểu chữ nhất. Phía trước có hai tháp ba tầng bằng đá gạo theo phương pháp ghép mộng đá. Cả hai tháp đều quay về hướng tây nam, có khắc tên bằng chữ nổi : Đoạn Nghiêm tháp (bên phải) và Phật Hoàng tháp (bên trái), trong đó có tấm bia đá khắc năm Minh Mệnh thứ 21 (1840) khẳng định: “Trần Triều Nhân Tông Hoàng đế lăng” tức lăng của Hoàng đế Trần Nhân Tông. Sách Đại Nam nhất thống trí ghi : “Ở đỉnh núi Yên Tử (có thuyết nói ở Yên Sinh, địa phận xã Nam Mẫu, huyện Đông Triều) lúc Trần Nhân Tông băng, nằm trên tảng đá lớn đây gọi là đá niết bàn, rước thi thể làm hoả táng ở lăng Qui Đức, một nửa táng ở tháp này. Đời chính hoà Triều Lê sửa

lại, sau này nhà chùa và phòng tăng đồ nát chỉ còn lại tháp”. Ngoài ra còn có các con vật bằng đá như voi hoặc các bệ đặt tượng bằng đá có khắc đài sen, am Ngọ Vân không lớn lắm, nhưng phong cảnh nơi đây rất kỳ thú, quả là một thắng tích. Đứng ở nơi đây có thể phóng tầm mắt ngắm nhìn phong cảnh bốn phía.

Trong hệ thống chùa am tháp ở Yên Tử, Chùa Ngọ Vân xa xôi cách biệt ít được người đời thăm viếng, song đối với các nhà nghiên cứu và những người theo đạo phật thì Ngọ Vân là chốn linh thiêng bậc nhất. Đến với Ngọ Vân chúng ta sẽ tìm tòi được những điều thú vị về đệ nhất Trúc Lâm Tam Tổ Trần Nhân Tông cả về mặt đạo và mặt đời mà thời gian qua ít có dịp tìm hiểu.

Ngày 29/5/2006 chùa Ngọ Vân đã được Bộ Văn hóa Thông tin cấp bằng công nhận là di tích lịch sử văn hóa (số 55/2006/QĐ-BVHTT).

2.2.1.3. Chùa Hồ Thiên

Chùa Hồ Thiên Nằm ở phía nam núi Phật Sơn, cao hơn Ngọ Vân, thuộc dãy núi yên tử, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Chùa được xây dựng từ thời Trần (Thế kỷ XIII) được sửa chữa trùng tu lớn nhiều lần.

Văn bia ở chùa ghi lại như sau: “Chùa Trù Phong” (Hồ Thiên) nằm trong quần thể Quỳnh Lâm, Yên Tử. Núi non san sát, suối khe bao bọc, cảnh trí tuyệt mỹ. Đây là chốn Tùng Lâm, được lập ra từ thời Trần”. Sách Đại Nam nhất thống trí thi ghi “Chùa Hồ Thiên ở xã Phú Ninh, tổng Thủy Sơn, huyện Đông Triều, dựng từ thời triều Trần lâu ngày đồ nát, nay vẫn còn dấu vết cũ. Trước chùa có hồ sen, lại có đôi chim hạc thường bay đi bay về”. Sách “Lĩnh Nam Chích quái” chép: ở Đông Triều có hai con hạc hàng năm sinh con, rồi lại bay đi. Sau người ta có câu thơ rằng:

*“Đoá đoá kim liên khai lạc cổ
Song song bạch hạc khứ qui gian”.*

Tạm dịch *Hoa sen lúc nở lúc tàn*

Đôi chim hạc trắng thanh nhàn tiêu dao.

Chùa có tên là Hồ Thiên bởi trên đỉnh núi có một hồ nhỏ. Chùa được xây theo kiểu chữ đình, gồm 7 gian tiền đường và 3 gian hậu cung. Tiền đường có chiều dài 26m, rộng 11m. Hậu cung xây dựng cao hơn tiền đường 1 cấp. Tường xây gạch đỏ, giữa các cấp nền được bó kê bằng các phiến đá xanh thớ mịn dài chắc chắn.

Sau khu chùa chính khoảng 50m, chệch về phía bên phải là khu vườn tháp gồm nhiều tháp gạch và tháp đá, trong có một tháp đá xanh khá lớn. Tháp này có 7 tầng, cao 8,6m (cả chóp) được ghép mộng chắc chắn bằng các phiến đá xanh to, thớ mịn, xung quanh mỗi tầng là 4 cửa vòm cuốn thông nhau; khoảng cách giữa mỗi tầng tháp được rút ngắn và thu nhỏ lại 10cm, đỉnh tháp là một bình nước cam lồ tạo dáng thanh thoát. Diềm mái của tầng được chạm nổi xung quanh hai tầng cánh sen, chính giữa lòng tháp đặt một tảng đá xanh hình vuông có chạm hình bát quái trên bề mặt, xen lẫn hoa văn vân xoắn chám tròn. Xung quanh chạm nổi ba lớp với 72 cánh sen, đường trạm kỳ công thể hiện sự khéo léo của người thợ dựng tháp.

Nằm sau khu chùa chính khoảng 100m, chệch về phía bên trái là khu nhà bia. Nhà bia được xây dựng theo kiểu chữ “đình”. Tiền đường nhà bia xây bằng gạch đỏ lợp ngói âm dương, chiều dài 8,1m, rộng 4,5m (cả tường), tường cao 2,7m có độ dày 1m, có cửa chính hình vòm cuốn cao 2m, rộng 1,35m. Hậu cung dài 6,2 m, rộng 3,2m được thông với tiền đường bằng một cửa xây kiểu vòm cuốn cao 2m, rộng 1,35m, dày 1m. Tường và mái hậu cung được dựng bằng đá xanh, thớ mịn, ghép mộng chắc chắn. Mỗi bức tường là một phiến đá xanh to có độ dày 0,3m. Hai bên cửa hậu cung có một câu đối:

“Thụy hiện nam thiên vạn tải ân quang phổ chiếu

Pháp truyền Đông Thổ thiên thu đạo đức trường minh”.

Tạm dịch: *Phật hiệu trời nam muôn thủa ân quang phổ chiếu*

Pháp truyền Đông Thổ ngàn năm đạo đức sáng ngời.

Giữa hậu cung và nhà bia là một tấm bia đá xanh to, cao cả bề là 2,76m bề bia cao 0,4m, dài 1,9m, rộng 1,4m. Xung quanh bề bia chạm nổi lưỡng long châu nguyệt và hoa văn vân xoắn uốn lượn mềm mại. Bia đẹp, có mái cong hình lá đề, xung quanh diềm bia được mài nhẵn 2 mặt nhưng chỉ khắc mặt trước rất sắc nét. Nội dung ca ngợi cảnh đẹp Hồ Thiên và ca ngợi công đức chúa Trịnh khi trùng tu ngôi chùa này: “Ngọn núi đôi nổi tiếng miền Đông là thắng cảnh bậc nhất trong thiên hạ. Vân Am Long động (âm mây hang rồng) sừng sững xanh xanh mây dòng gấm tụ, đá núi liền tận Quỳnh Lâm bảo đài. Giáp ất lô trước đều là cảnh vắng rừng già vậy. Mà động Trù Phòng sừng sững, nhấp nhô góp đôn xe biếc, bao đỉnh núi bao quanh, bao suối khe uốn lượn, có địa thế vẻ trước mắt, chẳng cần đến phép, đôn sóng biếc về dưới chân, chẳng phải mượn Thế vân, riêng một càn khôn đẹp nhất trời một động. Chỉ có nhà Trần xưa vốn tôn sùng đạo Phật, từng mở núi san nền nơi đây, xây tam cấp dựng bảo tháp năm tầng. Hệt như phép màu cát cánh bay lên, rõ ràng vẻ đẹp hùng vĩ. Trái bao sương gió, nền móng vững bền mà biếc vàng lộng lẫy”. Cuối bài văn bia còn có khắc bài thơ của chúa Trịnh Cương: Ngự chế Hồ Thiên tự thi.

Tạm dịch:

*“ Miền đông đều xinh đẹp
Riêng một cảnh Hồ Thiên
La liệt ngàn núi thẳm
Vời vợi muôn vẻ huyền
Thượng thừa khai cảnh phật
Đại giác diễn chân thuyên*

*Lầu gác thường thuyền giới
Đâm vực nổi đất liền
Châu báo xây cổ tháp
Ngọc vàng rạng mọi miền
Đạo lớn thâm hưng chấn
Công quả được mãi viên
Cuộc chơi vừa kết thúc
Bút thánh đề non tiên”.*

Bia dựng vào ngày tốt tháng 3 năm Vĩnh Hựu thứ 2 (1736) triều vua Lê Ý Tông. Toàn bộ tấm bia là một tác phẩm nghệ thuật tuyệt mỹ đã được các nghệ nhân chạm trổ tỉ mỉ, công phu mang đậm phong cách thời Lê. Nằm giữa nhà bia và chùa chính là khu tầng xá. Bao quanh toàn bộ các công trình trên là khu vườn chùa, gồm những cây cổ thụ xum xuê như đại, vôi, bưởi, quế, quýt, khế... Có những cây có đường kính 1,5m.(tương đương với 3 người ôm)

Hiện nay di tích còn lại ba lớp nền vỏ bì bằng đá cuội, mỗi lớp là một bậc lên cao, cách nhau 1,50cm. Riêng mặt trên cùng còn nguyên các bệ đá chân cột, mỗi bệ có đường kính chân cột từ 60-65cm. Xung quanh chùa còn một hệ thống tháp đá, tháp gạch, nhiều tháp đã bị đổ vỡ.

Chùa Hồ Thiên được bộ văn hoá thông tin công nhận là di tích lịch sử văn hoá cấp quốc gia vào ngày 29/5/2006 (số 56/2006/QĐ-BVHTT).

2.2.1.4. Chùa Bác Mã

Chùa Bắc Mã, tên chữ là Phúc Chí Tự, nằm ở thôn Bắc Mã, xã Bình Dương, huyện Đông Triều. Chùa Bắc Mã là một tổng thể không gian kiến trúc quy mô được xây dựng trong một khuôn viên có diện tích tới ba mẫu đất. Theo các văn bia, văn tự Hán còn lưu giữ cho thấy lịch sử chùa Bắc Mã trên dưới sáu trăm năm và đã qua nhiều lần trùng tu tôn tạo. Thời Lê chùa được trùng tu vào các năm: 1606 dưới triều Lê Kính Tông, 1733 dưới triều Lê Thuần Tông và 1768 dưới triều Lê Huyền Tông. Đặc biệt tấm bia Trùng tu phúc chí thiền tự bi tạo năm Long Đức thứ 2 (1733) thời Lê Thuần Tông có đoạn : “Đông Triều, Kinh Môn, Hải Dương là vùng đất cao sừng sững nhìn về đông nam ngọn núi Thanh Kỳ đáng yêu đó là Bạch Mã. Hồ rộng mênh mông lâu các nguy nga đây là Phúc Chí. Chùa Phúc Chí nổi tiếng từ xưa...

Đông Triều thắng cảnh

Phúc Chí cõi thiền

Quy mô rộng lớn

Vút tận cửa thiên

Khí thiêng huyền ảo

Muôn thửa hiển nhiên

Đắp bồi quốc mạch

Mãi mãi lưu truyền

Sáng ngời muôn thửa

Quả Phúc nhân duyên

Công to đức lớn

Ngun ngút toà sen”.

Vào thời Nguyễn được trùng tu năm 1835 dưới triều Minh Mệnh, lần này là đúc quả chuông hiện nay còn lưu giữ; lần trùng tu sau cùng là năm 1926 dưới triều Bảo Đại, lần này chùa được xây dựng lại qui mô lớn hơn thành một ngôi chùa rộng lớn, đẹp, thiêng liêng. Ruộng đất của nhà chùa có tới 20 mẫu với ba con trâu cày và hai lực điền giúp việc.

Chùa Bắc Mã có kết cấu kiến trúc chữ đình gồm năm gian tiền đường và hai gian hậu cung. Trước cửa tiền đường có ba lối lên xuống được phân đều bằng bốn thành bậc rộng. Chính giữa bái đường treo một cuốn thư son thếp vàng chạm bốn chữ (Phúc Chí Thiện Tự), hai bên có hai cá chép châu vào. Hậu cung là cung tam bảo, nơi đặt các tượng phật. Phía nam của chùa là dãy nhà tăng và nhà tổ, kết cấu bộ khung của chùa rất vững chắc, cột bằng gỗ lim có đường kính 40cm. Mái chùa mềm mại uyển chuyển bởi bốn đầu đao cong vút, mái lợp ngói vẩy rồng. Tượng pháp trong chùa khá đầy đủ, ngoài ra còn có tượng Tổ và tượng Mẫu. Đặc biệt chùa có hai pho tượng pháp khuyến thiện và trừng ác.

Đến nay chùa Bắc Mã không còn giữ được nguyên vẹn như trước, kết cấu khung kiến trúc đã bị đổ nát hoàn toàn nhưng một số hiện vật vẫn còn giữ lại được. Nghệ thuật chạm khắc trên đá ở chùa Bắc Mã được thể hiện khá tinh xảo ở các hiện vật còn lại (bia đá, con rồng, tháp...) Nó kết hợp được một cách khéo léo nghệ thuật của các thời kỳ Trần, Hậu Lê, Nguyễn. Chạm khắc đá thể hiện nét điêu khắc thời Trần qua tượng con rồng được đặt ở bậc lên xuống, còn lại. Bố cục rồng gọn, đường nét rất sinh động khoẻ khoắn, thân có hình tròn lẳn, mập mạp, múp dần về phía sau đuôi, uốn khúc nhẹ. Điêu khắc đá thời Hậu Lê được thể hiện rõ ở các bia đá với hình hai con rồng châu mặt nhật, các nét chạm khắc mạch lạc, hai bên khung dọc theo thân bia là hoa lá mềm mại, cách điệu biểu hiện điêu khắc thời Lê.

Chùa Bắc Mã, ngoài giá trị kiến trúc tôn giáo, còn là một cơ sở yêu nước và cách mạng thời chống Pháp. Đầu năm 1945, trong cao trào cách mạng tiền khởi nghĩa, đồng trí Nguyễn Kiên Tranh (tức Nguyễn Văn Tuệ) thoát khỏi nhà tù của Nhật đã khoác áo nhà sư, trở thành sư tuệ về Chùa bắc mã gây dựng lực lượng khởi nghĩa. Nhà sư Võ Giác Thuyên nhiệt

liệt hưởng ứng. Chùa Bắc Mã trở thành nơi được đồng chí Nguyễn Bình và đồng chí Trần Cung, Hải Thanh...chọn làm căn cứ lập chiến khu Trần Hưng Đạo (sau gọi là Đệ Tứ chiến khu hoặc chiến khu Đông Triều).

Cuối tháng 4-1945, tại chùa Bắc mã, tiểu đội vũ trang thoát ly đầu tiên được thành lập. Tiếp đó một lớp huấn luyện chính trị bồi dưỡng cán bộ phục vụ phong trào cũng được mở tại chùa Bắc Mã, có 50 người tham dự. Tình thế cách mạng ngày một thuận lợi, phe phát xít ngày càng thua to, các đồn binh Nhật dao động. Lúc này bọn phi nôi lên dự đội. Các đồng trí lãnh đạo chiến khu Đông Triều quyết định khởi nghĩa.

Đêm 7/6/1945, lực lượng khởi nghĩa xuất quân tại chùa Bắc Mã. Sáng 8/6/1945, tiếng súng khởi nghĩa đã nổ trên một tuyến đường dài 24km dọc đường số 18. Quân ta đồng loạt hạ đồn Đông Triều, đồn Mạo Khê, đồn Tràng Bạch, đồn Chí Linh. Chiều 8/6/1945, trong cuộc mít tinh lớn tổ chức tại đình Hồ Lao gần chùa Bắc Mã, chiến khu Đông Triều đã chính thức tuyên bố thành lập, uỷ ban quân sự cách mạng ra mắt nhân dân. Sau đó, từ căn cứ Bắc Mã, du kích cách mạng quân Đông Triều đã toả đi phát triển lực lượng, giải phóng Quảng Yên (20/7/1945) rồi Hải Dương, Hải Phòng, Kiến An, Hòn Gai, Cẩm Phả, Tiên Yên, Đầm Hà...góp phần to lớn vào thành công của cách mạng tháng Tám.

Năm 1947, thực dân Pháp trở lại Đông Triều và đốt phá chùa Bắc Mã. Sau đó, chính phủ ta lại có chủ trương tiêu thổ kháng chiến, vì vậy chùa Bắc Mã đã bị phá huỷ hoàn toàn.

Năm 1989, UBND huyện Đông Triều đã xây dựng nhà truyền thống của huyện tại khuôn viên chùa Bắc Mã. Những năm qua, nhà truyền thống đã được tôn tạo, bổ xung thêm hiện vật để ngày càng tiến tới nhà bảo tàng Chiến khu Đông Triều. Phần hậu cung chùa Bắc Mã cũng đã được xây dựng lại.

Ngày 5/9/1994, Bộ văn hoá – Thông tin ra quyết định số 2379 QĐ/BT công nhận chùa Bắc Mã là di tích lịch sử. Lễ hội hàng năm tại chùa Bắc Mã được tổ chức vào ngày 8/6, ngày thành lập chiến khu Đông Triều.

2.2.1.5. Chùa Mỹ Cụ

Chùa Mỹ Cụ, tên chữ là “Sùng Khánh Tự”. Chùa được xây dựng ở làng Mỹ Cụ nên lấy tên làng đặt cho chùa. Tên làng được xuất phát từ truyền thuyết: “Tương truyền xưa vua Trần Nhân Tông lên núi Yên Tử đi tu, dân làm cỗ ngon dâng vua, nên đặt tên là Mỹ Cụ” còn tên Sùng Khánh Tự mang ý nghĩa đề cao Phật pháp vô biên, khánh có nghĩa là tốt lành.

Chùa Mỹ Cụ tọa lạc bên sườn núi Chè ở độ cao 20m, thuộc thôn Mỹ Cụ, xã Hưng Đạo, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Núi Chè là ngọn núi có hình con rùa, chùa được xây dựng trên đầu con rùa, quay về hướng Đông-Nam, phía trước là cánh đồng lúa xanh tốt, xa xa là sông Quế trải dài mềm mại, sau nữa là dải núi tựa những con kỳ lân châu về đất Phật.

Vào thời Trần Phật giáo bước vào thời kỳ phát triển rực rỡ nhất trong lịch sử Việt Nam và ảnh hưởng đến mọi lĩnh vực của cuộc sống. Sau khi vua Trần Nhân Tông đi tu ở Yên Tử và sáng lập ra thiền phái Trúc Lâm qua đời, Pháp Loa dưới sự dìu dắt của vua Trần Nhân Tông đã được truyền Pháp y và lên làm vị tổ thứ 2 của phái thiền Trúc Lâm. Dưới thời Pháp Loa, giáo lý Trúc Lâm có sức quyến rũ mạnh mẽ tín đồ đạo Phật. Từ Yên Tử, giáo lý Trúc Lâm phát triển ra khắp vùng Đông - Bắc. Thời kỳ này có 800 ngôi chùa lớn nhỏ được dựng lên. Chùa Mỹ Cụ cũng được xây dựng vào thời kỳ này. Khởi dựng chùa có quy mô và kết cấu kiến trúc kiểu chữ đình. Đến thời sau này chùa được mở rộng ra khá khang trang, bao gồm chùa chính, nhà tổ, nhà tăng, tạo thành một kiến trúc tổng thể hình chữ khẩu.

Chùa đã trải qua nhiều lần trùng tu vào các năm: Cảnh Hưng thứ 2 (1741), Cảnh Thịnh thứ 8 (1800), Gia Long thứ 18(1819), Tự Đức thứ 11 (1858) và năm Thành Thái thứ 11(1899). Lần trùng tu lớn nhất là năm 1858, trên tấm bia đá đặt ở sân chùa còn ghi rõ: “Tu sửa thượng điện, thiên hương, tiền đường là 11 gian, lại hai bên tả, hữu hành lang mỗi bên 3 gian,

hậu đường 5 gian, sửa chữa tượng Phật 8 toà”. Theo các cụ già kể lại thì trước kia chùa có quy mô rất lớn, bao gồm tam quan, chùa chính, nhà tổ, nhà tăng, vườn chùa cây cối quanh năm xanh tốt.

Đến cuối thời Nguyễn, ngôi chùa đã bị tàn phá, chỉ còn lại chùa chính kiến trúc kiểu chữ đình (T), nhưng kết cấu vì kèo và điêu khắc còn giữ được khá nguyên trạng và hệ thống tượng pháp có giá trị nghệ thuật cao, như tượng: A Di Đà, tượng Thích Ca Mâu Ni, tượng Quan Âm Chuẩn Đề, tượng Ca Diếp, tượng Annan... Các pho tượng gỗ có liên đại từ thời Tây Sơn và thời Nguyễn vẫn được lưu giữ khá tốt. Hệ thống tượng pháp được tạc tỉ mỉ và khéo léo, các nét chạm trổ mềm mại nhưng khỏe khoắn và dứt khoát. Màu sắc, hoa văn trang trí trên từng pho tượng đều mang đậm nét bản sắc văn hóa dân tộc. Mỗi pho tượng mang một hình dáng, biểu hiện nội tâm khác nhau tuy nhiên có một điểm chung đó là pho nào cũng được tạc một cách béo tốt, nở nang, chứa đựng ước nguyện phồn thực và cuộc sống ấm no hạnh phúc của nhân dân. Bên cạnh đó chùa Mỹ Cự còn có những mảng chạm ở các vì kèo, đầu dư, kẻ, bẩy... thể hiện sự khéo léo và cầu kỳ của những người thợ có tâm tạc dựng và trùng tu chốn Phật đài. Ngoài các hiện vật trên chùa còn nhiều hiện vật có giá trị khác đó là 1 câu đối thời Nguyễn, 1 bệ tượng gỗ có hoa cánh sen thời Trần, 1 chuông đồng đúc ngày 11 năm Gia Long thứ 18 (1819), 1 chiêng đồng đề “Sùng Khánh thiên tự” đúc vào mùa đông năm Minh Mệnh thứ sáu, 5 tấm bia đá được tạc vào thời Lê, thời Tây Sơn, thời Nguyễn, 1 thống đá và 1 tháp sư...

Hàng năm vào kỳ hội chùa, từ ngày 10 đến ngày 12 tháng 1 âm lịch nhân dân trong vùng và khách thập phương đến lễ chùa rất đông, thể hiện tấm lòng thành kính với các đức Phật, cầu mong một cuộc sống hạnh phúc, bình an.

Chùa Mỹ Cự được Bộ Văn hóa - Thông tin xếp hạng là di tích nghệ thuật cấp Quốc gia theo Quyết định số 13/2000-QĐ-BVHTT, ngày 28/7/2000.

2.2.1.6. Chùa Nhuệ Hồ

Chùa Nhuệ Hồ, có tên chữ là chùa Quảng Phúc. Nằm tại xã Kim Sơn, huyện Đông Triều. Chùa Nhuệ Hồ ước tính có lịch sử tồn tại khoảng 400 năm. Như hệ thống bia đá trùng tu của chùa còn lưu giữ được cho thấy, ngày 20 tháng 2 năm Chính Hoà thứ 17 (1696) chùa đã được trùng tu sửa chữa. Như vậy ít nhất chùa phải có từ trước thời điểm này. Theo các cụ già kể lại thì mặc dù là ngôi chùa làng song chùa Nhuệ Hồ luôn được quan viên bản thôn quan tâm công đức, tu sửa. Bia công đức còn ghi lại cuối thế kỷ 17 nhiều người dân dâng tiền, đất cúng tiến công đức vào chùa. Năm 1786, quan viên Nhuệ Hồ đóng góp thay cũ đổi mới, trồng nhiều cây cối cho cảnh chùa thêm thoáng mát. Bởi vậy trong lịch sử chùa Nhuệ Hồ từng có quy mô khá rộng lớn khang trang bao gồm chùa chính, nhà tổ, nhà mẫu, nhà tăng, nhà sắp lễ, nhà bếp, vườn tháp, vườn bia, tam quan, sân, vườn, ruộng chùa, vườn cây ăn quả...Chùa được toạ lạc trong một khu đất rộng, xung quanh là cánh đồng phù nhiều màu mỡ, ruộng vườn xanh tốt, sáng sủa quang đãng. Chùa quay hướng Tây, đây là hướng ổn định, phù hợp với sự vận hành của âm dương. Trước cửa chùa không xa là dòng chảy của sông Cầm và sông Đá Vách. Phía nam là núi con rùa và núi Đống Mả (truyền thuyết trên đó có mộ của hai vợ chồng giặc Ngô chết trận tại đó). Hai núi này tạo thành dãy núi Xanh Nhảm nay thuộc huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Với địa thế tiền, tả, hữu trông như thể lưỡng long châu thủy. Cho dù ở bất cứ nơi đâu, trên núi cao hay đồng bằng thì ông cha ta vẫn chọn được thế đất cao, quang đãng và có dòng chảy để dựng chùa. Chùa Nhuệ Hồ còn được dựng xa khu dân cư để các chư phật không bị ô nhiễm bụi trần, để các tăng ni phật tử cùng chúng sinh cầu nguyện tránh được “tham, sân, ái, ó, hi, nộ” của đời trần tục. Phải nói rằng, Chùa Nhuệ Hồ còn được ông cha ta chọn lựa rất kỹ và có một sinh lực nhất định.

Chùa Nhuệ Hồ không lúc nào vắng tiếng chuông ngân, làm cho cảnh chùa trang nghiêm âm cúng. Chùa đã qua nhiều lần sư trụ trì như: Sư thầy Ma-ha-sa-di tự Hải Nhai, người Ngẫu Khê, Quỳnh Côi, Thái Bình. Thầy nói năng thành thực, tính hạnh chuyên cần, lòng dạ ngay thẳng, xử thế thiện tín, ái mộ thiên môn, thức khuya dậy sớm tụng niệm... “Ông đã mua bảy

sào rỗng tại xứ Viên Thành, An Biên, Nghi Tinh, Mã Giai, Đông Đỗ cúng vào chùa để làm rỗng hương hoá”. Ông mất ngày 19/7/1792, xá li được táng ở tháp bên trái trước cửa chùa.

Trải qua thăng trầm của lịch sử, một thời gian dài chùa không được quan tâm sửa chữa nên bị hư hỏng mai một nhiều. Năm 1995, các Phật tử gần xa đã tích tâm công đức, tôn tạo xây dựng lại 5 gian tiền đường, sửa chữa lại 3 gian hậu cung, tô thếp lại tượng Phật bị hỏng, bị mất.

Cho đến nay, mặc dù thời gian và bao lần trùng tu xây dựng đã làm cho cảnh cũ thay đổi nhiều nhưng chùa Nhuệ Hồ vẫn giữ được nét cổ kính, trầm mặc của ngôi chùa cổ. Các công trình xây dựng gồm chùa chính có kiến trúc kiểu chữ đình gồm 5 gian tiền đường và 3 gian hậu cung, nhà bếp, vườn bia, tháp và đình thờ thành hoàng làng (mới), xây theo kiểu tiền Phật, hậu Thần. Chùa Nhuệ Hồ nay vẫn còn lưu giữ được gần như nguyên vẹn hệ thống tượng Phật, đồ thờ tự, bia đá có giá trị. Tượng ở đây được các nghệ nhân trạm khắc công phu tỉ mỉ tạo nên các pho tượng mang đầy đủ các hình dáng khác nhau, thể hiện nội tâm khác nhau. Những nét mềm mại nhưng khoẻ khoắn và dứt khoát cộng với hoa văn trang trí trên từng pho tượng thể hiện qua các thời kỳ đều mang đậm bản sắc văn hoá của dân tộc Việt Nam, góp phần làm phong phú thêm kho tài sản hiện vật quý giá của vùng đất văn vật Đông Triều nói riêng, của tỉnh Quảng Ninh nói chung.

Hiện vật mà chùa Nhuệ Hồ còn lưu giữ được ngày nay tổng số 98 hiện vật, trong đó có 15 pho tượng thời Lê. Đó là ba pho tượng Tam Thế, một pho tượng Adidà cao 145 cm (chưa có bệ) rộng vai 60cm đây là pho tượng Adi đà lớn nhất trong các chùa còn lại ở Quảng Ninh nhưng đã bị hỏng phần đầu và vai bên phải. Bốn pho Thiên Vương, một pho Quan Âm Thị Kính, một pho Tuyết Sơn, hai pho Quan Âm Bồ Tát, một pho Thích Ca sơ sinh, một pho tượng Hộ Pháp, một bia đá được làm vào năm Chính Hoà thứ 17 (1696), bốn pho tượng được làm vào thời Tây Sơn đó là một pho tượng Thánh Tăng, hai pho tượng Quan Thế Âm, Đại Thế Chí, một pho tượng Tổ, một bia đá được làm vào năm Cảnh Thịnh thứ nhất (1793), hai pho

tượng được làm vào đầu thời Nguyễn đó là một pho tượng Đức Ông và một pho tượng Mẫu, một bia đá làm năm Minh Mệnh thứ 14 (1833), một bia đá làm năm Minh Mệnh thứ 20 (1839) và nhiều đồ thờ tự có giá trị khác.

Chùa Nhuệ Hồ mở hội từ ngày 20 đến 23 tháng giêng hằng năm. Vào ngày hội tại đây diễn ra nhiều trò chơi dân gian, nhiều đoàn tế từ khắp nơi đến cúng tế, dâng hương. Những năm gần đây chùa Nhuệ Hồ thu hút đông đảo du khách thập phương đến dâng hương, thăm thú cảnh quan chùa.

Chùa được UBND tỉnh cấp bằng công nhận là di tích nghệ thuật, số 300/QĐ/UB, ngày 9/2/2001.

2.2.2. Đền

2.2.2.1. Đền An Sinh và lăng mộ vua Trần

Đông Triều là vùng đất cổ có tên gọi là An Sinh hay Yên Sinh. Đến đời vua Trần Dụ Tông (1341-1369), An Sinh đã được đổi thành Đông Triều. Theo duy danh định nghĩa thì Đông Triều có nghĩa là “triều đình phía đông”, và lại đất An Sinh vốn là quê gốc của nhà Trần. Tổ tiên nhà Trần ở đây nổi đời làm nghề đánh cá trên sông, sau đó lên đênh phiêu bạt tới xã Tức Mặc, phủ Thiên Trường thuộc đất Nam Định ngày nay. Chính vì gắn bó với quê gốc cho nên hầu như tất cả mộ phần, lăng tẩm của vua Trần trước sau đều quy về An Sinh. Cũng vì gắn bó với quê gốc mà khi mới lập vương triều, Thái Tông Trần Cảnh đã phong cho anh trai cả là Hiển Hoàng Trần Liễu làm An Sinh Vương và lấy các xã thuộc Yên Phụ, Yên Dưỡng, Yên Hưng, Yên Bang làm đất thưng mộ.

Nhà Trần có một truyền thống độc đáo là vua truyền ngôi cho con khi vua đang ở tuổi tráng niên và được tôn làm thượng hoàng. Thực tế, các thượng hoàng đều mất tại cung vua ở Thăng Long, hoặc tại cung ở Nam Định, sau đó mới đưa về an táng vĩnh viễn tại Yên Sinh Đông Triều. Việc này bắt đầu từ vua Anh Tông trở đi. Lúc đầu, Thượng hoàng Thái Tông và sau đó là Thượng hoàng Thánh Tông đều an táng ở Thái Bình. Thái Tông có Chiêu Lăng, Thánh Tông có Dụ Lăng. Về

sau cũng có lăng Trần Nhân Tông, gọi là Đức Lăng, nhưng ở đó lại chỉ cất giữ một ít hạt xá lý của Nhân Tông thôi, vì ông mất ở Am Ngọa Vân và hoả táng tại đó. Đến khi quân Chiêm Thành đánh phá dữ dội, vì sợ chúng huỷ hoại lăng mộ nên nhà Trần đã dời khu lăng ở Thái Bình về Yên Sinh Đông Triều.

Sau đó, Yên Sinh đã hình thành khu lăng mộ rộng lớn và tôn nghiêm có tên gọi là khu lăng Tư Phúc. Di cốt mỗi vua được táng ở một lăng riêng, gồm có:

- Lăng Đồng Thái (Thái Lăng)

Táng vua Trần Anh Tông, phụ táng Bảo Từ hoàng thái hậu, vợ Anh Tông, con gái Hưng Nhượng Vương Trần Quốc Tảng. Đây là một lăng mộ rất điển hình. Theo tài liệu thư tịch cổ và văn bia dựng tại đền An Sinh thì từ thời Lê còn đến ngày nay thì công trình lăng tẩm đầu tiên được xây dựng tại đây—Sách Đại Việt sử ký toàn thư ghi: “Ngày 16/3/1320 Thượng hoàng Anh Tông băng tại Trùng Quang, phủ Thiên Trường, rước linh cữu vào cửa tường phù, quản tại cung Thánh Từ”. “Ngày 12 tháng 12 năm 1320 táng Thượng hoàng vào Thái Lăng ở Yên Sinh”. Thái Lăng được xây dựng trên ngọn một quả đồi (còn gọi là đồi Táng Qui) qui vuông mỗi bề 61m, phân thành ba lớp bao quanh. Lớp trong cùng là phần mộ vuông mỗi cạnh dài 8m, lớp này cao trội hẳn lên, có một cửa ra vào ở hướng nam, các cửa đều có thành bậc rồng; một cửa hướng đông và một cửa hướng tây, các cửa đều có thành bậc sáu đá. Đối diện với 3 cửa hướng nam là một điện tế lớn. Lớp thứ ba bao bọc ngoài cùng như một hàng lang cho toàn bộ lăng, có lối ra vào ở 4 phía.

Đồng thời với việc xây dựng lăng, ở đây hoàng tộc còn cho xây dựng đền để làm nơi thờ tự đó là đền Thái. Đền Thái ở trước khu vực Thái Lăng, trên một quả đồi(hiện gọi là Trại Lốc), diện tích xây dựng 1.200m², kiến trúc kiểu chữ tam, hiện nay đền chỉ còn dấu tích.

- Lăng Đồng Mục (Mục Lăng)

Mục Lăng được xây dựng năm 1357, là nơi an táng thượng hoàng Minh Tông. Trần Minh Tông tên húy là Trần Mạnh, sinh ngày 21 tháng 8 năm Canh Tý (1300), con thứ tư của vua Anh Tông, mẹ là Chiêu Từ Hoàng Thái Phi (tháng 4 năm 1359 được truy tôn là Chiêu từ hoàng thái hậu). Ông làm vua từ năm 14 tuổi, ở ngôi 15 năm, làm Thượng hoàng 28 năm. Ông mất ngày 19 tháng 2 năm Đinh Dậu (1357), thọ 58 tuổi, ngày 11 tháng 11 táng ở Mục Lăng. Mục Lăng nằm ở chân đồi thuộc khu Khe Gạch, thôn Trại Lốc, xã An Sinh (phía trước Thái Lăng và gần đền Thái). Hình thức xây dựng Mục Lăng cũng giống như Thái Lăng. Theo sách Trần triều lăng tẩm đồ mạn ký thì Mục Lăng có 3 nền, (nền một ở trong rộng 2 trượng (6,60m) cao 2 thước (0,66m), cửa rộng 4 thước (1,32); nền thứ hai, đông tây dài 3 trượng (9,90m) rộng 2 trượng (6,60m) cao 1 trượng (3,30); chiều nam bắc dài 3 trượng (9,90m) rộng 1 trượng (3,30m) cao 1 thước (0,33); nền thứ ba, chiều đông tây dài rộng 1 trượng 5 thước (4,95), chiều nam bắc dài 6 trượng (1,98m) cửa rộng 4 thước (1,32m); bên ngoài phía trái phải có hai nền mỗi nền dài 24 trượng 5 thước (79,20m) rộng 2 trượng 7 thước (8,91m) cửa rộng 4 thước (1,32m), đều có lân đá thêm đá).

- Lăng Phụ Sơn (Phụ Lăng)

Phụ Lăng được xây dựng năm 1369 là nơi an táng linh cữu Trần Dụ Tông, ngày 25/5/1369 vua băng ở chính tẩm, miếu hiệu là Dụ Tông. Trần Dụ Tông tên húy là Trần Hạo, sinh ngày 19 tháng 10 năm 1336, con thứ 10 của vua Minh Tông, mẹ là Hiến Từ hoàng hậu. Ông làm vua từ năm 6 tuổi, ở ngôi 28 năm. Hình thức xây dựng Phụ Lăng giống Thái Lăng và Mục Lăng. Phụ Lăng Sơn tọa lạc tại xóm Mới, Thôn Bãi Dài xã Yên Sinh. Gồm công trình lăng tẩm và miếu thờ. Theo sách Trần Triều thánh tổ các xứ địa đồ: Phụ Sơn Lăng có 3 nền. Nền thứ nhất dài 2 trượng, rộng 1 trượng 5 thước, cao 2 thước, mở 1 cửa. Nền thứ hai chu vi bốn mặt đều dài rộng 1 trượng, mở một cửa. Nền thứ 3 chu vi dài 6 trượng rộng 1 trượng 1 thước mở 9 cửa đều rộng 3 thước. Hai bên tả hữu là 2 nền đều dài 2 trượng 5 thước rộng 1 trượng 5 thước.

- Lăng Ngải Sơn (Ngải Lăng)

Lăng tọa lạc nơi chân đồi thuộc khu Ao Bèo, thuộc Trại Lốc, xã An sinh. Là nơi an táng của Vua Trần Hiến Tông. Đại Việt sử ký toàn thư ghi: “ Ngày 15 tháng 8 năm Mậu Thân (1344) táng vào An Lăng ở Kiến Xương”. Theo Trần Triều lăng tẩm đồ mạn ký (Tu lý theo sắc lệnh năm Minh Mạng thứ 21-1840) thì trong là nền mộ dài 2 trượng 9 thước (9,57m), rộng 8 thước (2,64) cao 1 trượng (3,30); thứ hai là tường gạch chu vi chân tường đều dài 4 trượng 5 thước (14,85) rộng 3 thước (0,99m); phía bên trái mộ là một trâu đá, một chó đá, hai người đá, hai voi đá, hai ngựa đá, hai hổ đá. Tuy nhiên qua thời gian, lăng đã trở thành phế tích, năm 2002 Công ty Than Mạo Khê đã đầu tư kinh phí xây dựng miếu thờ trong tổng diện tích khoảng 0,1 ha gồm công trình miếu thờ, trụ biểu, sân vườn.

- Nguyên Lăng

Di tích tọa lạc trên một quả đồi thấp nơi trung tâm thuộc thung lũng Khe Nghệ (núi Đốc Trại), xóm Bãi Đá, thôn Bãi Dài, xã An Sinh. Trần Nghệ Tông là vua đời thứ tám nhà Trần. Ông lên ngôi năm 44, ở ngôi 3 năm, làm Thái Thượng Hoàng 27 năm; mất ngày 5 tháng 12 năm 1394, thọ 74 tuổi, táng vào Nguyên Lăng ở Yên Sinh, miếu hiệu là Nghệ Tông. Di cốt vua Giản Định đời hậu Trần cũng được đưa về an táng tại đây. Trong hệ thống lăng miếu vua Trần thì Lăng Trần Nghệ Tông ở vào tình trạng bị hủy hoại nhiều nhất. Di vật tại đây chỉ còn chân tảng đế bia, một mảnh bia vỡ (còn dòng chữ “...lục nhận phụng”), một ít gạch ngói vỡ...

Kiến trúc của khu lăng Tư Phú rất uy nghi rực rỡ, có tẩm điện, có người đá, voi đá, ngựa đá, hổ đá, trâu đá, dê đá...Ngoài ra còn có Lăng Đồng Hy (Hy Lăng) ở núi Ngọc Thanh, xã Đạm Thủy táng mộ giả vua Trần Duệ Tông bị tử trận ở phương Nam khi đánh Chiêm Thành. Vua Trần Nhuận Tông bị Hồ Quý Ly bức tử ở Quán Ngọc Thanh cũng được mai táng ở Đạm Thủy.

Trong khu di tích nhà Trần ở Đông Triều còn có khu đền An Sinh thuộc thôn Nghĩa Hưng, xã An Sinh. Khu vực đền có diện tích khá rộng, khoảng 80.000 mét vuông. Đứng tại đền, bạn có thể phóng tầm mắt quan sát không gian tĩnh mịch và khoáng đạt quanh đền để có cảm giác thư thái và yên ả. Cổng đền có những hàng nhãn cổ thụ làm cho cảnh quan đền thêm cổ kính. Quanh đền có 14 cây đại, biểu hiện cho 14 đời vua nhà Trần. Trước đền có 8 cây vạn tuế biểu hiện cho 8 vị vua được thờ ở đây. Đây là khu vực chính yếu nhất, được xây dựng theo hướng tây nam, với ba toà nhà lối chữ tam, gồm tiền đường, bái đường và hậu cung. Hậu cung là nơi chính tâm rất linh thiêng, phía trên bệ thờ đặt 8 ngai thờ 8 vua Trần (“Trần triều bát vị hoàng đế”), bên cạnh còn có bệ thờ Khổng Tử. Ngoài khu vực đền còn có dãy nhà khách, nhà ở của các thủ từ, xung quanh có tường bao bọc. Cùng với thời gian, đền An Sinh còn nguyên vẹn cho đến khi quân Pháp quay lại xâm lược và tàn phá đền vào năm 1948 và 1952, khu đền chỉ còn tường bao, các bệ thờ và một số bia đá. Sau đó đất nước bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, điều kiện quan tâm đến khu đền rất hạn chế. Vì vậy, cho đến ngày xây dựng lại khu di tích chỉ còn lại một bia đá niên hiệu Cảnh Hưng (1740-1786), 1 bia đá niên hiệu Đức Long (1629-1643), 1 bia đá niên hiệu Tự Đức (1848-1833). Nét điêu khắc trên bia đá đều rất tinh tế, mang dáng dấp phong cách nghệ thuật đầu thế kỷ XIII, cuối thế kỷ XVIII, thế kỷ XIX như đôi rồng chầu mặt trời lưng có vẩy, bờm tóc bay, mây xoắn uốn sóng như tay mướp (ở mặt trước). Rồng chầu vòng tròn, lưng uốn vòng (ở mặt sau). Rồng dang hai chân bám vào mây cánh sen xếp, rồng xoắn đuôi...

Ngoài ra còn kể đến 17 tảng đá kê chân cột và đặc biệt 1 tượng đá quan hầu không còn nguyên vẹn.

Với những giá trị độc đáo trên, khu lăng nhà Trần và di tích lịch sử văn hoá đền An Sinh đã được Bộ văn hoá quyết định xếp hạng di tích quốc gia (Quyết định 213 QĐ/VH ngày 28/4/1962). Năm 1987, UBND tỉnh đã cấp kinh phí và cùng với sự quyên góp của dân chúng, đền An Sinh đã được xây dựng lại khang trang. Hàng năm, huyện Đông Triều long trọng tổ chức lễ hội, người khắp nơi đổ về đây tưởng nhớ các đời Trần.

2.2.2.2. Đền An Biên

Đền An Biên tọa lạc bên sườn núi Vén thuộc làng Vén cổ, thuộc thôn An Biên, xã Thủy An huyện Đông Triều. Ngôi đền được xây dựng vào năm 40 đầu công nguyên để thờ Bà Lê Chân, một nữ tướng đã lãnh đạo nhân dân đứng lên đánh giặc trong cuộc kháng chiến chống ách đô hộ phương Bắc dưới thời Hai Bà Trưng. Đền được xây dựng tại thôn An Biên nên nhân dân gọi là Đền An Biên.

Làng Vén thôn An Biên là nơi nữ tướng Lê Chân sinh ra và lớn lên những năm tháng tuổi thơ cùng cha mẹ. Và khi bà qua đời, nhân dân ghi nhớ công lao to lớn của bà đã xây dựng ngôi đền ngay trên quê hương để tưởng nhớ bà. Đền xưa xưa có tên là đền Suối, có kiến trúc gồm 3 gian bái đường và 1 gian hậu cung, mái kết cấu kiểu chồng diêm, sân đền lát đá rập, trong khuôn viên của đền có nhiều cây xanh, trong đó có cây đa do Đại tướng Võ Nguyên Giáp trồng trong dịp thăm đền.

Nữ tướng Lê Chân sinh ngày 8 tháng 2 năm 18, sinh ra và lớn lên khi đất nước bị phong kiến phương Bắc đô hộ, cuộc sống của nhân dân lầm than cơ cực, Lê Chân vô cùng căm thù quân giặc. Lớn lên lại bị tướng giặc ép làm tì thiếp nhưng cha mẹ bà không đồng ý nên đã bị chúng tìm cách hại chết. Chứng kiến cảnh quê hương lầm than, gia đình tan tan nát, Lê Chân đã nuôi ý chí quyết tâm tìm cách đền nợ nước, trả thù nhà. Bà đã rời xa quê hương đến một vùng đất có sông ngòi chằng chịt, đất đai màu mỡ, lau sậy um tùm, thế đất hiểm trở rất thuận tiện cho việc lập căn cứ chống giặc thuộc vùng đất An Dương (Hải Phòng ngày nay) và quyết định ở đó xây dựng trang ấp mới. Bà cho người về quê đón gia quyến, người thân tới để cùng nhau lập làng, xây dựng lực lượng.

Sau 3 năm khai hoang lấn biển, bà đã lập được làng và sau mười năm vừa tích lũy lương thảo vừa luyện tập nghĩa binh, liên kết thu nạp hào kiệt trong vùng, bà đã xây dựng được 1 đội quân hùng mạnh, vừa giỏi lao động vừa tinh thông võ nghệ. Khi Hai Bà Trưng phát cờ khởi nghĩa, đội quân của bà lập tức trở thành cánh quân chủ lực của Hai Bà Trưng.

Được Hai Bà Trưng tin cậy, nữ tướng Lê Chân đã luyện tập cho quân sĩ của mình trở thành đội quân hùng mạnh nhất tham gia đánh đuổi quân Đông Hán xâm lược. Từ Hải Phòng, bà đã chỉ huy nghĩa quân đánh lên phía Bắc, tụ nghĩa cùng đội quân của Hai Bà Trưng, đội quân của bà đã chiến thắng lớn. Một trong những trận đánh tiêu biểu của đội quân do nữ tướng Lê Chân lãnh đạo là trận đánh trên đất Kinh Bắc (Thuận Thành, Bắc Ninh ngày nay). Trận đánh diễn ra bất ngờ làm quân giặc không kịp trở tay, xác giặc chất ngồn ngang. Trước sức mạnh của nghĩa quân, bọn quân đô hộ hốt hoảng chạy như ong vỡ tổ. Thái thú Tô Định rút cả ấn tín, cạo râu, giả dạng thường dân chạy trốn về nước. Sáu mươi lăm thành trì được giải phóng vào ngày 15 tháng tám (âm lịch) năm 40, đất nước được độc lập.

Sau chiến thắng, Trưng Trắc được trăm họ suy tôn làm vua, Trưng Nhị được tấn phong là Bình Khôi công chúa, nữ tướng Lê Chân được tấn phong là Thánh Chân công chúa, đứng sau vị trí của Trưng Nhị và đảm nhận trọng trách “chưởng quản binh quyền” thống lĩnh toàn bộ quân đội, kiêm trấn thủ vùng ven biển. Với trọng trách được giao, bà đã dốc lòng chăm lo củng cố biên ải và xây dựng lực lượng, tuyển thêm dân binh, mở lò tập tập võ, mở sới vật để tập luyện quân sĩ tại vùng Mai Động, chăm lo đời sống nhân dân, khuyến khích nghề nông. Bà luôn lấy đức để an dân, có kết được mối đoàn kết trong dân nên được nhân dân yêu mến quý trọng. Nhân dân hăng hái lao động sản xuất, đất nước no ấm thanh bình. Bà thực sự trở thành một nhà quân sự đầu tiên đã khéo léo kết hợp trong sản xuất, và chiến đấu tạo nên sức mạnh toàn dân đánh giặc ngay từ buổi đầu công nguyên và trong tiến trình lịch sử dân tộc.

Mặc dù thắng lợi của cuộc kháng chiến chỉ kéo dài trong 3 năm nhưng ý nghĩa và tiếng vang của thắng lợi đó đã trải dài suốt chiều dài lịch sử dân tộc. Nó là mốc son đánh dấu ý chí bất khuất và nghị lực phi thường của nhân dân ta, cũng là dấu mốc đánh dấu sức mạnh của phụ nữ Việt Nam trong cuộc đấu tranh dựng nước và giữ nước. Việc nhân dân ta xây dựng

đền thờ nữ tướng Lê Chân tại quê hương bà để tôn vinh người phụ nữ anh hùng đã có công với đất nước vừa để giáo dục tinh thần yêu nước, ý chí độc lập tự cường cho các thế hệ mai sau.

Hàng năm đền An Biên có 3 ngày lễ lớn là ngày 8 tháng 2 (âm lịch) ngày sinh của bà; ngày 15 tháng 8 (âm lịch) ngày thắng trận; ngày 25 tháng 12 (âm lịch) ngày mất của bà. Ngày xưa, lễ hội đền An Biên được tổ chức rất trọng thể, có lễ rước thần và diễn lại công trạng hành binh đánh trận diệt giặc của thần và của nhân dân ta.

Do sự thăng trầm của lịch sử và chiến tranh tàn phá nên đền đã bị hư hỏng nặng. Năm 1993, đền được nhân dân địa phương tôn tạo lại trên nền đất cũ. Hiện nay đền thờ nữ tướng Lê Chân vẫn còn lưu giữ được nhiều hiện vật mang tính nghệ thuật cao như tượng nữ tướng Lê Chân, tượng các nữ chiến binh, chuông đồng, hoành phi, câu đối, long ngai... Đặc biệt trong khuôn viên của đền có tượng đài nữ tướng Lê Chân được dựng trong tư thế của 1 võ tướng, vừa thể hiện được nét dịu dàng duyên dáng của người phụ nữ Việt Nam, vừa thể hiện được sự dũng mãnh oai phong của một vị tướng khi xung trận.

Với những ý nghĩa trên, đền An Biên đã được UBND tỉnh Quảng Ninh công nhận là di tích lịch sử văn hóa, số 4637/QĐ-UBND ngày 14/12/2005.

2.2.3. Đình

2.2.3.1. Đình Xuân Quang

Đình Xuân Quang được xây dựng trên một khu đất đẹp thuộc thôn Xuân Quang, xã Yên Thọ, huyện Đông Triều. Đình được xây dựng vào thời Lê ở làng Ngói cạnh sông Đá Bạc, dân quanh vùng thường gọi là đình Góc Quéo. Năm Khải Định thứ 7(1922), đình được chuyển về thôn Xuân Quang nên gọi là đình Xuân Quang (Xuân Quang có nghĩa là sáng sủa, ấm áp như mùa xuân và cũng là ước mong của dân làng về một cuộc sống ấm no hạnh phúc).

Đình Xuân Quang kiến trúc theo kiểu chữ nhĩ gồm 5 gian tiền đường và 3 gian hậu cung, mái lợp ngói mũi hài, hai hồi bit đốc. Hệ thống vì kèo cột gỗ kiểu giá chiêng, các đầu dư, con rường, cột trôn, guốc, hoành, kẻ, bẩy đều được trạm trổ tuỷ mỹ sắc nét. Đình Xuân Quang trải qua bao năm tháng vẫn còn giữ được nét cổ kính của một ngôi đình xưa.

Đình Xuân Quang thờ thành hoàng làng là 4 vị thiên thần: Cao Sơn đại vương (thần núi), Cây Vũ đại vương (thần cây), Công Ngái đại vương (thần nước), Linh Lang đại vương (thần đất). Xuất phát từ ý niệm của cư dân nông nghiệp về một cuộc sống ấm no, hạnh phúc, người ta phải “trông trời, trông đất, trông mây” để mong sao mưa thuận gió hoà, làm ăn gặp nhiều may mắn. Vì vậy các thiên thần chính là các vị “cứu tinh” vô hình để người dân gửi gắm niềm tin thiêng liêng của mình vào đó. Những vị thần này ngày đêm tác động không nhỏ đến cuộc sống con người, bởi thế việc thờ thần mưa, thần cây, thần nước, thần đất và cầu thần phù hộ là việc làm cần thiết của một làng quê nông nghiệp Việt Nam. Ngoài 4 vị thần trên, đình Xuân Quang còn thờ 2 vị có công đóng góp tiền bạc xây dựng làng, xây dựng đình là Hoàng Thường Nguyên và Hoàng Tuấn Giáp. Hai ông là người đức độ mẫu mực nên khi chết, dân làng đã tôn 2 ông lên làm thành hoàng của làng và thờ cúng các vị thiên thần. Hiện ở đình còn có bia đá khắc năm Minh Mệnh thứ 2 (1821) ca ngợi công lao của 2 vị:

“Công đức rõ một thời.

Để tốt đẹp về sau.

Khắc tên vào bia đá.

Truyền mãi mãi dài lâu”.

Trong đình còn lưu giữ các bức cốn, hình nét chạm khắc tinh tế, bố cục hài hoà các hình rồng, nghê, phượng vờn mây, tạo thành bức tranh sống động. Tất cả các chi tiết chạm khắc, hoa văn vân xoắn đao mác và hoa cúc mã khai mang dấu ấn nghệ thuật thời Nguyễn.

Đình Xuân Quang là ngôi đình duy nhất ở Đông Triều còn giữ được nguyên vẹn. Đình ngoài giá trị nghệ thuật điêu khắc đồng thời còn mang đậm màu sắc tín ngưỡng của dân tộc: thờ những vị có công với làng làm thành hoàng. Đình Xuân Quang đã được uỷ ban nhân dân tỉnh ra quyết định số 413 QĐ/UB ngày 27/2/1999 công nhận là di tích nghệ thuật cấp tỉnh.

2.2.3.2. Đình Trạo Hà

Đình Trạo Hà, đền Di Ái tọa lạc trên sườn núi Chiêng thuộc thôn Trạo Hà, xã Đức Chính, huyện Đông Triều. Đình Trạo Hà và đền Di Ái được xây dựng vào thế kỷ XVIII. Theo văn bia để lại được biết, nhìn từ ngoài vào thoát đầu là đình Trạo Hà, tiếp đó là đình Hàng Phủ, đền Di Ái và trong cùng là nhà mộ xây theo kiểu vòm cuốn, có lãng mộ gồm những phiến đá lớn và dày ghép lại với nhau bằng các mộng chắc chắn và cũng theo hình vòm cuốn. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, hai ngôi đình này đã bị tàn phá, đến năm 1994 dân làng quyên góp tiền xây dựng lại trên nền đình Hàng Phủ cũ để làm nơi sinh hoạt cho dân làng.

Đình Trạo Hà, đền Di Ái gắn liền với thân thế và sự nghiệp của Nguyễn Quang Huy-một vị quan văn võ song toàn thuộc hai triều đại Hậu Lê và Tây sơn.

Dưới triều Hậu Lê, theo văn bia khắc vào tháng 3 năm Cảnh Hưng thứ 36 (1775) đặt trước nhà mộ, thì Nguyễn Quang Huy là Đồng tri phủ Hải Đông “Ông là người tài đức, giàu lòng nhân ái, rộng lượng vị tha, trên một lòng thờ mẹ cha, giữ tròn chữ hiếu, với con cái là người cha hiền từ, với nhân dân không một chút kiêu căng, với bạn hữu tròn chữ tín...”. Khi làm quan, triều đình đã ban ân cho ông được tự lập điền trang thái ấp ở xứ An Quảng để hưởng lộc giữ mình trong sạch. Ông đã về đây chiêu tập dân để khai hoang và lập làng mới, gọi là làng Trạo Hà (Chèo thuyền trên sông), chia ruộng cho dân cày cấy, mỗi đình nam từ 18 tuổi trở lên đều được chia một sào đồng, hai sào bãi và ba sào vườn (khi chết phải trả làng

để chia cho người đến tuổi). Ngoài ra ông còn bỏ tiền xây dựng cho dân làng một ngôi đình bằng gỗ để thờ các chư vị bản thổ Thành Hoàng, làm nơi sinh hoạt văn hoá cho dân làng được dân làng nghi công.

Dưới triều Tây Sơn, theo văn bia khắc trên thành mộ thì khi nghĩa quân Tây Sơn tiến quân ra bắc (1786) đánh tan quân xâm lược Mãn Thanh, Nguyễn Quang Huy sớm nhìn thấy vận hội đất nước, từ một vị quan triều Lê, ông trở thành một vị tướng có nhiều đóng góp với triều đại Tây Sơn nên khi chết ông được ba vua Tây Sơn phong sắc. Ông mất ngày 16 tháng 2 năm Mậu Thân (1788). Nhân dân trong làng tôn ông làm phúc thần và lập đình Trạo Hà để thờ. Trên thành mộ hiện còn ba sắc phong của vua Thái Đức, Quang Trung, Cảnh Thịnh ghi lại công lao to lớn của ông.

Sau khi đánh đổ triều Tây Sơn, Nguyễn Ánh đã trả thù nhà Tây Sơn một cách hèn hạ bằng cách đập hết các công trình kiến trúc nghệ thuật, các bia đá, tượng tháp, chuông, khánh trong di tích có niên hiệu triều Tây Sơn. Nhưng ở đây có một điều đặc biệt là trong bia mộ của ông có ba sắc phong ghi liên hiệu của ba vua Triều Tây Sơn: Thái Đức, Quang Trung, Cảnh Thịnh thì vẫn còn nguyên nét không bị đục phá. Ngay trước cửa đình Trạo Hà còn có tấm bia 4 mặt khắc vào ngày tốt tháng 3 năm Gia Long thứ 18 (1819) nói về 43 xã, thôn thuộc các huyện Đông Triều, Thủy Đường, Hiệp Sơn, Chí Linh đứng ra xây dựng một ngôi đình mới ở giữa đình Trạo Hà và đền Di Ái. Đó là đình Hàng Phủ được khởi công xây dựng năm Quý Dậu (1813) và khánh thành vào năm Mậu Dần (1818) để thờ cúng chung và các sắc mục, xã trưởng, tổng trưởng của 43 xã, thôn trong vùng cùng thống nhất thờ cúng Nguyễn Quang Huy vào ngày 16 tháng 2 hàng năm theo lệ cũ (tức theo chiếu của vua Quang Trung đề ngày 2 tháng 3 năm Kỷ Dậu-1789).

Với những nội dung giá trị nêu trên, đình Trạo Hà - đền Di Ái xứng đáng là di tích lưu niệm danh nhân cần được gìn giữ và tôn tạo. Vào ngày 27/2/1999 đình Trạo Hà - đền Di Ái đã được xếp hạng là di tích lịch sử văn hoá cấp tỉnh (số 413/QĐ-UB).

2.2.4. Khu di tích Hồ Lao

Khu di tích lịch sử văn hoá Hồ Lao bao gồm nhà bia tưởng niệm xã Tân Việt và chùa Hồ Lao. Khu di tích lịch sử văn hoá Hồ Lao nằm trên gò đất rộng, bằng phẳng ngay đầu thôn Hồ Lao thuộc xã Tân Việt, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

Theo sử cũ thì ở đây gồm có đình và chùa. Đình Hồ Lao trước đây thuộc xã Hồ Lao, tổng Mễ Sơn, huyện Đông Triều, phủ Kinh Môn. Đình được xây dựng khá sớm nhưng tư liệu gốc về việc xây dựng đình đã bị thất lạc, chỉ còn lại một số bia thời Nguyễn ghi lại việc trùng tu đình vào năm 1864 thời Tự Đức. Sang thời Duy Tân đình tiếp tục được trùng tu lại và xây dựng thêm chùa và tạc tượng Cửu Long Thích Ca sơ sinh để thờ tại chùa.

Trong kháng chiến đình chùa bị phá huỷ, năm 1993 nhân dân dựng tạm một ngôi chùa nhỏ để thờ cúng. Theo các cụ già ở địa phương cho biết thì trước khi bị thực dân Pháp tàn phá, đình Hồ Lao có kiến trúc kiểu chữ nhị, mái lợp ngói vẩy rồng, cột xà bằng gỗ lim, quay hướng Đông Nam. Phía sau đình là ngôi chùa thờ phật, chùa có kiến trúc kiểu chữ đình. Sau khi bị tàn phá chùa được xây dựng lại có kiến trúc kiểu chữ nhất gồm 2 gian chạy dọc, quay hướng Đông Nam, kiến trúc đơn giản, mái lợp ngói xi măng, tường xây gạch đỏ, cột bê tông xi măng, 2 hồi bít đốc.

Năm 1997, Ủy ban Nhân dân xã Tân Việt đã xây dựng một nhà bia tưởng niệm ghi công nơi thành lập Đệ tứ chiến khu và ghi tên những người con yêu dấu của xã đã hi sinh anh dũng trong 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Văn bia thứ nhất ghi: “Văn bia ghi công nơi thành lập chiến khu Trần Hưng Đạo”; văn bia thứ hai ghi: “Tổ quốc ghi công” ghi tên 19 liệt sỹ trong kháng chiến chống Pháp; 31 liệt sỹ trong kháng chiến chống Mỹ; 14 liệt sỹ trong chiến tranh biên giới bảo vệ tổ quốc. Nhà bia xây dựng theo kiểu đạo quán, mái lợp ngói vẩy rồng, gồm 2 tầng 8 mái, đầu đao uốn lượn hoa văn, 8 góc mềm mại tinh tế, đầu bờ nóc đắp đầu kìm. Bệ đặt bia ốp đá dài 3m, rộng 80cm xây theo kiểu nhị cấp, chạm hoa

sen, trán và diềm bia khắc hoa văn dây leo, giữa trán bia có ngôi sao vàng 5 cánh trong ô tròn trắng viền vàng. Năm 2009, được sự quan tâm của Nhà nước cùng sự chung tay góp sức của chính quyền, nhân dân địa phương, đình chùa Hồ Lao đang được đầu tư hoàn thiện phần nội thất, đồ thờ.

Trong thời kỳ tiền khởi nghĩa, đình chùa Hồ Lao được nghĩa quân cách mạng dùng làm căn cứ luyện tập quân sự và chiều ngày 8/6/1945, một sự kiện trọng đại của lực lượng vũ trang Quảng Ninh đã diễn ra ở đây, cuộc mít tinh tuyên bố thành lập Đệ tứ chiến khu (chiến khu Trần Hưng Đạo) và lập Ủy ban quân sự cách mạng do các đồng chí Nguyễn Bình, Trần Cung, Hải Thanh phụ trách.

Địa điểm đình chùa Hồ Lao nơi thành lập đệ tứ chiến khu Đông Triều được Bộ Văn hoá - Thông tin ra Quyết định xếp hạng là di tích lịch sử cấp Quốc gia theo Quyết định số 38/2001/QĐ-BVHTT, ngày 12/7/2001 để bổ sung vào Quyết định số 2379/QĐ-BT, ngày 05/9/1994 công nhận địa điểm trung tâm chiến khu Đông Triều.

2.2.5. Cụm di tích Yên Đức

Yên Đức là một xã cổ thuộc Đông Triều với bề dày lịch sử và văn hoá đặc sắc. Xã có những quả núi rất đẹp nổi bật giữa xóm làng đầm ấm, đồng ruộng xanh tốt và ngay bên dòng sông Kinh Thầy uốn lượn.

Lịch sử, văn hoá, đời sống và cảnh quan núi non hoà quyện trong 5 di tích chủ yếu: Đó là núi Canh, núi Thung, chùa Cảnh Huống, núi con Mèo và núi con Chuột.

***Núi Canh**

Núi Canh bao gồm hai ngọn núi tạo thành, một núi bên phía làng Yên khánh và một núi bên phía làng Đồn sơn, nối liền nhau tạo thành hình cái cày.

Theo truyền thuyết, thì từ thời Trần, khi vua Trần Nhân Tông đi thị sát địa hình đánh giặc, đã chọn ngọn núi này để chỉ huy tâm xa trong chiến trận Bạch Đằng (1288). Ông đã cho xây dựng ở đây một số trạm canh gác nên núi Canh còn có một ý nghĩa nữa là: canh gác.

Trong suốt chiều dài lịch sử dân tộc, đặc biệt là thời kỳ cận đại, núi Canh luôn là điểm tựa giúp dân ta đánh giặc. Khởi nghĩa Đốc tít cũng lấy Yên Đức làm căn cứ kháng chiến và núi canh làm cơ sở chính. Tháng 3 năm 1883, thực dân Pháp tiến đánh và chiếm đóng khu mỏ. Từ đây người dân và công nhân khu rơi vào cuộc sống lầm than. Họ luôn khao khát có một cuộc sống tự do, hạnh phúc. Từ khi Đảng ra đời, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ở đây dựa vào địa hình độc đáo của mình để chống Pháp. Vào thời kỳ khởi nghĩa, các tổ chức Việt Minh của hai thôn Yên Khánh, Đồn Sơn lần lượt ra đời và hoạt động có hiệu quả, góp phần cùng cả dân tộc làm nên thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Cách mạng tháng Tám chưa thành công được bao lâu thì thực dân Pháp lại trở lại cướp nước ta một lần nữa. Cùng với cả nước, Nhân dân Yên Đức lại quyết tâm đứng lên đánh đuổi bè lũ tay cướp nước. Tháng 12 năm 1946, chi bộ xã Yên Đức được thành lập để lãnh đạo nhân dân trong xã đánh giặc. Núi Canh đã trở thành một căn cứ quan trọng trong vùng. Nhân dân tiến hành đào hào, đắp lũy, trồng tre rào làng chiến đấu, chủ động vận chuyển nước, lương thực vào các hang động ở núi Canh để có thể chiến đấu lâu dài với địch trong trường hợp bị bao vây. Các ngõ ngách trong hang động được khơi thông với nhau: hang Suối Tắm, hang tiếp tế phía tây, hang Gốc Gạo phía tây, hang Cửa Đình ăn sâu dưới lòng đất 30m, hang dự trữ lương thực phía tây nam, hang 73 phía tây bắc... Tất cả được tạo thành một chiến lũy vững chắc để chống trả quân xâm lược.

Vào ngày 23 tháng 11 năm 1950, giặc Pháp huy động hàng ngàn lính thủy và lính bộ tấn công vào Yên đức với âm mưu: biến nơi đây thành vùng trắng. Vì lực lượng của địch quá mạnh, quân ta chỉ chặn đánh kiềm chế lực lượng của chúng rồi rút về núi canh cố thủ. Ngày mùng 2 tháng 12 năm 1950, thực dân Pháp tập trung lực lượng từ nhiều nơi dồn về đây

hòng bắt sống toàn bộ đội du kích. Trước sự tấn công bao vây của kẻ thù, du kích và đồng bào Yên Đức đã chia làm nhiều tổ, nấp dưới các vách đá lùm cây, bình tĩnh đánh trả quân xâm lược. Đồng chí Phạm Văn Thuật vượt ra khỏi hang giết chết tên đội người Pháp, cướp súng tiểu liên của giặc ở phía đông hang Tám. Đồng chí Phạm Văn Bính bị giặc bắt sống ở cửa hang Đình và bị chúng tra tấn cực kỳ dã man nhưng đồng chí không khai nửa lời, kẻ thù đê hèn đã bắn đồng chí rơi từ mỏm đá cửa hang xuống cách mặt đất gần 30m. Trong những ngày bị bao vây, quân ta vẫn chống trả quyết liệt. Sang ngày thứ 6, khi phát hiện được đường lên núi, giặc Pháp bắt phu và các làng lân cận chặt tre, gỗ rào vây núi Canh, áp sát các cửa hang: Suối Tám, Góc Gạo, Cửa Đình...và kêu gọi đầu hàng, nhưng du kích trong hang đã trả lời chúng một cách đanh thép “ Chết một đồng còn hơn sống một người”. Không khuất phục được tinh thần chiến đấu của ta, thực dân Pháp đã dã man dùng rơm, gỗ bịt cửa hang, đổ xăng đốt và dùng lựu đạn cay ném vào hang. Bằng vũ khí còn lại trong hang và gạch đá tìm được, anh em vừa bắn, vừa ném, chống trả quyết liệt cho tới hơi thở cuối cùng. Trước lúc hi sinh họ đã hô vang khẩu hiệu: “Đả đảo thực dân Pháp xâm lược”. Bảy mươi ba người con ưu tú của quê hương Yên Đức đã hi sinh anh dũng tại đây. Người dân Yên Đức đã lập một ngôi đền nhỏ ở đây, thể hiện ân tình, lòng biết ơn đối sâu sắc với các chiến sĩ.

*Núi Thung

Núi Thung là quả núi đá vôi được bàn tay tạo hoá đẽo gọt thành một hòn non bộ khổng lồ, khiến người ta gọi nhớ những hòn đảo đá đẹp nhất trên vịnh Hạ Long.

Ở đây có đền thờ tám vị thủy tổ đã đến đây khai canh lập ấp đó là các vị: Phạm Phúc Sơn, Nguyễn Phúc Nho, Phạm Phúc Hoà, Trịnh Quang vũ, Đoàn Phúc Ngô, Nguyễn Phúc Huynh, Ngô Đình Hợi và Phạm Phúc Năng. Tám vị Tiên công đã có công lập làng này cũng chính là những con người đã truyền lại cho con cháu những câu chuyện văn hoá dân gian lý thú về tên làng, tên núi, tên sông, những truyền thống tốt đẹp về cuộc đấu tranh dựng nước và giữ nước vĩ đại của dân tộc.

Hàng năm vào ngày 13 đến 16 tháng 1 (âm lịch), lễ hội được tổ chức ở đây nhằm tưởng nhớ các vị thủy tổ đã có công khai dân lập ấp. Đồ lễ là những con lợn trong (tức lợn được cạo sạch, bỏ lòng) đặt sắp trên mâm và có kết hoa thật đẹp, rồi xôi, oản, hoa quả...Đàn rước ăn mặc chỉnh tề. Tất cả đều từ nhà thờ từng họ rước lên đền chung để làm lễ tế các vị tiên công.

Liên kề núi Thung là chùa Cảnh Huống, được xây dựng lớn từ thời Trần. Chùa cổ lâu đời đã bị chiến tranh phá hủy, trên nền chùa cũ nhân dân đã dựng lên một ngôi chùa mới. Di vật cổ của chùa còn lại là tấm bia được khắc trên vách đá niên hiệu Chính Hoà năm thứ 17(1696). Tấm bia ghi rõ “ Có một ti Kheo tên tự là Như Nguyệt, người xã Lam Khê, huyện Thanh Hà, xuất gia đi tu ở chùa Long Động, núi Yên Tử đến thăm chùa Cảnh Huống. Thấy chùa đồ nát, đã đứng ra kêu gọi các quan viên trong xã, phật tử thập phương, công đức sửa sang, xây dựng lại chùa: thượng điện, thiên hương, tiền hậu đường, hàng lang, bậc đá cửa, lợp ngói, tô các pho tượng. Ngày lành tháng 2 năm Nhâm Tuất (1694), công việc hoàn tất một cách mỹ mãn. Chùa có qui mô hơn hẳn trước kia. Thực là nơi kỳ lạ của rừng thiên, như vườn lãng uyển trên cung tiên”. Quả thực, cảnh đẹp của chùa và núi là hai yếu tố đã tạo nên một danh sơn độc đáo ở đây, đúng như văn bia ở vách núi Thung: “Tam thiên thế giới thực danh lam phúc địa, bia bài số ngữ, đồ hình khai tự đào nguyên vân dáng kỳ phong”(cảnh nơi đây tự như mây ở đào nguyên buông xuống, tạo thành ngọn núi lạ. Trong thiên hạ chưa từng có cảnh non nước nào vui như thế...). Dưới chân núi còn có chùa một mái. Chùa được lập trong lòng hang đá, một bên là vách núi thẳng và một bên là tấm đá to bằng phẳng, tạo thành mái nhà. Trong chùa có một số tượng phật, một cuốn thư sơn son thếp vàng và có 4 chữ hán nổi lên: “Thị ứng xương kỳ” và một khánh đá vỡ.

Ở Chân núi phía Tây có một bàn cờ tiên trên một tấm đá lớn, bằng phẳng phía trên có phiến đá nhô ra tạo thành mái che. Tục truyền, xưa có hai vị Tiên Ông thường xuống đây chơi cờ, sau này trở thành chỗ chơi cờ của các cụ trong làng.

Phía dưới chân núi có lầu bình thơ được xây dựng thế kỷ XIX. Lầu được xây dựng trên một tảng đá lớn, có kiến trúc theo kiểu vòm cuốn 4 cửa thông. Trong lầu có hai bài thơ viết bằng mực Tàu, trên cuốn thư trên vách lầu. Gần đó có giếng nước ngọt được đào vào năm hán hán và một bài thơ khắc vào vách núi kể về sự kiện đào giếng. Bài thơ có niên hiệu Khải Định tam niên tam nguyệt (1918).

* Núi con Mèo

Núi con Mèo nằm giữa ngã ba sông Kinh Thầy, sông Đá Vách, sông Đá Bạch. Có dáng một con mèo đang ngồi rình chuột. Núi nằm ở cuối xã, về phía Nam và đã được liệt vào một trong những danh sơn của vùng Đông-Bắc và là cái mốc chuẩn để tính ra các địa danh quan trọng có liên quan đến địa giới, chiến lược quân sự, kinh tế ... của vùng biên cương Đông-Bắc của tổ quốc. Bởi vậy, ngay từ thế kỷ XIII, ngọn núi này đã được các nhà quân sự lỗi lạc của triều Trần chọn làm nơi chỉ huy tầm xa trong trận Bạch Đằng. Và chính nơi sơn kỳ thủy tú này cũng là nơi tạo thi hứng cho con người mỗi khi tới thăm. Trong vòm hang phía Tây - Nam núi có nhiều bài thơ chữ Nôm, chữ Hán, chữ Quốc ngữ... Đặc biệt là bài thơ ngự đề của Nhân Tông Hoàng đế, niên hiệu Trưng Hưng bát niên xuân.

Bài thơ ghi:

*“Đứng thóc trên sông một đôi đào
Văn hình coi thể dáng con mèo
Đá xương đất thịt da xanh ngắt
Cỏ vện hoa văn da mốc meo
Cáo thỏ kinh hơi rùng vắng ngắt
Kình nghê tắm bọt nước trong veo*

*Chống ghe vũ trụ chân nèo vũng
Át hẳn nghìn năm kín chẳng nghèo”.*

Trùng Hưng bát niên xuân (mùa xuân 1292)

Bài thơ toát lên khí phách của một người đại diện cho dân tộc, đứng trên cao với tầm nhìn bao quát, cảnh giác mọi kẻ thù, ca ngợi cảnh đẹp, bảo vệ an bình thịnh vượng và sự trường tồn của non sông đất nước. Cảnh đó có bài bài họa của Chánh tổng Phạm Văn Khang; chí sỹ Trần Văn Đại khắc niên hiệu Bảo Đại thập nhị niên (1937). Như vậy, núi con Mèo không những là nơi có vị trí quan trọng, có cảnh đẹp hữu tình, mà còn là nơi lưu giữ các tác phẩm văn học của ông cha ta.

* Núi Đống thóc

Núi Đống Thóc là một quả núi có hình như cái nón úp, cũng rất giống một đồng thóc. Phía xa trên bãi nổi ở ngã ba sông lại có một quả núi nhỏ giông như một con chuột đang rình. Đống Thóc, con Chuột, con Mèo - trở thành đề tài truyện dân gian bất tận ở vùng này.

Người dân nông dân một nắng hai sương làm việc trên đồng ruộng , luôn mong ước có một vụ mùa bội thu, có thật nhiều thóc. Và ngọn núi Đống Thóc đối với cư dân nơi đây như một biểu tượng về sự no đủ.

Phải rất khó khăn, vất vả mới thu được thành quả vì vậy ngọn núi hình con chuột nó như một sự nhắc nhở nhân dân cần phải biết quý trọng, bảo vệ thành quả của mình.

Ngoài cảnh quan và di tích nói trên, ở chân dãy núi phía cuối xã còn hai tấm bia đá rất cổ, tương truyền đây là nơi hai vua Trần lưu trú khi chỉ huy quân đội mai phục đánh “khoá đuôi” đoàn thuyền giặc trong trận đại thắng Bạch Đằng năm 1288. Dân làng vẫn gọi đây là khu vườn thượng uyển. Ở khu bãi sông gần đó, dân làng vẫn đào được những cọc gỗ giống cọc Bạch Đằng.

Cụm di tích xã Yên Đức đã được Bộ Văn hoá – thông tin xếp hạng di tích lịch sử và thắng cảnh quốc gia Quyết định số 2015 QĐ/VH ngày 16/12/1993).

2.3. Thực trạng bảo tồn, khai thác các di tích lịch sử văn hoá ở Đông Triều phục vụ cho phát triển du lịch

2.3.1. Cơ chế chính sách

Tuy là một huyện có số lượng các di tích lịch sử văn hoá lớn nhất trong tỉnh, song những năm qua huyện Đông Triều vẫn chưa có các chính sách cho việc bảo tồn, tôn tạo, khai thác các giá trị của các di tích phục vụ cho việc phát triển du lịch.

Trong những năm gần đây (từ năm 2001-2010), được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, UBND tỉnh Quảng Ninh, đặc biệt nhờ nghị quyết 08 của ban thường vụ tỉnh về việc “Đổi mới và phát triển du lịch Quảng Ninh giai đoạn 2001-2010” (ban hành ngày 30/10/2001) và nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Đông Triều lần thứ XXI xác định “cơ cấu kinh tế của huyện là Công nghiệp - Nông nghiệp - Thương mại và Du lịch” mà vấn đề khai thác các thế mạnh của vùng cho việc phát triển du lịch đã bắt đầu được tiến hành.

Trong quá trình thực hiện các nghị quyết cơ cấu kinh tế huyện đã có sự chuyển dịch từ giảm dần tỉ trọng các ngành Nông - Lâm - Ngư nghiệp và tăng dần tỉ trọng các ngành Công nghiệp-Xây dựng, Thương mại và dịch vụ trong đó có sự chuyển biến nhanh trong phát triển dịch vụ du lịch; Ủy ban nhân dân huyện đã có Quy Hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Đông Triều giai đoạn 2001-2010 trong đó có phát triển ngành du lịch.

Tuy kết quả đạt được chưa cao nhưng đây có thể coi là những bước khởi đầu cho sự phát triển ngành du lịch của huyện.

2.3.2. Tổ chức quản lý

Công tác tổ chức quản lý ngành du lịch ở huyện Đông Triều vẫn còn nhiều bất cập:

- Chưa có phòng du lịch, các hoạt động du lịch diễn ra trên địa bàn huyện mang tính lẻ tẻ, tự phát chưa có sự liên kết, thống nhất với nhau.

- Đến nay số lao động cụ thể trong ngành du lịch vẫn chưa được xác định, do chưa có cơ quan tổ chức nào đứng ra thống kê. Chính vì vậy vấn đề quản lý nguồn lao động trong ngành gặp nhiều khó khăn.

Đội ngũ lao động đặc biệt là lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật phục vụ cho ngành du lịch huyện rất ít, tập trung chủ yếu trong lĩnh vực nhà hàng khách sạn còn đối với lĩnh vực lữ hành là rất ít, hầu như là không có.

- Tại một số điểm di tích lịch sử văn hóa, các cơ quan quản lý khu di tích không quản lý chặt chẽ, nghiêm ngặt dẫn đến:

+ Vào những dịp đầu xuân, những ngày lễ hội luôn diễn ra tình trạng tắc đường do các hàng quán đua nhau lấn chiếm lòng đường gây khó khăn cho việc đi lại.

+ Vì chạy theo lợi nhuận mà nhiều hàng quán không quan tâm đến chất lượng dịch vụ, đặc biệt là vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm.

+ Các hoạt động mê tín dị đoan, cơ bạc, trộm cắp vẫn còn tồn tại làm cho du khách rất bất bình và làm giảm tính linh thiêng ở những nơi này.

+ Rác thải vất bừa bãi vẫn không đúng nơi quy định, ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường tại khu di tích.

2.3.3. Cơ sở vật chất phục vụ du lịch

Trong những năm qua, huyện Đông Triều cũng đã chú trọng đầu tư cơ sở vật chất, phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ cho hoạt động du lịch trên địa bàn.

- Giao thông vận tải:

+ Đường quốc lộ 18A chạy dọc qua huyện đã giúp cho giao lưu kinh tế xã hội của huyện với các vùng khác trong tỉnh được thông suốt.

+ Hệ thống đường liên thôn, liên xã ngày càng hoàn thiện và được nâng cấp mở rộng tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại, sản xuất của nhân dân.

+ Nhiều tuyến đường giao dẫn vào các khu di tích lịch sử đã được đầu tư, nâng cấp như : Tuyến đường Cầu Cầm vào di tích chùa Mỹ Cự; tuyến đường từ đền An Sinh vào các lăng miếu vua Trần; tuyến đường Tân Việt vào chùa Quỳnh Lâm đều đã được bê tông hoá.

+ Hiện nay toàn huyện có 2 bến xe ô tô và một ga tàu hỏa : bến xe Đông Triều và bến xe Mạo Khê, ga Mạo Khê.

- Thông tin liên lạc:

+ Toàn huyện Đông Triều có tất cả 21 bưu điện trong đó 19 điểm bưu điện văn hóa xã, 2 bưu điện ở 2 thị trấn.

+ Hệ thống điện thoại, internet đã bắt đầu phát triển đến các cụm dân cư

- Hệ thống điện, nước:

+ Lưới điện đã được đầu tư đến tất cả các xã và thị trấn, đảm bảo nhu cầu điện sinh hoạt cho dân cư.

+ Huyện đã xây dựng hệ thống cung cấp sạch cho thị trấn Đông Triều, thị trấn Mạo Khê. Tại các xã, các hộ đều có giếng khoan, bể nước mưa.

- Y tế:

+ Cơ sở y tế huyện Đông Triều được đầu tư khá hoàn chỉnh, đã đáp ứng được nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân.

+ Huyện có 2 bệnh viện lớn: bệnh viện Mỏ Mạo Khê và bệnh viện Đông Triều, tại các xã trong huyện đều có trạm y tế riêng.

- Cơ sở lưu trú, ăn uống, dịch vụ du lịch

+ Theo kết quả điều tra của UBND huyện Đông Triều, hiện nay trên địa bàn huyện có khoảng hơn 300 cơ sở kinh doanh nhà hàng, khách sạn đang hoạt động trên địa bàn huyện (năm 2008 có 24 cơ sở kinh doanh lưu trú; năm 2009 có 57 cơ sở kinh doanh lưu trú), tập trung chủ yếu tại 2 thị trấn Mạo Khê, thị trấn Đông Triều, xã Yên Thọ...

+ Nhiều điểm dừng chân trên dọc tuyến đường 18A từ Hà Nội đến Hạ Long đã thu hút được khách du lịch quốc tế cũng như trong nước như: Công ty gốm sứ Thành Đồng (Bình Dương); điểm dừng chân sứ Đông Thành (Đức Chính); điểm trưng bày sản phẩm dịch vụ du lịch của tập đoàn Hoàng Hà, Du thuyền Bảo Ngọc, công ty TNHH Phúc Gia, Xí nghiệp sứ Đông Triều, công ty gốm sứ Thành Hữu (Cụm công nghiệp Kim Sơn); Khu vui chơi giải trí Long Hải, công ty TNHH Quang Vinh, công ty CP Quang và Mỹ nghệ xuất khẩu (thị trấn Mạo Khê); Công ty cổ phần Thái Sơn 88(Yên Thọ)...

+ Ngoài ra, việc đầu tư vào khu du lịch sinh thái như hồ Khe Chè cũng đã đáp ứng được phần nào nhu cầu nghỉ ngơi thư giãn của du khách.

Bên cạnh những kết quả đạt được. Cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động du lịch của huyện vẫn còn nhiều khó khăn, yếu kém như:

- Quy mô hoạt động tại các cơ sở lưu trú, nhà hàng, khách sạn, các loại hình dịch vụ phục vụ cho du lịch nhỏ bé.

- Chất lượng phục vụ tại các cơ sở kinh doanh ăn uống, cơ sở lưu trú chưa cao.

- Thiếu các hoạt động dịch vụ du lịch như: phòng lễ tân đón tiếp khách tại các di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh, thiếu các cửa hàng bán đồ lưu niệm phục vụ khách tại các khu di tích, trung tâm vui chơi giải trí phục vụ khách du lịch.

- Mạng lưới thông tin liên lạc, cung cấp điện nước vẫn chưa thật sự hoàn thiện mới chỉ đáp ứng được nhu cầu của cư dân trong huyện, để khai thác phục vụ cho phát triển du lịch thì còn nhiều hạn chế.

- Các phương tiện giao thông trên địa bàn vẫn chưa thực sự chú ý đến khai thác vận chuyển khách du lịch...

2.3.4. Số lượng khách

Mặc dù các đối tượng tham quan của huyện Đông Triều là rất hấp dẫn song hầu hết vẫn chưa được khai thác phục vụ cho hoạt động du lịch nên lượng khách đến với các điểm thăm quan là chưa nhiều và chỉ tập trung vào một số điểm chính như : Chùa Quỳnh Lâm, Chùa Hồ Thiên, Chùa Mỹ Cự, Đền Lãng mộ các vua Trần...

Lượng khách tham quan tại các điểm di tích lịch sử văn hóa trên địa bàn huyện chủ yếu là vào các tháng của quý 1 và tháng đầu của quý 2 (trùng với các tháng đầu năm theo âm lịch) được gọi chung là mùa lễ hội còn vào các tháng còn lại thì lượng khách đến các điểm di tích lịch sử là rất ít. Điều này thể hiện rõ nét tính thời vụ trong du lịch của các điểm di tích lịch sử văn hóa ở huyện Đông Triều.

Du khách đến với các điểm di tích của huyện chủ yếu với mục đích cúng bái, lễ Phật, văn cảnh chùa, ít có mục đích tìm hiểu các giá trị văn hóa, lịch sử, nghệ thuật kiến trúc tại đây.

Về thành phần khách: Khách đến du lịch tại huyện Đông Triều chủ yếu là khách nội địa. Họ đến từ các tỉnh và thành phố lân cận như: thành phố Hải Phòng, thành phố Hà Nội, Hải Dương, Hưng Yên... và các huyện thị trong tỉnh Quảng Ninh. Khách quốc tế chiếm số lượng nhỏ chủ yếu là khách Châu Âu, Nhật, Trung Quốc...

Theo kết quả điều tra thực tế của UBND huyện Đông Triều, từ năm 2004 đến 2009 lượng khách du lịch đến Đông Triều vào khoảng 1,3 triệu lượt người, trong đó khách du lịch quốc tế đi qua và dừng chân khoảng 400 ngàn lượt người; khách du lịch, khách thập phương đến với các lễ hội, các điểm di tích trên địa bàn trung bình hàng năm khoảng 200 ngàn lượt người (năm 2004 khách du lịch, đến với lễ hội là 175 ngàn lượt người; năm 2008 khoảng 190 ngàn lượt người; năm 2009 khách du lịch đến với lễ hội khoảng 200 ngàn lượt người).

2.3.5. Hiện trạng bảo tồn các di tích lịch sử văn hoá

Theo thống kê của UBND huyện Đông Triều, đến hết năm 2008, 46 điểm di tích đã được xây mới hoặc tu sửa với tổng vốn đầu tư 49,3 tỷ đồng, trong đó vốn xã hội hoá là 18,6 tỷ đồng. Tuy nhiên, hiện nay nhiều di tích khác của Đông Triều đang rơi vào tình trạng xuống cấp, trong đó có những di tích quan trọng.

Di tích cấp tỉnh chùa Nhuệ Hồ (xã Kim Sơn) là nơi duy nhất trong hệ thống các chùa Quảng Ninh còn lưu giữ được bộ tượng Phật bằng chất liệu đất nung nguyên vẹn và độc đáo. Bộ tượng được làm từ đời Lê, bao gồm 15 pho, được chạm khắc tỉ mỉ với đủ các tư thế, hình dáng, nét mặt, thể hiện những nội tâm khác nhau. Song hiện nay pho tượng Phật Adidà, cao 145cm, vai rộng 60cm, được coi là có kích thước lớn nhất trong các pho tượng Adidà ở Quảng Ninh, đã bị hỏng phần đầu và vai phải. Các pho tượng khác như Tứ Thiên Vương, Quan Âm Bồ Tát, Tuyết Sơn, Thích Ca sơ sinh, tượng Hộ Pháp, tượng Tam Thế v.v... đều đã bị rạn nứt, nhiều phần bị ngấm nước, phồng rộp khiến đất rơi rụng ra ngoài. Nhà chùa và UBND huyện đã có nhiều văn bản đề nghị tôn tạo lại số tượng này, mới đây Sở VH-TT & DL cũng đã đồng ý hỗ trợ một phần kinh phí. Tuy nhiên, không hiểu vì lý do gì mà công việc này vẫn chưa được thực hiện.

Đình Xuân Quang (xã Yên Thọ) được giới chuyên môn đánh giá cao về kiến trúc điêu khắc cổ, có giá trị thẩm mỹ độc đáo. Các vì kèo được kết cấu theo kiểu “giá nghiêng chông rường con nhện”. Được chạm khắc hình cánh sen, hình đầu

rồng, hồ phù, đại bàng có vân mây... rất khéo léo. Các bức cốn, đầu bẩy, đầu dư đều được trạm nổi hoặc chạm kênh bong rỗng, mây với những nét công phu ở các vì kèo, đầu đao... Dù trải qua hàng trăm năm nhưng tất cả các rường, mộng vẫn được xếp kít vào nhau và chạm trổ ăn khớp, làm nên một bức tranh rồng vờn mây, rồng nhả ngọc, hình con nghê đang chạy, hình hoa cúc có mây cuốn bông bành đẹp mắt và hài hoà. Trên xà nách cũng chạm những đường vân mây to mềm mại trúc hoá rồng và chim tước vườn hoa...

Tuy nhiên Đình đang đứng trước nguy cơ bị đổ sập trong nay mai bởi hệ thống vì kèo, rui mè, cột nhà, xà nhà v.v... bị thấm nước, mối mọt, một số gãy mục, không đủ sức nâng đỡ mái đình, khiến mái đình bị võng hẳn xuống do hệ thống cột gỗ và thanh giằng quá yếu. Phần ngói ở 5 gian tiền đường và 3 gian hậu cung bị vỡ gãy, dột nát nhiều chỗ; trời mưa nước chảy thành dòng xuống dưới nền nhà. Nhiều mảng điêu khắc gỗ bị mối mọt xâm hại không còn giữ được nguyên khối chạm khắc mềm mại...

Tại xã An Sinh, hệ thống di sản Yên Tử, chùa Hồ Thiên và am Ngoạ Vân trong lịch sử từng là quần thể kiến trúc Phật giáo lớn, bao gồm 4 khu lớn với 12 điểm di tích trải rộng trên một khu vực núi non hùng vĩ, có địa thế đẹp. Hồ Thiên, Ngoạ Vân đã kết nối dài hệ thống chùa tháp của thiền phái Trúc Lâm trên suốt chiều dài của dãy Yên Tử. Giáo sư Phan Khanh từng nhận định Trần Nhân Tông đã hoàn chỉnh chu trình khép kín: Yên Tử nơi tu hành, Ngoạ Vân nơi viên tịch, Hồ Thiên nơi cõi Phật. Vậy mà đến nay chùa Hồ Thiên, am Ngoạ Vân chỉ còn là phế tích hoang vắng không bóng người lui tới. Các di vật quý đều bị trộm cắp, đập vỡ hoặc đang vùi lấp sâu dưới lòng đất. 12 cây thông quý ở khu vực Thông Đàn nay chỉ còn lại 3 cây và cũng đang đứng trước nguy cơ bị đốn hạ trộm.

Toà chánh điện chùa Bắc Mã, nhà trung bày hiện vật Đệ tứ chiến khu Đông Triều thuộc di tích chùa Bắc Mã (xã Bình Dương) là những hạng mục mới được xây dựng. Thế nhưng hai công trình này đã bị hỏng hóc nhiều phần. Hệ thống ngói

của Nhà trưng bày dột nát, hoành mục, trời mưa nước đọng nhiều ở ngoài hiên. Ngoài ra quy mô Nhà trưng bày khá chật hẹp, không đủ chỗ trưng bày hết hiện vật. Hiện nay nhiều hiện vật có giá trị đang phải xếp đống trong kho han rỉ và mối mọt... Toà chánh điện mới được xây dựng năm 2005 nhân kỷ niệm 60 năm ngày ra đời Đệ tứ Chiến khu Đông Triều. Tuy nhiên, chất lượng công trình này không đảm bảo, phần mái chùa bao gồm ngói, thanh giằng bị hư hỏng, các cột bê tông ở thanh giằng bị gãy khiến ngói xô xuống, trời mưa nước chảy xuống nơi tụng kinh và ban thờ...

Ngoài các di tích kể trên một số đình, đền, chùa, miếu làng ở Đông Triều cũng đang có nguy cơ bị biến mất bởi sự xuống cấp và hoang tàn. Thiết nghĩ tình trạng này cần được cơ quan chức năng khẩn trương khắc phục giữ lại những giá trị đặc sắc của cha ông để lại.

Tiểu kết

Di tích lịch sử, văn hoá là chiếc cầu nối giữa quá khứ, hiện tại và tương lai, là di sản văn hoá quý giá, là động lực tinh thần của mỗi dân tộc, mỗi quốc gia. Trong kho tàng di sản văn hóa di tích được xem là mảng tiêu biểu của giá trị văn hoá vật thể truyền thống, là bằng chứng sống về sự hi sinh, công hiến và sáng tạo ở nhiều lĩnh vực của nhiều thế tiền thân để lại cho hậu thế. Bên cạnh các giá trị về mặt tâm linh đối với đời sống cộng đồng, các di tích lịch sử văn hoá còn có vai trò rất lớn đối với sự phát triển hoạt động du lịch của một địa phương.

Đông Triều một địa phương có số lượng các di tích lịch sử văn hóa dày đặc với hơn 130 di tích, trong đó có tới 22 di tích được xếp hạng cấp quốc gia, cấp tỉnh. Hệ thống di tích lịch sử văn hoá trên địa bàn huyện không những nhiều về mặt số lượng mà còn phong phú về loại hình, đa dạng trong cách thể hiện. Những đình, chùa, đền, miếu... luôn đan xen nhau trong khắp các làng xã với đủ các loại hình di tích khảo cổ học, di tích lịch sử bao gồm cả di tích cách mạng và di tích kiến trúc nghệ thuật, không chỉ có thể khối di tích phi vật thể của Đông Triều cũng khó có thể kể hết được. Đó là những thần phủ, sắc phong, hoàng phi câu đối... thể hiện những giai đoạn lịch sử khá toàn vẹn và sinh động của vùng đất này.

Mặc dù tiềm năng to lớn như vậy, tuy nhiên việc khai thác các di tích phục vụ cho hoạt động du lịch văn hoá của huyện chưa được quan tâm thích đáng: hệ thống cơ sở vật chất, hạ tầng phục vụ du lịch yếu kém, tổ chức quản lý tại di tích còn nhiều hạn chế đặc biệt là công tác bảo tồn di tích còn nhiều bất cập... Chính vì vậy hiệu quả đạt được không cao. Trong thời gian tới huyện Đông Triều cần có những biện pháp tích cực hơn nữa để khắc phục khó khăn, phát huy tiềm năng vốn có của mình.

Chương III: MỘT SỐ GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ

3.1. Giải pháp

3.1.1. Bảo tồn, tôn tạo các di tích

Du lịch văn hóa liên quan chặt chẽ với các tài nguyên du lịch nhân văn, trong đó có các di tích lịch sử văn hóa. Vì vậy, nếu sự phát triển của du lịch không dựa trên những nguyên tắc bền vững thì sẽ gây tổn hại rất lớn đến nguồn tài nguyên, dẫn tới sự suy giảm nguồn lực kéo theo sự suy giảm của phát triển du lịch. Do đó, việc khai thác sử dụng các tài nguyên du lịch nhân văn nói chung và các di tích lịch sử văn hóa nói riêng cần đi đôi với công tác bảo tồn, tôn tạo.

* Định hướng trong bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa.

Khi thực tu bổ, chống xuống cấp các công trình di tích phải lập dự án trên cơ sở nghiên cứu, khảo sát, đánh giá toàn diện các di tích gốc.

Tôn trọng và gìn giữ bằng mọi biện pháp các thành tố nguyên gốc của di tích, hạn chế tối đa mọi sự thay thế, nhất là thay thế bằng các chất liệu và vật liệu mới. Giải pháp ưu tiên là bảo quản, gia cố và tu bổ di tích.

Việc khôi phục các di tích đã bị mất phải dựa trên cơ sở các tài liệu khoa học xác thực và chỉ thực hiện trong những trường hợp thật cần thiết. Việc sử dụng chất liệu bền vững để thay thế chất liệu hư hỏng trong khôi phục di tích phải được nghiên cứu kỹ lưỡng, phải đảm bảo tính xác thực đối với di tích và cần được phân biệt rõ với chất liệu gốc.

Trong tu bổ, chống xuống cấp các di tích ưu tiên vận dụng các quy trình và các kỹ thuật thi công truyền thống; sử dụng các chất liệu và vật liệu truyền thống phù hợp với di tích. Các chất liệu, vật liệu và kết cấu mới chủ yếu được sử dụng trong bảo quản gia cố.

Việc tu bổ, chống xuống cấp các di tích phải tuân thủ quy trình sau: nghiên cứu tư liệu và khảo sát hiện trạng - xây dựng dự án và thiết kế mỹ thuật - dự toán - thẩm định - phê duyệt - thi công dưới sự giám sát của nhà chuyên môn và duy trì nhật ký công trình - nghiệm thu - hoàn chỉnh hồ sơ tu bổ.

Tôn tạo di tích là nhằm tạo điều kiện làm nổi bật các giá trị của di tích và tạo ra môi trường cảnh quan hài hòa với di tích đó.

Quy hoạch các tuyến đường tham quan, đi lại trong khu di tích phải phù hợp với tích chất lịch sử của di tích. Sử dụng những hình thức chiếu sáng truyền thống phù hợp với di tích và chỉ tạo lập hệ thống chiếu sáng hiện đại khi thực sự cần thiết không làm ảnh hưởng đến giá trị thẩm mỹ của di tích.

Các công trình phụ trợ được phép xây dựng nhưng phải nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích bao gồm nhà trưng bày xung di tích, nhà tiếp khách, nhà ban quản lý, trạm điện, hệ thống phòng chống cháy, hệ thống thu gom rác thải. Vị trí các công trình này không được ảnh hưởng tới cảnh quan khu di tích. Hạn chế xây dựng nhà trưng bày bổ xung ở di tích. Trong trường hợp cần phải có thì nội dung trưng bày chỉ giới hạn trong phạm vi những sự kiện và tài liệu trực tiếp liên quan tới di tích.

Các công trình phục vụ như bãi đỗ xe, bến thuyền, quán ăn uống, giải khát, công trình vệ sinh, cửa hàng lưu niệm... bố trí tách biệt khỏi các khu vực bảo vệ của di tích, không được gây ô nhiễm, phù hợp với cảnh quan chung của khu di tích.

Các tượng đài có thể được xây dựng ở các di tích lịch sử cánh mạng để ghi dấu sự kiện chiến thắng bằng hình thức kiến trúc - điêu khắc hoành tráng kết hợp hình khối kiến trúc - phù điêu - tượng tròn - vườn hoa... Vị trí tượng đài phải ở khu di tích có diện tích lớn, đặt ở khu vực thích hợp và không làm ảnh hưởng đến di tích gốc.

Việc trung tu, bảo tồn các di tích lịch sử văn hóa của huyện Đông Triều cũng cần phải thực hiện theo các định hướng trên.

* Để bảo tồn tôn tạo các di tích lịch sử cần triển khai một cách có hiệu quả các hoạt động như:

Tăng cường công tác quản lý tại các di tích để bảo vệ và kiểm tra thường xuyên tình trạng hoạt động du lịch trong khu vực di tích. Thành lập, xây dựng và củng cố các ban quản lý ở các di tích cho phù hợp với thực trạng phát triển du lịch tại khu di tích đó.

Thiết lập một cơ chế chính sách phù hợp, hoàn chỉnh hệ thống văn bản pháp quy phục vụ cho công tác bảo tồn. Việc bảo vệ các di tích phải gắn liền với lợi ích của cư dân địa phương. Nghiêm cấm mọi hành vi phá hoại đến cảnh quan, môi trường xung quanh khu di tích, đặc biệt là phá hoại trực tiếp đến di tích.

Tăng cường giáo dục cho mọi tầng lớp trong nhân dân, đặc biệt là nhân dân trong khu vực có di tích lịch sử văn hóa nhận thức đúng giá trị, ý nghĩa quan trọng về giữ gìn giá trị truyền thống dân tộc, các giá trị cả về vật chất và tinh thần của di tích để từ đó nâng cao lòng yêu nước, nâng cao tinh thần tự giác bảo vệ các giá trị của di tích.

Đề nghị xếp hạng cấp quốc gia, cấp tỉnh những hạng mục có giá trị để tận dụng nguồn ngân sách nhà nước trong hoạt động khôi phục bảo tồn các di tích lịch sử, văn hóa của địa phương.

3.1.2. Xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch

Di tích lịch sử văn hóa có vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển của ngành du lịch huyện Đông Triều. Để có thể khai thác các di tích lịch sử văn hóa một cách có hiệu quả, vấn đề đặt ra hàng đầu là nhanh chóng hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật, hạ tầng phục vụ cho hoạt động du lịch của huyện.

*Giao thông vận tải

Hiện nay mạng lưới giao thông trên địa bàn huyện đã hình thành tương đối hợp lý, tuy nhiên trong những năm tới để có thể khai thác tốt hơn hệ thống giao thông phục vụ phát triển du lịch thì huyện Đông Triều cần:

- Nâng cấp mở rộng một số tuyến đường tỉnh lộ, huyện lộ, đường liên xã và đặc biệt là các tuyến đường dẫn vào các khu di tích như: Tuyến đường từ thị trấn Đông Triều vào đền An Sinh và khu lăng miếu các vua Trần (dài 18,5km); Tuyến đường gắn kết Du lịch văn hóa tâm linh từ khu di tích Yên Tử (thuộc thị xã Uông Bí) đi Tràng Lương (huyện Đông Triều); Tuyến đường từ xã Tràng Lương đi di tích Hồ Thiên (xã Bình Khê); Tuyến đường từ di tích chùa Bắc Mã đi di tích đình, chùa Hồ Lao...

- Công ty cổ phần đầu tư, thương mại và dịch vụ - TKV nhanh chóng triển khai và hoàn thiện dự án đầu tư, xây dựng hệ thống cáp treo tại cụm di tích chùa Ngọa Vân - Hồ Thiên.

- Bến xe Mạo Khê, bến xe Đông Triều là những đầu mối trung chuyển khách quan trọng cần được mở rộng để giải quyết vấn đề về bến đỗ cho các phương tiện vận chuyển.

- Bên cạnh việc phát triển giao thông đường bộ thì huyện Đông Triều cũng nên quan tâm hơn nữa tới việc phát triển giao thông đường thủy như:

- + Thường xuyên nạo vét đường sông, các luồng lạch đảm bảo thuyền đi lại được dễ dàng.

- + Hiện nay ở huyện các bến bãi, cầu cảng của huyện Đông Triều chủ yếu phục vụ cho việc vận chuyển hàng hóa, phục vụ cho nhu cầu đi lại của nhân dân chứ chưa để phục vụ khách du lịch. Huyện Đông Triều cần xây dựng thêm các bến tàu thuyền, các cảng mới chuyên phục vụ khách du lịch.

- Huyện nên khai thác tuyến đường sắt Hà Nội - Hưng Yên - Hải Dương - Quảng Ninh để vận chuyển khách du lịch.

- Song song với việc cải tiến chất lượng hạ tầng, huyện Đông Triều cũng nên quan tâm hơn tới việc tăng cường về số lượng cũng như chất lượng các phương tiện vận chuyển.

+ Hệ thống ô tô, xe máy phục vụ khách du lịch của huyện quá ít, chất lượng không đảm bảo, huyện nên nâng cấp, bảo dưỡng đồng thời bổ xung thêm để phục vụ tối ưu nhu cầu của khách.

+ Hiện tại huyện Đông Triều chưa có tàu, thuyền chuyên chở khách du lịch. Đây là một hạn chế đối với ngành du lịch. Do vậy nhiệm vụ trước mắt là nhanh chóng đầu tư đóng mới các phương tiện giao thông thủy và đầu tư các thiết bị hiện đại, đầy đủ tiện nghi đáp ứng nhu cầu của khách du lịch.

* Hệ thống điện nước

Hệ thống cung cấp điện nước của huyện đã đáp ứng được nhu cầu dân sinh, tuy nhiên để phục vụ phát triển du lịch thì còn nhiều hạn chế. Huyện cần phải xây dựng quy hoạch tổng thể mạng lưới cung cấp điện trong huyện theo quy hoạch chung.

Đối với mạng lưới điện: cần xây dựng hệ thống lưới điện hạ thế để từ đó có kế hoạch đầu tư, nâng cấp cải tạo xây dựng mới đường dây hạ thế và các trạm biến áp.

Đối với hệ thống cung cấp nước: cần xây dựng các nhà máy nước vừa và nhỏ ở các điểm du lịch. Đồng thời xây dựng các trạm xử lý nước sạch, cải tạo nâng cấp hệ thống thoát nước.

* Thông tin liên lạc

Để đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu thông tin liên lạc của khách du lịch, hệ thống bưu chính viễn thông Huyện Đông Triều cần cố gắng hơn nữa trong hoạt động xây dựng cơ sở vật chất và đầu tư trang thiết bị hiện đại.

Mở rộng các tuyến cáp quang, đưa vào sử dụng các mạng điện thoại di động, máy nhắn tin trong toàn huyện, sử dụng phone card và mạng internet.

Xây dựng các kiốt điện thoại, điểm bán sim thẻ điện thoại, các điểm truy cập internet...

* Y tế

Đề phục vụ cho phát triển du lịch huyện Đông Triều cần đầu tư nâng cấp và hiện đại hóa bệnh viện trung tâm, các trạm y tế trong toàn huyện.

Thiết lập trung tâm y tế hiện đại nhằm cung cấp dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh chất lượng cao cho du khách quốc tế.

* Cơ sở lưu trú

Các cơ sở lưu trú hiện nay trên địa bàn huyện Đông Triều còn đơn điệu về loại hình chủ yếu là nhà nghỉ và khách sạn, tập trung chủ yếu ở khu vực thị trấn Đông Triều và thị trấn Mạo Khê. Còn ở các điểm du lịch hầu như là không có. Do vậy, huyện cần xây dựng các loại hình lưu trú như : biệt thự du lịch, làng du lịch, nhà vườn, phòng trọ, lều trại...nhằm đáp ứng đa dạng nhu cầu của du khách.

Để tạo phong cách riêng, khi xây dựng các cơ sở lưu trú nên kết hợp yếu tố truyền thống và hiện đại. Sử dụng các vật liệu truyền thống như : tre, lúa, lá...đồng thời phải đảm bảo sự đồng bộ với nội thất bên trong.

Bên cạnh việc xây dựng đa dạng loại hình du lịch, các cơ sở lưu trú của huyện cũng cần mở rộng quy mô hoạt động, các loại hình dịch vụ phục vụ du khách.

* Cơ sở ăn uống

Số lượng các nhà hàng trên địa bàn huyện tính đến nay là tương đối ít, quy mô nhỏ bé không đủ khả năng phục vụ trong những ngày đông khách. Chính vì vậy, huyện nên chú trọng tới việc đầu tư xây dựng, mở rộng quy mô của các nhà hàng để phục vụ khách một cách tốt nhất.

Ngày nay nhu cầu ăn uống của du khách đã được nâng lên một bước trở thành nghệ thuật ẩm thực. Việc thưởng thức các món ăn, đồ uống đặc sản cũng là một động lực thúc đẩy người dân đi du lịch nhiều hơn. Các cơ sở ăn uống cần phát huy thế mạnh về những món ăn ngon, hấp dẫn và đặc trưng được chế biến từ nguyên liệu của huyện như: ếch nấu chuối xanh, cá bống kho tộ, thịt gà nướng, thịt dê nướng, rạm om tương...đồng thời các cơ sở ăn uống cũng nên chú ý đến văn hóa phục vụ.

* Cơ sở vui chơi giải trí

Nhu cầu vui chơi giải trí của khách du lịch là rất lớn và đa dạng. Trong khi đó các loại hình vui chơi giải trí của huyện du lịch Đông Triều lại hết sức đơn điệu điều nay ảnh hưởng rất lớn tới sự phát triển của ngành du lịch huyện. Do đó huyện Đông Triều cần:

Xây dựng các cơ sở vui chơi giải trí với đa dạng các loại hình như xây dựng công viên nước, xây dựng sân golf , tennis, cầu lông, các công viên giải trí gồm các loại thiết bị trò chơi điện tử... Khi xây dựng các khu vui chơi giải trí cần đảm bảo yếu tố an toàn, bền vững về kỹ thuật, đẹp về mỹ thuật tạo sự hấp dẫn du khách.

Huyện cần tổ chức các hoạt động thể thao truyền thống như: leo núi, bơi lội, đua thuyền... để thu hút khách tham gia, tăng thời gian lưu trú của khách.

Các hình thức diễn xướng dân gian như: chèo, ca trù, hát đúm... đều rất lôi cuốn du khách, huyện cũng nên khai thác để phục vụ nhu cầu của khách du lịch. Tuy nhiên cần tránh thương mại hóa làm mất đi vẻ đẹp của các giá trị truyền thống.

*Các cơ sở cung cấp các dịch vụ bổ sung

Nhu cầu mua sắm của khách du lịch là rất lớn, huyện cần xây dựng thêm các cửa hàng thương nghiệp đáp ứng nhu cầu của khách: cửa hàng bán rau quả, thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng chuyên dùng cho du lịch, đặc biệt các cửa hàng bán đồ lưu niệm tại các điểm du lịch, đầu mối giao thông, cơ sở lưu trú: đồ thủ công mỹ nghệ, gốm sứ, mây tre đan... Đối với mặt hàng lưu niệm cần chú ý tới kỹ thuật gia công, tới tính độc đáo của sản phẩm. Khôi phục và bảo tồn các phiên chợ truyền thống như: phiên chợ Lâm, phiên chợ Yên Đức... tổ chức các tour du lịch đến các hội chợ truyền thống này để khách có thể tìm hiểu các nét văn hóa truyền thống đặc sắc của huyện.

3.1.3. Huy động vốn đầu tư

Vốn là vấn đề có tính quyết định trong việc nghiên cứu quy hoạch và khai thác nguồn tài nguyên để phục vụ cho phát triển du lịch. Trong những năm qua nguồn vốn đầu tư cho phát triển du lịch huyện Đông Triều rất hạn chế, chủ yếu là từ nguồn ngân sách nhà nước. Trong những năm tới để thu hút nguồn vốn tư lớn huyện Đông Triều cần:

Có cơ chế, chính sách hợp lý, thông thoáng nhằm thu hút các nhà doanh nghiệp vào đầu tư, cần hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật để tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho các nhà đầu tư hoạt động. Để khuyến khích đầu tư vào du lịch huyện cũng cần có những chính sách ưu đãi như miễn giảm thuế, hỗ trợ các nhà thầu trong việc nắm quyền sử dụng đất, đa dạng hóa các hình thức đầu tư (tập thể, đơn vị, cá nhân). Đồng thời cũng cần đầu tư cho du lịch từ tận dụng nguồn ngân sách nhà nước, tỉnh và một số bộ ngành có liên quan trong lĩnh vực đầu tư phát triển du lịch.

Huyện cần xác định đúng mục tiêu về đầu tư phát triển du lịch để tạo ra những chuyển biến tích cực trong công tác đầu tư. Huyện cần có những chính sách ưu đãi, hướng đầu tư vào những điểm còn hạn chế của du lịch huyện và hỗ trợ các hướng phát triển ưu tiên như trong việc xây các khu, tuyến điểm du lịch, trong việc tôn tạo cảnh quan môi trường, di tích lịch sử văn hóa, lễ hội, các làng nghề truyền thống và công tác quảng bá xúc tiến du lịch. Tập trung đầu tư vào các điểm du lịch chính như: Cụm di tích Yên Đức, đền An Sinh và lăng mộ vua Trần, chùa Quỳnh, chùa Bắc Mã...đồng thời nâng cấp, bảo tồn các di tích lịch sử văn hóa khác trong địa bàn huyện. Để thực hiện được các mục tiêu đề ra thì trước hết huyện cần đánh giá thực trạng công tác đầu tư du lịch, các dự án đã và đang triển khai.

Trong giai đoạn hội nhập hiện nay, huyện Đông Triều nên đa dạng hóa, đa phương hóa hợp tác phát triển du lịch các huyện, thị trong tỉnh và đặc biệt là liên kết hợp tác phát triển du lịch với các tỉnh lân cận, các tổ chức doanh nghiệp các nhân nước ngoài nhằm tranh thủ nguồn lực bên ngoài, tăng cường nguồn khách, tận dụng vốn đầu tư và học hỏi các kinh nghiệm bổ ích trong lĩnh vực kinh doanh du lịch.

3.1.4. Tổ chức quản lý và đào tạo nguồn nhân lực

*** Tổ chức quản lý**

Hoạt động quản lý du lịch của huyện Đông Triều còn nhiều yếu kém, thiếu tính chuyên nghiệp chưa kiểm soát được hết các hoạt động du lịch trên địa bàn huyện. Trong thời gian tới huyện cần thành lập phòng du lịch huyện, đóng vai trò là cơ quan điều hành, quản lý mọi hoạt động du lịch của huyện. Các cơ quan quản lý tại các điểm di tích cũng cần có những biện pháp tích cực hơn nữa trong công tác bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử, xóa bỏ các hiện tượng tiêu cực tại đây như việc thương mại hóa các hình thức dịch vụ, mê tin dị đoan, cờ bạc, trộm cắp...

*** Đào tạo nguồn nhân lực**

Công tác đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho phát triển du lịch là vấn đề mang tính chiến lược của huyện Đông Triều.

Trước mắt huyện nên tập trung bồi dưỡng, nâng cao trình độ nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ công nhân viên làm trong các lĩnh vực quản lý, trong các khu du lịch...

Hiện nay, huyện vẫn chưa có hướng dẫn viên du lịch tại các điểm di tích, đây là một hạn chế rất đối với việc phát triển loại hình du lịch văn hóa của huyện. Bởi chính các hướng dẫn viên là thổi hồn cho di tích, làm cho di tích trở lên sống động hơn, lôi cuốn khách du lịch hơn. Do vậy, huyện cần nhanh chóng đào tạo đội ngũ hướng dẫn viên có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức tốt phục vụ tại các khu di tích lịch sử.

Đội ngũ lao động trong lĩnh vực nhà hàng, khách sạn tương đối ít, đa phần không qua đào tạo nên nghiệp vụ còn thấp, do vậy rất khó khăn trong quá trình phục vụ khách nhất là khách quốc tế. Huyện Đông Triều nên đào tạo lại đội ngũ lao động trong lĩnh vực này đồng thời bổ xung thêm để đáp ứng nhu cầu của ngành du lịch huyện trong giai đoạn mới.

Để có được một đội ngũ lao động có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, huyện cũng cần chú ý đến hoạt động của công tác đào tạo sao cho có hiệu quả nhất, tốt ít kinh phí nhất như: đào tạo lại cán bộ công nhân viên ngành du lịch dưới hình thức tại chỗ, gửi đến các trường dạy nghề, các khóa học dưới dạng tại chức ngắn hạn, dài hạn hoặc thường xuyên tổ chức các hội thảo về du lịch, các cuộc thi chuyên môn tay nghề trao đổi kinh nghiệm, chuyên môn nghiệp vụ giữa cá nhân viên. Đồng thời cần đưa các chương trình đào tạo du lịch vào trường dạy nghề của huyện. Trong kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực du lịch cần nêu rõ những yêu cầu giáo dục đạo về chuyên môn nghiệp vụ như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng phục vụ, trình độ ngoại ngữ, thái độ văn minh lịch sự, thân thiện cởi mở, nhiệt tình trong công việc, yêu nghề biết trân trọng những giá trị truyền thống của dân tộc, bảo vệ môi trường.

Trong những năm tới huyện nên có những cuộc điều tra đánh giá, phân loại trình độ nghiệp vụ của toàn bộ cán bộ công nhân viên trong ngành du lịch. Dựa trên kết quả điều tra tiến hành xây dựng kế hoạch đào tạo cụ thể các cấp, trình độ khác nhau cho phù hợp. Huyện cũng cần có chế độ khen thưởng thích hợp đối với những cá nhân xuất sắc, nhiệt tình, chăm chỉ để họ có động lực để phấn đấu.

Thu hút những người có trình độ kinh nghiệm trong ngành du lịch về công tác tại Đông Triều cũng là một mục tiêu mà huyện Đông Triều nên hướng tới. Đối với loại hình du lịch khai thác các sản phẩm văn hóa, tôn giáo là loại hình mang tính nhạy cảm, thì cần phải có đội ngũ nhân viên có sự am hiểu sâu sắc về kiến thức chuyên ngành, say mê công việc, không ngại khó khăn.

3.1.5. Khuyến khích sự tham gia của cộng đồng địa phương

Mục tiêu của du lịch văn hóa là vì sự phát triển của cộng đồng, đem lại lợi ích cho cộng đồng và du lịch văn hóa chỉ có thể thực hiện được khi có sự tham gia của cộng đồng. Huyện Đông Triều cần nắm vững vấn đề đó và có những biện pháp tích cực hơn nữa để thu hút cộng đồng địa phương tham gia.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, trong nhân dân để họ có nhận thức đúng đắn về vị trí, vai trò của các di tích lịch sử văn hóa từ đó cùng với nhà nước giữ gìn, bảo tồn, tôn tạo các di tích.

Vận động giáo dục cho nhân dân giữ gìn bản sắc văn hóa, truyền thống quê hương, xây dựng nếp sống văn minh lành mạnh, xóa bỏ các hủ tục lạc hậu các tệ nạn xã hội như: trộm cắp, bói toán, mê tín dị đoan, cờ bạc...

Huyện nên có những chính sách để khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống như nghề gốm, đan mây tre. Hướng nghiệp cho người dân địa phương tham gia các hoạt động du lịch như bán đồ lưu niệm, chụp ảnh, kinh doanh nhà hàng, khách sạn,... góp phần nâng cao thu nhập cải thiện đời sống cho nhân dân, phát triển kinh tế xã hội.

Thường xuyên mở các lớp tập huấn kỹ năng giao tiếp, ứng xử và nâng cao nhận thức cho người dân trong bảo vệ môi trường, cảnh quan tại các điểm du lịch.

3.1.6. Quảng bá xúc tiến du lịch

Hoạt động tuyên truyền quảng bá giữ một vai trò quan trọng trong kinh doanh du lịch. Tuy nhiên hoạt động này ở huyện Đông Triều chưa được đề cao và đem lại hiệu quả cao cho du lịch. Do vậy, huyện cần phải chú trọng hơn trong việc đổi mới, đa dạng hóa các hình thức quảng bá.

Ngành du lịch huyện Đông Triều nên phối hợp các ngành, các doanh nghiệp kinh doanh du lịch tham gia các cuộc hội thảo, hội chợ, hội thi và những sự kiện du lịch tại các địa phương là các trung tâm du lịch của cả nước và khu vực nhằm giới

thiệu, quảng bá du lịch Đông Triều với đông đảo du khách trong và ngoài nước, đồng thời tổ chức các sự kiện văn hóa, thể thao trong huyện hàng năm, các hội thảo, hội chợ trên địa bàn huyện để thu hút khách đến với Đông Triều ngày càng nhiều.

Tiến hành biên soạn và phát hành những ấn phẩm có chất lượng và thông tin chính xác về du lịch để giới thiệu với khách du lịch về con người và cảnh quan, tài nguyên du lịch, những thông tin về điểm lưu trú thăm quan du lịch, các nhà hàng, khách sạn, các điểm vui chơi giải trí, giá cả, các địa chỉ cung cấp thông tin về du lịch... bằng các sách hướng dẫn du lịch, tập gấp, tờ rơi, bản đồ du lịch huyện, đĩa CD bằng nhiều thứ tiếng đến các cơ quan công sở, trường học, các khu dân cư, các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh và các tỉnh, thành lân cận. Ngoài ra treo băng rôn, cờ phướn các loại, lắp đặt các biển quảng cáo tầm lớn trên các trục đường giao thông.

Lập trang website du lịch Đông Triều kết nối theo đường dẫn của Tổng cục Du lịch, hình thành hệ thống thông tin dữ liệu từ thông tin huyện đến cơ sở giới thiệu chi tiết về các đơn vị hành chính, về tài nguyên du lịch, danh mục thống kê các danh lam thắng cảnh, lễ hội, các cơ sở lưu trú, lễ hành và các dịch vụ khác; danh mục kêu gọi các dự án đầu tư; tổ chức một số cuộc điều tra về nhu cầu của khách; cập nhật các văn bản pháp luật và chính sách liên quan đến du lịch...

Để tăng cường tuyên truyền, quảng bá cho du lịch đòi hỏi phải có sự hỗ trợ của nhà nước và địa phương về cơ chế chính sách cũng như ngân sách để thành lập các văn phòng xúc tiến, phát triển du lịch. Sau đó đưa các chương trình tour, các chương trình du lịch tới các đại lý lữ hành, các kênh phân phối để họ tự chào bán, giới thiệu. Đây là hình thức quảng cáo rất hiệu quả đỡ tốn kém thu hút được nguồn khách lớn mà lại giảm được chi phí xúc tiến.

Ngoài ra huyện cũng cần lập thêm tổ tư vấn thông tin về hướng để cung cấp thông tin chính xác về các điểm du lịch, giúp khách lựa chọn các dịch vụ du lịch phù hợp với khả năng của mình đồng thời trả lời những thắc mắc của du khách về hoạt động du lịch trên địa bàn huyện.

Huyện nên đưa các bài viết, các phóng sự về du lịch huyện lên trang báo, tạp trí của tỉnh mình. Bên cạnh đó thường xuyên tổ chức các cuộc thi về tìm hiểu và phát triển du lịch huyện Đông Triều trên các báo nhằm thu hút đông đảo mọi người tham gia, giúp họ hiểu hơn về các nguồn tài nguyên du lịch và có những đóng góp tích cực đối với sự phát triển của ngành du lịch huyện.

3.1.7. Cải thiện môi trường du lịch

Một trong những khó khăn mà ngành du lịch huyện Đông Triều gặp phải đó chính là khó khăn về vấn đề bảo vệ môi trường. Hiện nay, tại các điểm du lịch, khu di tích lịch sử trên địa bàn huyện vẫn còn tồn tại nhiều hiện tượng tiêu cực gây ảnh hưởng lớn tới cảnh quan môi trường. Trong tương lai để phát triển bền vững ngành du lịch, huyện Đông Triều cần thực hiện tích cực các biện pháp sau:

Tại các điểm di tích lịch sử cần tích cực tuyên truyền cho du khách, làm cho họ nhận thức được vai trò và trách nhiệm giữ gìn môi trường trong lành bằng các biện pháp cung cấp các tờ rơi, các tập gấp, đặt thùng rác ở những nơi khách nghỉ chân hoặc thông qua sự nhắc nhở của hướng dẫn viên, nhân viên tại điểm du lịch.

Chính quyền địa phương cần có chính sách quản lý chặt chẽ những dự án đang được triển khai, yêu cầu ban quản lý dự án phải có cam kết đánh giá tác động đến môi trường và có những biện pháp bảo vệ môi trường.

Thường xuyên tiến hành điều tra nghiên cứu về tài nguyên môi trường và đánh giá những tác động từ việc thực hiện dự án cũng như các hoạt động du lịch tới tài nguyên môi trường để phát hiện và xử lý kịp thời các sự cố về môi trường.

Áp dụng chặn chẽ luật môi trường, thu phí môi trường, sử dụng công cụ tài chính như thưởng phạt để tái đầu tư cho bảo vệ môi trường.

Nghiêm cấm việc khai thác các núi đá vôi bừa bãi ở Cụm di tích Yên Đức, chùa Hồ Lao, chùa Ngọa Vân ...gây ảnh hưởng lớn đến cảnh quan môi trường, tạo ra bụi và tiếng ồn, làm mất đi giá trị của các điểm di tích lịch sử văn hóa.

Huyện Đông Triều nên nhanh chóng xây dựng tuyến đường riêng, dành riêng cho các xe chuyên chở than từ các mỏ Tràng Bạch, Mạo Khê ra cảng xuất than. Các tuyến đường này phải cách xa các điểm di tích lịch sử văn hóa, các khu du lịch để tránh gây ra bụi bẩn, tiếng ồn.

Khuyến khích sự tham gia của cộng đồng địa phương cũng là một biện pháp hữu hiệu trong việc bảo vệ cảnh quan môi trường du lịch. Huyện nên giáo dục cho người dân nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, có những chính sách như cấp vốn, hướng dẫn nhân dân trồng rừng, phủ xanh đất trống đồi trọc tại các khu di tích lịch sử văn hóa đảm bảo sự đa dạng sinh học của các loài động thực vật, giữ gìn nét tự nhiên, hoang sơ cổ kính ở nơi đây.

3.2. Kiến nghị

3.2.1. Đối với Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch Quảng Ninh

Du lịch văn hóa ở huyện Đông Triều muốn phát triển được thì cần hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật, hạ tầng. Sở VH TT- DL Quảng Ninh cần cấp vốn cho huyện Đông Triều để nhanh chóng hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật, hạ tầng phục vụ cho phát triển du lịch.

Sở VH TT-DL Quảng Ninh nên phối kết hợp với các công ty lữ hành uy tín và sở văn hóa thông tin để triển khai các tuyến điểm du lịch văn hóa trên địa bàn huyện xây dựng hình thành các chương trình du lịch cụ thể như tuyến du lịch:

Thị trấn Đông Triều - đền An Biên - chùa Bắc Mã - Đền Thái - lăng mộ các vua Trần - chùa Ngọa Vân - Hồ Thiên - chùa Quỳnh Lâm - thị trấn Đông Triều.

Thị trấn Đông Triều - đình chùa Mễ Sơn - chùa Nhuệ Hồ - chùa Non Đông - đình Xuân Quang - khu di tích lịch sử cách mạng Yên Đức - thị trấn Đông Triều.

Có kế hoạch hỗ trợ, tuyên truyền quảng bá cho những sản phẩm du lịch văn hóa của huyện Đông Triều thông qua các phương tiện thông tin đại chúng. song song với đó là việc đào tạo đội ngũ cán bộ nghiệp vụ cũng như đội ngũ hướng dẫn viên du lịch có trình độ chuyên môn, ngoại ngữ và kiến thức văn hóa xã hội đáp ứng các nhu cầu quản lý du lịch trên địa bàn huyện, nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ trong du lịch.

Sở VH-TT-DL tỉnh Quảng Ninh cần phối kết hợp với huyện Đông Triều, các nhà văn hóa nghệ thuật bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa đã bị hư hại, xuống cấp. Các di tích lịch sử văn hóa là đối tượng du lịch. Du lịch nên được hướng tới mà các lợi ích mà du lịch đem lại. Những di tích lịch sử văn hóa đã được xếp hạng nên được khôi phục, bảo vệ, giữ gìn nghiêm ngặt, tránh tình trạng khôi phục nhưng lại làm mất đi các giá trị lịch sử của di tích đó, đồng thời giải quyết triệt để tình trạng lấn chiếm, xâm phạm di tích.

Phối hợp với Bộ Văn Hóa Thể thao và Du lịch, Viện Khảo Cổ học, Hội Phật giáo Việt Nam... đề xuất lên Chính phủ cho lập hồ sơ khoa học để trình UNESCO công nhận các Di tích Phật giáo thời Trần ở Đông Triều và Uông Bí, Quảng Ninh là di sản văn hóa thế giới và công nhận Đức vua Trần Nhân Tông là Danh nhân Văn hóa thế giới.

Sở VH-TT-DL cũng cần có kế hoạch đầu tư khôi phục lại các làng nghề truyền thống (ghè gốm sứ, nghề đan mây tre) xây dựng các hợp tác xã thủ công nghiệp sản xuất ra các sản phẩm thủ công làm hàng lưu niệm tại những điểm du lịch. Bên cạnh đó có các chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện để cho người dân tham gia các hoạt động kinh doanh du lịch như: kinh doanh nhà hàng, khách sạn, mở các cửa hàng bán quà lưu niệm, khu vui chơi giải trí...

3.2.2. Đối với UBND huyện Đông Triều

Tạo cơ chế chính sách thông thoáng, hấp dẫn nhằm khuyến khích thu hút vốn đầu tư cho phát triển du lịch. Bên cạnh đó cũng cần sớm hoàn thiện hệ thống văn bản sao cho phù hợp với tình hình chung thu hút ngày càng nhiều nguồn đầu tư.

Nhanh chóng thành lập phòng du lịch huyện, đóng vai trò là cơ quan điều hành hành, quản lý mọi hoạt động du lịch của huyện Đông Triều.

Lập hồ sơ đề nghị Bộ Văn hóa Thể thao Du Lịch công nhận “nghệ nhân” của các làng nghề: nghề gốm, nghề đan lát mây tre nhằm tôn vinh những người thợ tài năng, góp phần giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

Tuyên truyền, giáo dục Luật Di Sản Văn Hóa, giới thiệu các giá trị quý hiếm của các di tích lịch sử văn hóa cho nhân dân tại chỗ, đồng thời kiên quyết ngăn chặn, nghiêm cấm vi phạm, phá hoại đào bới hiện vật tại đây.

Làm tốt công tác quản lý tại các điểm di tích lịch sử văn hóa, tuyên truyền cho du khách giữ gìn cảnh quan môi trường, ngăn chặn các tệ nạn xã hội như cơ bạc, trộm cắp, mê tín dị đoan. Kiểm soát chặt chẽ các hoạt động diễn ra tại đây nhất là vào mùa lễ hội.

Tiểu kết

Dựa trên các tiềm năng về tài nguyên du lịch nhân văn trong thời gian tới huyện Đông Triều cần tập trung phát triển loại hình du lịch văn hóa. Để loại hình du lịch này có điều kiện phát triển một cách tốt nhất, mang lại hiệu quả kinh tế cao thì trước tiên huyện Đông Triều cần có những chính sách ưu đãi, thu hút các nhà đầu tư, đầu tư vào những điểm còn hạn chế của du lịch huyện như trong việc xây cơ sở vật chất kỹ thuật hạ tầng, trong việc tôn tạo cảnh quan môi trường, di tích lịch sử văn hóa, lễ hội, các làng nghề truyền thống và công tác quảng bá xúc tiến du lịch. Bên cạnh đó huyện cũng cần khuyến khích sự tham gia của cộng đồng địa phương, cùng với nhân dân địa phương đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của huyện.

KẾT LUẬN

Đông Triều là một địa phương có bề dày lịch sử nơi đây còn lưu giữ lại một quần thể di tích độc đáo mang đậm nét dân gian. Quần thể di tích này chứa đựng những giá trị lịch sử sâu sắc phản ánh những bước thăng trầm của vùng đất với bề dày lịch sử hàng nghìn năm, đồng thời cũng phản ánh được truyền thống đấu tranh chống giặc ngoại xâm bảo vệ quê hương của vùng đất Đông Triều. Bên cạnh đó những di tích này còn chứa đựng những giá trị cộng đồng thể hiện sự đoàn kết gắn bó của cư dân nơi đây, để chống chọi mọi khó khăn thách thức.

Hiện nay, các di tích lịch sử văn hóa của huyện Đông Triều đang bước đầu được khôi phục và đưa vào khai thác phục vụ cho phát triển du lịch. Tuy nhiên, hiệu quả của việc khai thác còn thấp và chưa thật đúng hướng. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng này. Thực tế của việc khai thác cho thấy, ngoài yếu tố hấp dẫn chính của các điểm di tích, thì một yếu tố không kém phần quan trọng để thu hút du khách là cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng phục vụ tại các điểm di tích. Là một huyện giàu tiềm năng phát triển loại hình du lịch văn hóa nhưng cơ sở vật chất phục vụ cho phát triển du lịch thì vẫn còn ở tình

trạng yếu kém, thiếu đồng bộ. Bên cạnh đó công tác tuyên truyền, quảng cáo, tiếp thị cho sản phẩm du lịch văn hóa chưa được chú trọng nên chưa thu hút được nhiều khách du lịch tới các di tích lịch sử văn hóa.

Trong những năm tới, để có thể khai thác một cách hiệu quả nhất các di tích lịch sử văn hóa phục vụ cho phát triển du lịch thì huyện Đông Triều phải đầu tư tích cực hơn nữa để hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật hạ tầng, đẩy mạnh công tác tuyên truyền quảng bá và đặc biệt là công tác tu bổ, tôn tạo các di tích. Đông Triều đang trên đà phát triển nên còn có nhiều khó khăn thiếu thốn, do vậy để thực hiện được những nhiệm vụ trên thì bên cạnh việc tranh thủ nguồn ngân sách của nhà nước huyện cần có những chính sách ưu đãi hơn nữa để thu hút các nhà đầu tư. Hi vọng trong tương lai không xa cùng với sự phát triển của du lịch cả nước, du lịch Đông Triều sẽ ngày càng phát triển, đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn góp phần nâng cao đời sống của nhân dân.

Là một sinh viên khoa Văn hóa Du lịch, nhận thấy vai trò quan trọng và tiềm năng to lớn của các di tích lịch sử văn hóa ở huyện Đông Triều đối với sự phát triển loại hình du lịch văn hóa của huyện em đã quyết định chọn đề tài: “Tìm hiểu các di tích lịch sử văn hoá ở huyện Đông Triều – Quảng Ninh phục vụ cho phát triển du lịch” với mong muốn góp phần hiểu biết ít ỏi của mình cho sự phát triển du lịch tỉnh nhà. Tuy nhiên do bước đầu tiên trên con đường nghiên cứu khoa học, trình độ hạn chế và thời gian không dài, đề tài chắc chắn không tránh khỏi những thiếu sót em mong nhận được những đóng góp chỉ bảo của các độc giả quan tâm đến đề tài này.

Xin chân thành cảm ơn!

|

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Minh Tuê và nhóm tác giả, *Địa lý du lịch*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1999.
2. PGS-TS Trần Đức Thanh, *Nhập môn khoa học du lịch*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2000.
3. Trần Ngọc Thêm, *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, NXB Giáo Dục, 2006.
4. Bùi Hải Yên, *Tài nguyên du lịch*, NXB Giáo Dục, 2009.
5. *Luật du lịch Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc Gia, 2006.
6. Tỉnh uỷ, UBND tỉnh Quảng Ninh, *Du địa chỉ Quảng Ninh tập 1*, NXB Thế giới mới, 2002.
7. Tỉnh uỷ, UBND tỉnh Quảng Ninh, *Du địa chỉ Quảng Ninh tập 3*, NXB Thế giới mới, 2003.
8. Nhóm tác giả, *Danh thắng Quảng Ninh tập 1*, Ban quản lý và di tích thắng cảnh Quảng Ninh, 2002.
9. Ban Quản Lý di tích trọng điểm Quảng Ninh, UBND huyện Đông Triều và Viện Khảo Cổ học, *Hội thảo khoa học “Đông Triều với lịch sử nhà Trần”*, 2008.
10. Ban chấp hành Đảng bộ huyện Đông Triều, *Lịch sử huyện Đông Triều*, 1995.
11. Ủy ban nhân dân huyện Đông Triều, *Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch phát triển du lịch huyện Đông Triều giai đoạn 2001-2010*.
12. Trang web: www.PhatViet.com.vn
13. Trang web: www.QuangNinh.gov.vn

DANH MỤC DI TÍCH HUYỆN ĐẲNG TRIỀU ĐÃ XẾP HẠNG CẤP QUỐC GIA

(Kóm theo QĐ số: 2459/QĐ-UBND, ngày 14/8/ 2009, của UBND tỉ nh Quảng Ninh)

<u>STT</u>	<u>Tờn di tóch</u>	<u>Đi a chỉ DT</u>	<u>Loại DT</u>	<u>Số, ngày, thờng, năm QĐ</u>	<u>Cơ quan QĐ</u>
<u>1</u>	<u>Đờn, Lăng mu các vua Trờn</u>	<u>Xó An Sinh</u>	<u>Lịch sử - Văn hoá</u>	<u>Sú 313 VH/Q, ngày 28/04/1962</u>	<u>Bu Văn hoá - Thung tin và Thờ thao</u>
<u>2</u>	<u>Chùa Quỳnh Lỗm</u>	<u>Xã Trạng An</u>	<u>Lịch sử - Nghờ thuật</u>	<u>Sú 2009/Q, ngày 15/11/1991</u>	<u>Bu Văn hoá, Thung tin, Thờ thao và DL</u>
<u>3</u>	<u>Cum di tích lịch sử và thắng cảnh Yờn Đức</u>	<u>Xã Yờn Đức</u>	<u>Lịch sử - thắng cảnh</u>	<u>Sú 2015 -VH/Q, ngày 16/12/1993</u>	<u>Bu VHTT</u>
<u>4</u>	<u>Đi a đờm lịch sử Trung tởm chiờn khu Đung Triều (chưa Bắc Mó)</u>	<u>Xã Bình Dương</u>	<u>Lịch sử</u>	<u>Sú 2379 Q/BT, ngày 05/09/1994</u>	<u>Bu VHTT</u>
<u>5</u>	<u>Chùa Mỹ Cu</u>	<u>Xã Hưng Đao</u>	<u>Nghờ thuật</u>	<u>Sú 13/2000- Q-BVHTT, ngày 28/07/2000</u>	<u>Bu VHTT</u>
<u>6</u>	<u>Đi a đờm đờnh chùa Hủ Lao nơi thành lỏp đờ tứ chiờn khu Đung Triều.</u>	<u>Xã Tởn Viờt</u>	<u>Lịch sử</u>	<u>Sú 38/2001/Q-BVHTT, ngày 12/7/2001</u>	<u>Bu VHTT (Bủ sung QĐ số 2379/Q-BT, ngày 05/9/1994).</u>
<u>7</u>	<u>Chùa Hủ Thiờn</u>	<u>Xã Bình Khờ</u>	<u>Lịch sử</u>	<u>Sú 56/2006/Q-BVHTT, ngày 29/05/2006</u>	<u>Bu VHTT</u>
<u>8</u>	<u>Chùa Ngoa Vỡn</u>	<u>Xã Bình Khờ</u>	<u>Lịch sử</u>	<u>Sú 55/2006/Q-BVHTT, ngày 29/05/2006</u>	<u>Bu VHTT</u>

TỔNG SÔ 08 DI TÍCH

DANH MỤC DI TÍCH HUYỆN ĐĂNG TRIỀU ĐÃ XẾP HẠNG CẤP TỈNH

(Kôm theo QĐ số: 2459/QĐ-UBND, ngày 14/8/ 2009, của UBND tỉnh Quảng Ninh)

<u>STT</u>	<u>Tên di tích</u>	<u>Địa chỉ DT</u>	<u>Loại DT</u>	<u>Số, ngày, tháng, năm QĐ</u>
<u>1</u>	<u>Đình Xuôn Quang</u>	<u>Xã Yờn Tho</u>	<u>Văn hoá - Nghệ thuật</u>	<u>Sú 413/Q-UB, ngày 27/02/1999</u>
<u>2</u>	<u>Chùa Nhuờ Hủ</u>	<u>Xã Kim Sơn</u>	<u>Di tích Nghệ thuật</u>	<u>Sú 300/Q-UB, ngày 09/02/2001</u>
<u>3</u>	<u>Khu di tích mỏ than Mao Khờ</u>	<u>Thị trấn Mao Khờ</u>	<u>Lịch sử - Cách mạng</u>	<u>Sú 4122/Q-UB, ngày 14/11/2002</u>
<u>4</u>	<u>Đền Nhà Bà, Hủ Củ Lỡ</u>	<u>Xã Hoàng Quờ</u>	<u>Văn hoá - Danh thắng</u>	<u>Sú 3706/Q-UB, ngày 16/10/2003</u>
<u>5</u>	<u>Đình Trao Hà - Đền Di ái</u>	<u>Xã Đức Chính</u>	<u>Lịch sử</u>	<u>Sú 3706/Q-UB, ngày 16/10/2003</u>
<u>6</u>	<u>Cum di tích lịch sử, văn hoá xã Yờn Tho</u>	<u>Xã Yờn Tho</u>	<u>Lịch sử-Văn hoá</u>	<u>Sú 3706/Q-UB, ngày 16/10/2003</u>
<u>7</u>	<u>Miờu Hủ</u>	<u>Xã Thủy An</u>	<u>Lịch sử-Văn hoá</u>	<u>Sú 4638/Q-UBND, ngày 14/12/2005</u>
<u>8</u>	<u>Đền An Biờn</u>	<u>Xã Thủy An</u>	<u>Lịch sử-Văn hoá</u>	<u>Sú 4637/Q-UBND, ngày 14/12/2005</u>
<u>9</u>	<u>Đình, chùa Mỗ Sơn</u>	<u>Xã Xuôn Sơn</u>	<u>Lịch sử-Văn hoá</u>	<u>Sú 4636/Q-UBND, ngày 14/12/2005</u>
<u>10</u>	<u>Nhà bia Yờn Dưỡng</u>	<u>Xã Hùng Thái Đung</u>	<u>Di tích lịch sử</u>	<u>Sú 4223/Q-UBND, ngày 28/12/2006</u>
<u>11</u>	<u>Đình, chùa, nghề làng Vỡn Đung</u>	<u>Xã Nguyễn Hườ</u>	<u>Lịch sử-Văn hoá</u>	<u>Sú 1098/Q-UBND, ngày 20/04/2006</u>
<u>12</u>	<u>Đình, chùa Triều Khờ</u>	<u>Xã Hùng Phong</u>	<u>Lịch sử-Văn hoá</u>	<u>Sú 4222/Q-UBND, ngày 28/12/2006</u>
<u>13</u>	<u>Cum di tích lịch sử, Văn hoá đình, chùa Hoàng Xá</u>	<u>Xã Bình Dương</u>	<u>Lịch sử-Văn hoá</u>	<u>Sú 4423/Q-UBND, ngày 28/11/2007</u>
<u>14</u>	<u>Địa điểm khai thác than đầu tiên của Việt Nam tại núi Yờn</u>	<u>Xã Yờn Tho</u>	<u>Di tích lịch sử</u>	<u>Sú 3171/Q-UBND, ngày 01/10/2008</u>

	<u>Lãng</u>			
<u>15</u>	<u>Đình - Nghè - Miếu Lỗm Xá</u>	<u>Xã Hùng Thái Tõy</u>	<u>Lịch sử, văn hoá</u>	<u>Sú 3178/Q-UBND, ngày 01/10/2008</u>

TỔNG SỐ 15 DI TÍCH

DANH MỤC DI TÍCH HUYỆN ĐẰNG TRIỀU ĐÃ KIỂM KÁ, PHÂN LOẠI

(Chưa được xếp hạng)

(Kóm theo QĐ số: 2459 /QĐ-UBND, ngày 14/8/ 2009, của UBND tỉ nh Quảng Ninh)

<u>Stt</u>	<u>Tờn di tóch</u>	<u>Đi a điểm XD</u>	<u>Loai hõnh DT</u>	<u>Năm XD</u>	<u>Nõi dung DT</u>	<u>Tõnh trang DT</u>	<u>Ghi chỳ</u>
<u>1</u>	<u>Nhà thờ họ xũ Mạo Khờ</u>	<u>Khu phố 1, TT Mạo Khờ</u>	<u>Văn hoỏ</u>	<u>1923</u>	<u>Thờ thờnh Juse</u>	<u>Tỏt</u>	<u>Cú hồ sỡ lưu trữ</u>
<u>2</u>	<u>Nhà thờ họ An Khỏnh</u>	<u>Khu phố 1, TT Mạo Khờ</u>	<u>Văn hoỏ</u>	<u>1941</u>	<u>Thờ thờnh Juse</u>	<u>Tỏt</u>	<u>Cú hồ sỡ lưu trữ</u>
<u>3</u>	<u>Chùa Tế</u>	<u>Khu Vĩ nh Sinh, TT Mạo Khờ</u>	<u>Văn hoỏ</u>	<u>XD lại 1989</u>	<u>Thờ Phật, mẫu</u>	<u>Tỏt</u>	<u>Cú hồ sỡ lưu trữ</u>
<u>4</u>	<u>Đờnh Vĩ nh Tuy</u>	<u>Khu Vĩ nh Tuy 2, TT Mạo Khờ</u>	<u>Văn hoỏ</u>	<u>Thời Lờ</u>	<u>Thờ thờnh hoàng làng</u>	<u>Phế tóch</u>	<u>Cú hồ sỡ lưu trữ</u>
<u>5</u>	<u>Di chỉ khảo cổ Mạo Khờ</u>	<u>TT Mạo Khờ</u>	<u>Khảo cổ</u>	<u>Khai quật năm 1967</u>	<u>Nõi an tởng của người Hỏn</u>		<u>Cú hồ sỡ lưu trữ</u>
<u>6</u>	<u>Chùa Phỳc Lỗm</u>	<u>TT Đờng Triều</u>	<u>NT</u>	<u>Thời Nguyễn</u>	<u>Thờ Phật</u>	<u>Tỏt</u>	<u>Cú hồ sỡ lưu trữ</u>
<u>7</u>	<u>Miếu Cõy Si</u>	<u>Phố Nguyễn Bõnh, TT Đờng Triều</u>	<u>Văn hoỏ</u>	<u>Thời Nguyễn</u>	<u>Thờ Mẫu, chỳa Bản cảnh</u>	<u>Tỏt</u>	<u>Cú hồ sỡ lưu trữ</u>

8	<u>Nhà thờ họ Tôn An</u>	<u>Nguyễn Bõnh, TT Đưng Triều</u>	<u>Văn hoả</u>	<u>1935</u>	<u>Thờ thỏnh Juse</u>	<u>Xuông cấp</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
9	<u>Đền Đưng Triều</u>	<u>TT Đưng Triều</u>	<u>Lị ch sử</u>	<u>Thời Phỏp</u>	<u>Trụ sở của quõn Phỏp bi quõn ta tiờu diệt năm 1945</u>	<u>Là trụ sở huyờn đõi</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
10	<u>Chùa Hà Giang</u>	<u>X. Trai, T. Yờn Lõm, Xó Đức Chớnh</u>	<u>Văn hoả</u>	<u>XD lại 1991</u>	<u>Thờ Phậ</u>	<u>Tỏt</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
11	<u>Chùa Rõm</u>	<u>Thun Yờn Lõm, xỏ Đức Chớnh</u>	<u>LS - VH</u>			<u>Phớ tích</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
12	<u>Chùa Hoa Yờn</u>	<u>Thun Traỏ Hà, xỏ Đức Chớnh</u>	<u>NT</u>		<u>Thờ Phậ</u>	<u>Tỏt</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
13	<u>Chùa Gỏo</u>	<u>X. Trai, T. Yờn Lõm, xỏ Đức Chớnh</u>	<u>Văn hoả</u>	<u>XD lại 1990</u>	<u>Thờ Phậ</u>	<u>Tỏt</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
14	<u>Nghố Cồg Bỏc</u>	<u>Thun Yờn Lõm, xỏ Đức Chớnh</u>	<u>Văn hoả</u>	<u>XD lại 1994</u>	<u>Thờ thỏnh hoàng bản thỏ</u>	<u>Tỏt</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
15	<u>Nhà thờ họ Nguyễn Phỳc</u>	<u>Thun Yờn Lõm, xỏ Đức Chớnh</u>	<u>Văn hoả</u>	<u>XD lại 1994</u>	<u>Thờ Nguyễn Phỳc Thành</u>	<u>Tỏt</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
16	<u>Nhà thờ họ Nguyễn</u>	<u>X. Chố, T. Yờn Lõm, xỏ Đức Chớnh</u>	<u>Văn hoả</u>	<u>XD lại 1996</u>	<u>Thờ Nguyễn Quang Huy</u>	<u>Tỏt</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
17	<u>Nhà thờ Traỏ Hà</u>	<u>Thun Traỏ Hà, xỏ Đức Chớnh</u>	<u>Văn hoả</u>	<u>1889</u>	<u>Thờ thỏnh Tờrõsa</u>	<u>Tỏt</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
18	<u>Nghố Hỏ</u>	<u>Xúm Dinh, xỏ Đức Chớnh</u>	<u>Văn hoả</u>		<u>Thờ Nguyễn Đờnh Thung</u>		<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>

19	<u>Đền Cửa Phủ</u>	<u>Thun Ba Xó, xó An Sinh</u>	<u>Văn hoả</u>	<u>XD lại 1996</u>	<u>Thờ bà chửa Năm phương</u>	<u>Tốt</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
20	<u>Miếu Đĩnh</u>	<u>Thun Trai Lốc, xó An Sinh</u>	<u>Văn hoả</u>	<u>XD lại 1993</u>		<u>Tốt</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
21	<u>Chùa Tuyết</u>	<u>Xó An Sinh</u>	<u>Văn hoả</u>	<u>Thời Trần</u>	<u>Thờ Phất, căn thần của nhà Trần</u>	<u>Xuống cấp</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
22	<u>Đĩnh Bõnh Sơn</u>	<u>Thun Bõnh Sơn, xó Bõnh Dương</u>	<u>Văn hoả</u>	<u>XD lại 1993</u>	<u>Thờ Cao Sơn thượng đẳng thần</u>	<u>Tốt</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
23	<u>Miếu Sinh Tử</u>	<u>Thun Đụng Lỗm, xó Bõnh Dương</u>	<u>Văn hoả</u>	<u>XD lại 1995</u>	<u>Thờ Đổng Cung Cẩn</u>	<u>Tốt</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
24	<u>Nhà thờ họ Đụng Lỗm</u>	<u>Thun Đụng Lỗm, xó Bõnh Dương</u>	<u>Văn hoả</u>	<u>1919</u>	<u>Thờ thỏnh An Tun</u>	<u>Tốt</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
25	<u>Nhà thờ họ Đạo Dương</u>	<u>Thun Phỳc Đa, xó Bõnh Dương</u>	<u>Văn hoả</u>	<u>1913</u>	<u>Thờ thỏnh Tờ Rờ Sa</u>	<u>Tốt</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
26	<u>Đĩnh Bắc Mỏ</u>	<u>Xó Bõnh Dương</u>	<u>Văn hoả</u>	<u>Thời Lờ</u>	<u>Thờ thành hoàng làng</u>	<u>Phế tích</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
27	<u>Đĩnh Đụng Lỗm</u>	<u>Xó Bõnh Dương</u>	<u>Văn hoả</u>		<u>Thờ thành hoàng làng</u>	<u>Phế tích</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
28	<u>Đĩnh Trại Dọc</u>	<u>Thun Trại Dọc, xó Bõnh Khờ</u>	<u>Văn hoả</u>	<u>XD lại 1993</u>	<u>Thờ thành hoàng làng</u>	<u>Tốt</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
29	<u>Đĩnh Bên Châu</u>	<u>Thun Phỳ Ninh, xó Bõnh Khờ</u>	<u>Văn hoả</u>	<u>XD lại 1996</u>	<u>Thờ thành hoàng làng</u>	<u>Tốt</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
30	<u>Miếu Cửa Ngăn</u>	<u>Thun Phỳ Ninh, xó Bõnh</u>	<u>Văn</u>	<u>XD lại</u>	<u>Thờ Thỏnh Cu</u>	<u>Tốt</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>

		<u>Khờ</u>	<u>hoỏ</u>	<u>1993</u>			
<u>31</u>	<u>Miếu Đổng Đũ</u>	<u>Thun Đổng Đũ, xó Bõnh</u>	<u>Văn</u>	<u>XD lại</u>		<u>Tốt</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
		<u>Khờ</u>	<u>hoỏ</u>	<u>1997</u>			
<u>32</u>	<u>Đõnh Phư Ninh</u>	<u>Thun Trại Mới B, xó Bõnh</u>	<u>Văn</u>	<u>XD lại</u>	<u>Thờ Thành Hoàng</u>	<u>Tốt</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
		<u>Khờ</u>	<u>hoỏ</u>	<u>1991</u>	<u>làng</u>		
<u>33</u>	<u>Miếu Quảng Mẫn</u>	<u>Thun Quảng Mẫn, xó</u>	<u>Văn</u>	<u>XD lại</u>	<u>Thờ Thổ Địa</u>	<u>Tốt</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
		<u>Bõnh Khờ</u>	<u>hoỏ</u>	<u>1991</u>			
<u>34</u>	<u>Chưa Bõnh Lục</u>	<u>Thun Bõnh Lục, xó HỒNG</u>	<u>NT</u>	<u>Thời</u>	<u>Thờ Phật</u>	<u>Tốt</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
		<u>Phong</u>		<u>Nguyễn</u>			
<u>35</u>	<u>Đõnh Bõnh Lục</u>	<u>Thun Bõnh Lục Hạ, xó</u>	<u>Văn</u>	<u>Thời Lờ,</u>	<u>Thờ Trần Liễu</u>	<u>Tốt</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
		<u>HỒNG Phong</u>	<u>hoỏ</u>	<u>1995</u>			
<u>36</u>	<u>Chưa Đòan Xỏ</u>	<u>Thun Đòan Xỏ 1, xó HỒNG</u>	<u>Văn</u>	<u>XD lại</u>	<u>Thờ Phật</u>	<u>Tốt</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
		<u>Phong</u>	<u>hoỏ</u>	<u>1994</u>			
<u>37</u>	<u>Nhà thờ HỌ Đụng Tõn</u>	<u>Thun Đụng Tõn, xó HỒNG</u>	<u>Văn</u>	<u>1932</u>	<u>Thờ Thỏnh Phờ Ru</u>	<u>Tốt</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
		<u>Phong</u>	<u>hoỏ</u>				
<u>38</u>	<u>Chưa Kho</u>	<u>T. Tõn Yờn, xó HỒNG</u>	<u>Văn</u>	<u>XD lại</u>	<u>Thờ Phật</u>	<u>Tốt</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
		<u>Thỏi Đụng</u>	<u>hoỏ</u>	<u>1989</u>			
<u>39</u>	<u>Chưa Thường</u>	<u>T. Vĩ nh Thỏi, xó HỒNG</u>	<u>Văn</u>	<u>XD lại</u>	<u>Thờ Phật</u>	<u>Tốt</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
		<u>Thỏi Đụng</u>	<u>hoỏ</u>	<u>1967</u>			
<u>40</u>	<u>Miếu Đổng Đũ</u>	<u>T. Thượng Thung, xó</u>	<u>Văn</u>		<u>Thờ Mẫu</u>	<u>Tốt</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
		<u>HỒNG Thỏi Đụng</u>	<u>hoỏ</u>				
<u>41</u>	<u>Đõnh Thượng Thung</u>	<u>T. Thượng Thung, xó</u>	<u>Văn</u>	<u>XD lại</u>		<u>Tốt</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>

		<u>Hồng Thới Dung</u>	<u>hoả</u>	<u>1995</u>			
<u>42</u>	<u>Nơi Bỏ Hồ dùng chôn</u>	<u>Thun Hoàn Mu, xó HỒng Thới Tỡ</u>	<u>Lị ch sử</u>		<u>Nơi Bỏ Hồ dùng chôn ngày 02/02/1965</u>	<u>Tốt</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
<u>43</u>	<u>Chưa Mu</u>	<u>Thun Hoàn Mu, xó HỒng Thới Tỡ</u>	<u>Văn hoả</u>	<u>XD lại 1990</u>	<u>Thờ Phật</u>	<u>Tốt</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
<u>44</u>	<u>Nghố Khờ Sài</u>	<u>Thun 4, xó HỒng Thới Tỡ</u>	<u>Văn hoả</u>		<u>Thờ Quốc Mẫu HỒng Dươg</u>	<u>Phế tích</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
<u>45</u>	<u>Miếu Oanh</u>	<u>Thun 8, xó HỒng Thới Tỡ</u>	<u>Văn hoả</u>		<u>Thờ Thiên Đứ</u>	<u>Mới tun tạo</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
<u>46</u>	<u>Miếu Xỡ</u>	<u>Thun 8, xó HỒng Thới Tỡ</u>	<u>Văn hoả</u>		<u>Thờ Thiên Triều</u>	<u>Phế tích</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
<u>47</u>	<u>Nghố Ao Sen</u>	<u>Thun 2, xó HỒng Thới Tỡ</u>	<u>Văn hoả</u>			<u>Phế tích</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
<u>48</u>	<u>Nghố Đốg Lỏi</u>	<u>Thun 2, xó HỒng Thới Tỡ</u>	<u>Văn hoả</u>			<u>Phế tích</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
<u>49</u>	<u>Đỡnh Mỡ Xỏ</u>	<u>Thun Mỡ Xỏ, xó Hung Đao</u>	<u>Văn hoả</u>	<u>XD lại 1994</u>	<u>Thờ Trương Đỡnh Hỏt</u>	<u>Tốt</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
<u>50</u>	<u>Đền Thủ Dươg</u>	<u>Thun Mỡ Xỏ, xó Hung Đao</u>	<u>Văn hoả</u>	<u>XD lại 1994</u>	<u>Thờ Bà Trần Thị Nghĩ a</u>	<u>Tốt</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
<u>51</u>	<u>Chưa Na Dươg</u>	<u>Thun Mỡ Xỏ, xó Hung Đao</u>	<u>Văn hoả</u>	<u>XD lại 1992</u>	<u>Thờ Phật</u>	<u>Tốt</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
<u>52</u>	<u>Đỡnh Mỹ Cự</u>	<u>Thun Mỡ Xỏ, xó Hung Đao</u>	<u>Văn hoả</u>	<u>XD lại 1995</u>	<u>Thờ Trương Đỡnh Hỏt</u>	<u>Tốt</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>

53	<u>Chùa Thủ Dương</u>	<u>Thun Mễ Xỏ, xó Hung</u> <u>Đạo</u>	<u>Văn</u> <u>hoả</u>	<u>Thời</u> <u>Nguyễn</u>	<u>Thờ Phật</u>	<u>Tốt</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
54	<u>Di Chỉ Khảo Cổ</u>	<u>Thun Na Dương, xó Hung</u> <u>Đạo</u>	<u>Khảo</u> <u>Cổ</u>	<u>Thời Hòn</u>	<u>Nơi an táng người</u> <u>Hòn</u>	<u>Tốt</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
55	<u>Đình Quế Lạt</u>	<u>Thun Quế Lạt, xó Hoàng</u> <u>Quế</u>	<u>Văn</u> <u>hoả</u>	<u>XD lại</u> <u>1991</u>		<u>Tốt</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
56	<u>Chùa Nội Hoàng</u>	<u>Thun Nội Hoàng, xó</u> <u>Hoàng Quế</u>	<u>Văn</u> <u>hoả</u>	<u>XD lại</u> <u>1991</u>	<u>Thờ Phật</u>	<u>Tốt</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
57	<u>Chùa Quế Lạt</u>	<u>Thun Quế Lạt, xó Hoàng</u> <u>Quế</u>	<u>Văn</u> <u>hoả</u>		<u>Thờ Phật</u>	<u>Phế tích</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
58	<u>Miếu Thổ Thần</u>	<u>Thôn Tràng Bạch, xó</u> <u>Hoàng Quế</u>	<u>Văn</u> <u>hoả</u>		<u>Thờ Thiên Thần, Thổ</u> <u>Địa</u>	<u>Phế tích</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
59	<u>Chùa Múc Đồng</u>	<u>Thun Tràng Bạch, xó</u> <u>Hoàng Quế</u>	<u>Văn</u> <u>hoả</u>		<u>Thờ Phật</u>	<u>Mới XD</u> <u>lai</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
60	<u>Đình Nội Hoàng</u>	<u>Thun Nội Hoàng, xó</u> <u>Hoàng Quế</u>	<u>Văn</u> <u>hoả</u>		<u>Thờ Thành Hoàng</u> <u>làng</u>	<u>Phế tích</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
61	<u>Chùa Cổ Giản</u>	<u>Thun Cổ Giản, xó Kim</u> <u>Sơn</u>	<u>Văn</u> <u>hoả</u>	<u>XD lại</u> <u>1995</u>	<u>Thờ Phật</u>	<u>Tốt</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
62	<u>Chùa Gia Mu</u>	<u>Thun Gia Mu, xó Kim Sơn</u>	<u>Văn</u> <u>hoả</u>	<u>XD lại</u> <u>1994</u>	<u>Thờ Phật</u>	<u>Tốt</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
63	<u>Chùa Kim Sơn</u>	<u>Thun Kim Sơn, xó Kim</u> <u>Sơn</u>	<u>Văn</u> <u>hoả</u>	<u>XD lại</u> <u>1996</u>	<u>Thờ Phật</u>	<u>Tốt</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>

64	<u>Chùa Mu</u>	<u>Thun Gia Mu, xó Kim Sơn</u>	<u>Văn hoả</u>				<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
65	<u>Chùa Mo</u>	<u>Thun Gia Mu, Xã Kim Sơn</u>	<u>LS - VH</u>			<u>Mới tun tao lại 2006</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
66	<u>Đình Đưng Mai</u>	<u>Thun Đưng Mai, xó Nguyễn Huệ</u>	<u>Văn hoả</u>	<u>XD lại 1993</u>	<u>Thờ Đào Phức Thành</u>	<u>Tốt</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
67	<u>Đình Hàng Thun</u>	<u>Thun Đưng Mai, xó Nguyễn Huệ</u>	<u>Văn hoả</u>	<u>XD lại 1994</u>		<u>Tốt</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
68	<u>Cầu Đò</u>	<u>Thun Đưng Mai, xó Nguyễn Huệ</u>	<u>Văn hoả</u>	<u>Thời Lờ</u>	<u>Dung làm đường đi</u>	<u>Tốt</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
69	<u>Chùa Đưng Mai</u>	<u>Thun Đưng Mai, xó Nguyễn Huệ</u>	<u>Văn hoả</u>	<u>XD lại 1989</u>	<u>Thờ Phật</u>	<u>Tốt</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
70	<u>Nghố Tỏ La</u>	<u>Thun Đưng Mai, xó Nguyễn Huệ</u>	<u>Văn hoả</u>			<u>Tốt</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
71	<u>Đền HỒ</u>	<u>Thun 1 Vôn Đưng, xó Nguyễn Huệ</u>	<u>Văn hoả</u>	<u>XD lại 1988</u>	<u>Thờ Mẫu Thương Thìen</u>	<u>Tốt</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
72	<u>Miếu Đnh Phức Đa</u>	<u>Thun Phức Đa, xó Tồn Việt</u>	<u>Văn hoả</u>	<u>XD lại 1994</u>	<u>Thờ Thành Hoàng làng Trần Đĩnh Thôm</u>	<u>Tốt</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
73	<u>Chùa Phức Đa</u>	<u>Thun Phức Đa, xó Tồn Việt</u>	<u>Văn hoả</u>	<u>XD lại 1995</u>	<u>Thờ Phật</u>	<u>Tốt</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>

74	<u>Đĩnh Thượng</u>	<u>Thun Phỳc Đa, xó Tồn</u> <u>Việt</u>	<u>Văn</u> <u>hoỏ</u>		<u>Thờ Trần Đĩnh</u> <u>Thồm, Trần Đĩnh</u> <u>Thồm và Trần Quốc</u> <u>Cẩn</u>	<u>Phế tích</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
75	<u>Nhà Thờ họ Phạm</u>	<u>Thun Phỳc Đa, xó Tồn</u> <u>Việt</u>	<u>Văn</u> <u>hoỏ</u>			<u>Phế tích</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
76	<u>Nhà Thờ họ Mạc</u>	<u>Thun Hồ Lao, xó Tồn</u> <u>Việt</u>	<u>Văn</u> <u>hoỏ</u>				<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
77	<u>Chùa Ngọc Thanh</u>	<u>Thun Đạm Thủy, xó Thủy</u> <u>An</u>	<u>Văn</u> <u>hoỏ</u>	<u>XD lại</u> <u>1992</u>	<u>Thờ Phật và thờ Trần</u> <u>Nhơn Tung</u>	<u>Tốt</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
78	<u>Chùa An Biền</u>	<u>Thun An Biền, xó Thủy</u> <u>An</u>	<u>Văn</u> <u>hoỏ</u>	<u>Thời Trần</u>	<u>Thờ Phật</u>	<u>Phế tích</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
79	<u>Chùa Trông</u>	<u>Xó Thủy An</u>	<u>Văn</u> <u>hoỏ</u>		<u>Thờ Phật</u>	<u>Phế Tích</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
80	<u>Phế tích chùa Am Hoa</u>	<u>Xó Tràng Lương</u>	<u>Văn</u> <u>hoỏ</u>		<u>Thờ Phật</u>	<u>Phế tích</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
81	<u>Miếu Cỗ Lim</u>	<u>Thun Trung Lương, xó</u> <u>Tràng Lương</u>	<u>Văn</u> <u>hoỏ</u>	<u>XD lại</u> <u>1996</u>		<u>Tốt</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
82	<u>Miếu Năm Giai</u>	<u>Thun Năm Giai, xó Tràng</u> <u>Lương</u>	<u>Văn</u> <u>hoỏ</u>	<u>XD lại</u> <u>1996</u>	<u>Thờ Bà Chỳa Năm</u> <u>Phương</u>	<u>Tốt</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
83	<u>Phế tích Đĩnh Trại Thụ</u>	<u>Thun Năm Giai, xó Tràng</u> <u>Lương</u>	<u>Văn</u> <u>hoỏ</u>			<u>Phế tích</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
84	<u>Miếu Đĩnh Trại Thụ</u>	<u>Thun Trại Thụ, xó Tràng</u>	<u>Văn</u>	<u>Thời</u>		<u>Tốt</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>

		<u>Luong</u>	<u>hoả</u>	<u>Nguyễn</u>			
85	<u>Chùa Khờ Thương</u>	<u>Xó Việt Dồn</u>	<u>Văn</u> <u>hoả</u>		<u>Thờ Phật</u>	<u>Phế tích</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
86	<u>Miếu Thờ</u>	<u>Xó Việt Dồn</u>	<u>Văn</u> <u>hoả</u>			<u>Phế tích</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
87	<u>Nhà Thờ Xứ Đưng Khờ</u>	<u>Thun Khờ Hạ, xó Việt Dồn</u>	<u>Văn</u> <u>hoả</u>	<u>1922</u>	<u>Thờ Thỏnh Jo An</u>	<u>Tốt</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
88	<u>Nhà thờ họ Đưng An</u>	<u>Thun Đưng An, xó Việt Dồn</u>	<u>Văn</u> <u>hoả</u>	<u>1948</u>	<u>Thờ Thỏnh Đu Mi Ni</u> <u>Cu</u>	<u>Tốt</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
89	<u>Nhà thờ họ Đổng Tôm</u>	<u>Thun Đổng í, xó Việt Dồn</u>	<u>Văn</u> <u>hoả</u>	<u>1941</u>		<u>Tốt</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
90	<u>Chùa Cầm</u>	<u>Thun Xuôn Viờn, xó Xuôn Sơn</u>	<u>Văn</u> <u>hoả</u>	<u>XD lại</u> <u>1995</u>	<u>Thờ Phật</u>	<u>Tốt</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
91	<u>Đình Đưng Sơn</u>	<u>Thun Đưng Sơn, xó Xuôn Sơn</u>	<u>Văn</u> <u>hoả</u>		<u>Thờ Thành Hoàng</u> <u>làng Vũ Bỏch Phỳc</u>	<u>Phế tích</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
92	<u>Nghó Vua ềng</u>	<u>Thun Mễ Sơn, xó Xuôn Sơn</u>	<u>Văn</u> <u>hoả</u>			<u>Tốt</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
93	<u>Miếu Cầu Cau</u>	<u>Thun Xuôn Viờn, xó Xuôn Sơn</u>	<u>Văn</u> <u>hoả</u>	<u>Thời</u> <u>Nguyễn</u>	<u>Thờ Bà My Nga</u> <u>Cung Chỳa</u>	<u>Tốt</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
94	<u>Miếu Bà Cỏc</u>	<u>Thun Mễ Sơn, xó Xuôn Sơn</u>	<u>Văn</u> <u>hoả</u>	<u>XD lại</u> <u>1996</u>	<u>Thờ 1 vị tướng tham</u> <u>gia đờnh trận, chết</u> <u>tại đờy</u>	<u>Tốt</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
95	<u>Miếu Nội Bả</u>	<u>Thun Đưng Sơn, xó Xuôn Sơn</u>	<u>Văn</u>			<u>Hồng</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>

		<u>Sơn</u>	<u>hoả</u>				
96	<u>Trận địa pháo cao xạ 12 ly 7</u>	<u>Thun Xuôn Viên, xó Xuôn Sơn</u>	<u>Lịch sử</u>		<u>Trận địa bắn rơi mỏ bay thứ 100</u>	<u>Tốt</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
97	<u>Nghố Miếu</u>	<u>Xúm Đũ, xó Xuôn Sơn</u>	<u>Văn hoả</u>				<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
98	<u>Nghố Thun Một</u>	<u>Xúm Giữa, xó Xuôn Sơn</u>	<u>Văn hoả</u>				<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
99	<u>Vườn Thờ Long Uyển</u>	<u>Thun Đức Sơn, xó Yòn Đức</u>	<u>LS - VH và DT</u>			<u>Cũn bia đổ khắc tôn danh tướng Đổ Khắc Chung</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
00	<u>Đền thờ Thỉnh Hang Sơn</u>	<u>Thun Yòn Khỏnh, xó Yòn Đức</u>	<u>Văn hoả</u>	<u>XD lại 1992</u>	<u>Thờ Thỉnh Hang Sơn</u>	<u>Tốt</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
01	<u>Cầu Đò</u>	<u>Thun Yòn Khỏnh, xó Yòn Đức</u>	<u>NT</u>	<u>Thờ Hậu Lờ</u>	<u>Dựng làm đường đi</u>	<u>Tốt</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
02	<u>Chùa Chớ Linh</u>	<u>Thun Chớ Linh, xó Yòn Đức</u>	<u>Văn hoả</u>	<u>XD lại 1992</u>	<u>Thờ Phật</u>	<u>Tốt</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
03	<u>Chùa Dương Đờ</u>	<u>Thun Dương Đờ, xó Yòn Đức</u>	<u>Văn hoả</u>	<u>XD lại 1994</u>	<u>Thờ Phật</u>	<u>Tốt</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
04	<u>Chùa Tam Bảo</u>	<u>Thun Đức Sơn, xó Yòn Đức</u>	<u>Văn hoả</u>	<u>XD lại 1996</u>	<u>Thờ Phật</u>	<u>Tốt</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>

<u>05</u>	<u>Chùa Xuôn Quang</u>	<u>Thun Xuôn Quang, xã Yòn Tho</u>	<u>LS - VH</u>			<u>Mới tun tạo năm 2005</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
<u>06</u>	<u>Chùa Thọ Tràng</u>	<u>Thun Thọ Tràng, xó Yòn Thọ</u>	<u>Văn hoả</u>	<u>XD lại 1994</u>	<u>Thờ Phât</u>	<u>Tốt</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
<u>07</u>	<u>Đình Thọ Tràng</u>	<u>Thun Yòn Lóng, xó Yòn Thọ</u>	<u>Văn hoả</u>	<u>XD lại 1994</u>	<u>Thờ Thành Hoàng Làng</u>	<u>Tốt</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
<u>08</u>	<u>Chùa Thương</u>	<u>Thun Yòn Dưỡng, xó Yòn Thọ</u>	<u>Văn hoả</u>		<u>Thờ Phât</u>	<u>Phế tích</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
<u>09</u>	<u>Nghố Thụ</u>	<u>Thun Yòn Hợp, xó Yòn Thọ</u>	<u>Văn hoả</u>			<u>Xuống cấp</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
<u>10</u>	<u>Nghố Thương</u>	<u>Thun An Biên, xó Yòn Thọ</u>	<u>Văn hoả</u>			<u>Xuống cấp</u>	<u>Cú hồ sơ lưu trữ</u>
<u>TỔNG SỐ 110 DI TÍCH</u>							

HUYỆN ĐĂNG TRIỀU TỔNG CỘNG: 133 DI TÍCH

.....



Bản đồ huyện Đông Triều



Chùa Quỳnh Lâm



Chùa Nga Vân



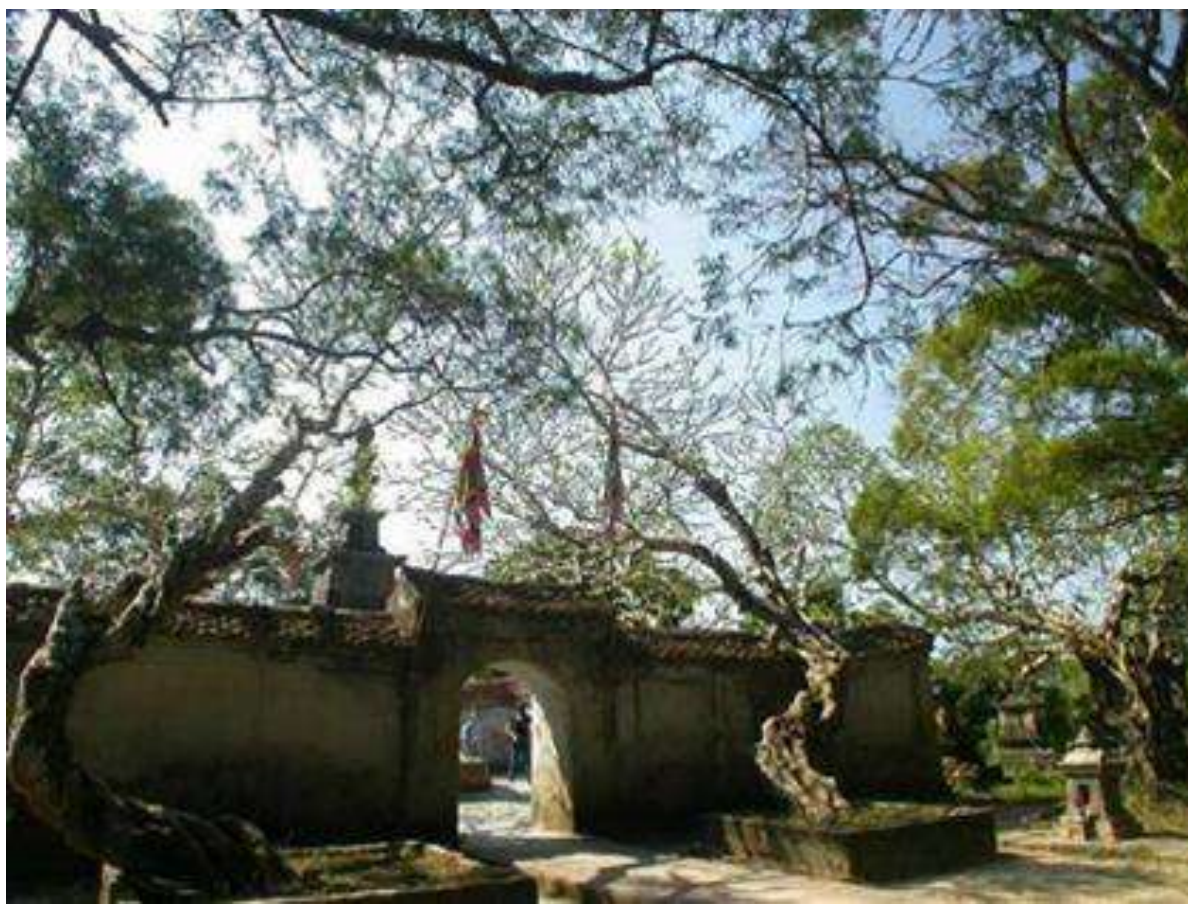
Chùa Hồ Thiên



Chùa Nhuê Hồ



Đền An Sinh



Lăng mộ vua Trần Nhân Tông



Nhà bảo tàng Chiến khu Đông Triều



Di tích Núi Canh



Tượng đài nữ tướng Lê Chân



Lễ kỷ niệm 65 năm ngày thành lập chiến khu Đông Triều (8/6/2010)